



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Chính quyền bắt giam ông Phạm Thái

Ngày 11-2-1995, chính quyền Hà Nội đã bắt giam ba người còn lại của Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ (PTTNDT&XDDC) là các ông Phạm Thái (tên thật là Nguyễn Ngọc Tân), Đồng Tuy và Nguyễn Văn Châu. Ông Phạm Thái năm nay 74 tuổi là phó chủ tịch của PTTNDT&XDDC.

Trước đó và từ hơn một năm nay đã có bốn người của PTTNDT&XDDC bị bắt giam. Đó là các ông Nguyễn Đình Huy (chủ tịch), Phạm Trường, Nguyễn Thanh Liêm và Nguyễn Tấn Trí. Hai ông Liêm và Trí định cư tại Mỹ và có quốc tịch Mỹ, đã về Việt Nam để chuẩn bị Hội Nghị Về Phát Triển Việt Nam mà PTTNDT&XDDC dự định tổ chức vào ngày 27-11-1993.

PTTNDT&XDDC được thành lập vào tháng 7-1992 tại Việt Nam do ông Nguyễn Đình Huy làm chủ tịch và ông Phạm Thái làm phó chủ tịch. Ông Nguyễn Đình Huy là nhân vật số hai, sau cố giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, trước đây của đảng Tân Đại Việt. Sau ngày 30-4-1975, ông bị bắt giam trong hơn 15 năm. Ông Phạm Thái là một nhà báo có uy tín, một học giả và một nhà cách

mạng kỳ cựu có nhiều thành tích. Ông là cựu dân biểu và cũng là cựu bộ trưởng dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Ông cũng đã trải qua 15 năm lao tù. Ngày 11-12-1992, PTTNDT&XDDC tổ chức lễ ra mắt tại hải ngoại tại trụ sở Hạ Viện Mỹ. Ngay sau đó, ông Nguyễn Đình Huy cho phổ biến cương lĩnh chính trị của Phong Trào và trả lời nhiều cuộc phỏng vấn của báo chí hải ngoại. Dầu vậy PTTNDT&XDDC đã không bị đàn áp, họ được một thời gian yên ổn khá lý kỳ trong hơn một năm, ngay giữa lúc những người cũng phát biểu không khác họ là bao như Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế bị kết án nặng nề. Sự kiện này khiến nhiều người nghĩ rằng PTTNDT&XDDC đã được sự yểm trợ, nếu không của chính phủ Mỹ, ít ra của nhiều nhân vật Mỹ. Sự hiện diện tích cực của luật sư Stephen Young như một phối trí viên hải ngoại của Phong Trào, càng làm mạnh thêm niềm tin này. Cả hai ông Nguyễn Đình Huy và Phạm Thái đều xác nhận họ có hậu thuẫn từ Hoa Kỳ.

Tất cả đã thay đổi đột ngột trước ngày Hội Nghị Về Phát Triển Việt Nam mà Phong Trào dự định triệu tập tại Sài Gòn ngày 27-11-1993. Ông Huy và ba cộng sự viên khác bị bắt giam và hội nghị bị cấm.

Vụ triết hạ PTTNDT&XDDC là một vụ trở mặt chính trị.

Trong một thời gian khá dài, từ đầu năm 1992, đã có nhiều tiếp xúc tại Paris giữa luật sư Stephen Young và ông Dương Văn Đàm, cố vấn của tổng bí thư Đỗ Mười. Những cuộc thảo luận này đã đi đến kết quả là PTTNDT&XDDC được thành lập ở trong nước mà không bị đàn áp. Ông Young tin rằng Hà Nội đã chấp nhận một giải pháp dân chủ hóa và đưa ra một tiến trình dân chủ hóa gồm sáu giai đoạn mà ông tuyên bố đã được ông Nguyễn Đình Huy chấp nhận. "Kế hoạch Young", trong đó PTTNDT&XDDC được trao vai trò lãnh đạo đối lập dân chủ Việt Nam để đối thoại với đảng cộng sản, đã gây tranh cãi sôi nổi, nhiều tổ chức chính trị đã phản đối một cách bức bối vì họ nghĩ - không phải không có lý do - rằng PTTNDT&XDDC đã dựa vào Mỹ để bắt tay với đảng cộng sản và loại bỏ họ.

Nhưng kết quả đã không như vậy, hy vọng của những người chủ xướng PTTNDT&XDDC đã tan vỡ và đưa họ vào vòng lao lý. Điều đáng nói là ngay cả sau khi ông Nguyễn Đình Huy bị bắt giam, ông Dương Văn Đàm vẫn còn tiếp tục qua lại Paris với tư cách là cố vấn của ông Đỗ Mười. Trong các tiếp xúc, ông Đàm quả quyết ông Đỗ Mười thực sự muốn dân chủ hóa nhưng đã bị phe Võ Văn Kiệt phá đám. Điều này chứng tỏ ông Đỗ Mười không thủ cựu như người ta tưởng nhưng cũng không có thực

Trong số này

	Thông Luận
1. Vấn đề trong tháng	
3. Chính trị quốc tế:	
Công và tội của Đặng Tiểu Bình	Huỳnh Hùng
4. Những bí ẩn chung quanh vụ...	Trần Bình Nam
6. Đọc "Thống nhất Phật giáo"...	Phạm Ngọc Lân
9. Thư ngỏ về Giáo phận Huế	Nguyễn Văn Lý
12. Một khả năng chưa tận dụng...	Nguyễn Gia Kiểng
15. Con rồng kinh tế Việt Nam?	Nguyễn Chính Phương
17. Việt Nam đi về đâu?	Dương Hồng Việt
19. Nông thôn Việt Nam hiện nay	Nguyễn Anh Tuấn
20. Triết lý con giun	Đỗ Quyền
23. Nói chuyện với nhà văn Nhật Tiến	Thụy Khuê
24. Phỏng vấn chị Cẩm Phượng	Trần Thanh Hiệp
26. Thư độc giả:	
Đòi điều lo nghĩ	Nguyễn Hữu Chung
27. Tạp ghi	Vũ Thiện Hân
28. Thời sự - Tin tức	
32. Sở tay:	Phù Du

quyền, ngược lại ông Võ Văn Kiệt không phải là nhân vật cởi mở mà báo chí Phương Tây thường mô tả.

Tháng 10-1994, chính quyền cộng sản công bố danh sách 13 vụ án lớn sẽ phải giải quyết xong trong năm 1994, trong đó có "vụ Nguyễn Đình Huy hoạt động chống chính phủ". Nhưng rồi vẫn không có phiên tòa nào mở ra cho tới nay.

Việc bắt giam các ông Phạm Thái, Đồng Tuy, Nguyễn Văn Châu có thể có nghĩa là phiên tòa sắp diễn ra. Đây là điều mà ông Phạm Thái đã bình tĩnh chờ đợi từ hơn một năm nay. Với những người thân cận, ông Phạm Thái cho biết ông không những không sợ ra tòa mà còn muốn được ra trước tòa để lớn tiếng bênh vực lập trường dân chủ đa nguyên.

Rõ ràng là không khí đàn áp chính trị đang gia tăng một cách ngột ngạt tại trong nước. Tháng 12-1994, Hòa thượng Huyền Quang, tháng 1-1995 đến lượt Hòa thượng Quảng Độ, rồi tháng 2-1995 đến ông Phạm Thái và các đồng chí. Điều trớ trêu là tất cả những vụ bắt bớ đó xảy ra sau những lời tuyên bố "hòa hợp dân tộc" của các nhà lãnh đạo cộng sản và cùng một lúc với một chiến dịch qui mô nhằm ve vãn cộng đồng người Việt hải ngoại mà tuyệt đại đa số đối lập với chính quyền cộng sản. Đảng cộng sản muốn gì và tại sao họ lại có thể mâu thuẫn một cách quá lộ liễu và vụng về như vậy?

Một nguyên nhân có thể giải thích tất cả là tình trạng nguy ngập hiện nay của chế độ.

Sinh hoạt kinh tế thị trường dù chưa trọn vẹn và xô bồ vẫn có lô-gích căn bản của nó. Mặc dầu những chống trả hung hăng của đảng cộng sản, năm năm đổi mới kinh tế vừa qua vẫn là những năm của diễn tiến hòa bình theo chiều hướng giảm thiểu khả năng khống chế của đảng cộng sản và tăng cường mức độ độc lập của xã hội dân sự. Sự chuyển hóa giờ đây đã đạt tới một mức độ hiểm nguy cho chế độ cộng sản.

Những bất mãn với chế độ cũng đã có thời gian để tích lũy. Người dân bất mãn vì tham nhũng, buôn lậu, vì giáo dục, y tế suy sụp, vì đạo đức bị băng hoại, môi trường sinh sống bị hủy hoại, vì bất công xã hội được phơi bày một cách lộ liễu và thách đố, vì chủ quyền kinh tế mất dần vào tay người ngoại quốc và nhất là họ càng ngày càng nhận ra là luật chơi hiện nay không dành cho họ một vận hội nào mà chỉ phục vụ cho một thiểu số rất nhỏ.

Những khó khăn trước mắt của chính quyền cũng rất trầm trọng: đầu tư khựng lại, ngân quỹ trống rỗng, ngân sách thiếu hụt nặng nề, lạm phát tái xuất hiện ở mức độ cao. Một trái bom nổ chậm đang đe dọa chế độ là quyết định đình chỉ tăng lương công nhân sau khóa họp quốc hội tháng 10-1994. Trong khi giá cả nội địa tăng ở mức trên 30% mỗi năm, quyết định này có nghĩa là mức sống của những người trên nguyên tắc có nhiệm vụ bảo vệ chế độ sẽ bị sút giảm một cách bi đát.

Một cách đều đặn nhưng chắc chắn, sự công phẫn với chế độ đã dâng lên rất cao từ một xã hội dân sự càng ngày càng có thêm khả năng để phản đối. Trong khi đó thì nội bộ đảng cộng sản chia rẽ trầm trọng vì đã mất đồng thuận và vì tranh giành quyền lợi. Tinh thần đó đã đưa đảng cộng sản đến hai thái độ rất mâu thuẫn.

Một mặt, các cấp lãnh đạo đảng cộng sản bắt buộc phải nói một ngôn ngữ cởi mở phù hợp với thực tại xã hội nếu còn muốn được nghe. Làm sao họ có thể phủ nhận những "ý kiến khác với chính phủ" (như lời ông Kiệt) khi những ý kiến ấy đã thể hiện một cách tràn ngập ngoài đường phố, trong các công sở, tại các quán cà-phê và trong cả gia đình? Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi các cấp lãnh đạo cộng sản đưa ra những lời tuyên bố cởi mở để xoa dịu những bất mãn mà họ không thể đàn áp. Và lại càng không đáng ngạc nhiên khi họ tìm cách ve vãn cộng đồng người

Việt hải ngoại để mong thu hút một khả năng tài chánh to lớn vào lúc họ đang cực kỳ túng quẫn.

Mặt khác, cũng chính tình thế nguy ngập đó làm chính quyền cộng sản hoảng hốt, nhìn đâu cũng thấy hiểm họa và dùng đủ mọi biện pháp để tiêu diệt những gì mà họ coi là những mầm mống chống đối. Sự hung bạo xuất hiện từ sợ hãi. Nhưng những biện pháp thô bạo đưa ra cùng một lúc với những lời lẽ hòa dịu chỉ làm cho sự hòa dịu có vóc dáng của một sự bất lực và làm cho sự thô bạo thêm phần xảo trá. Làm thế nào có thể tiêu diệt được mọi chống đối khi sự chống đối hiện diện trong mọi thành phần dân chúng, trong mọi cơ quan, xí nghiệp, trong mọi gia đình và trong mọi người? Những biện pháp đàn áp trong hoàn cảnh này không ngăn chặn được gì mà chỉ có tác dụng của những khiêu khích làm cho các phần nộ tích lũy để rồi vào một lúc nào đó bùng nổ với những hậu quả không ngờ.

Vẫn còn một lối thoát khác, dễ dàng và an toàn mà đảng cộng sản cố tình từ chối. Đó là thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc thực sự, chấp nhận dân chủ đa nguyên. Lối thoát đó có thể không bảo đảm cho đảng cộng sản tiếp tục cầm quyền, nhưng ít nhất, và trong trường hợp bất lợi nhất cho họ, nó vẫn bảo đảm an ninh và danh dự cho mọi người. Có lẽ những gì họ đã làm trong quá khứ đã khiến các nhà lãnh đạo cộng sản không dám tin ở lối thoát đó. Họ không thể hiểu rằng tất cả mọi người Việt Nam sáng suốt đều ý thức rằng chúng ta không còn thì giờ để mất cho thù hận và chia rẽ, và những người sáng suốt đủ đồng ý để bảo đảm cho một sự chuyển hóa an toàn, có tình có nghĩa, về một tương lai dân chủ và hòa hợp, chấp nhận được cho mọi người.

Lấy lại đồng thuận dân tộc, làm lại đất nước là con đường duy nhất và cũng là việc rất khẩn cấp. Vì ngoài tình trạng bi đát về kinh tế, xã hội, văn hóa, chúng ta còn đang nguy ngập cả về an ninh. Hải quân không còn khả năng bảo vệ các hải đảo. Các sư đoàn trải ra để phòng ngự biên giới phía Bắc trên thực tế đã bị phân hóa thành những toán buôn lậu và không còn khả năng tự vệ. Quân đội thiếu cả tinh thần lẫn phương tiện để chiến đấu. Trong khi đó chúng ta hoàn toàn không nắm vững những ý đồ của Bắc Kinh và cũng không thể tiên liệu được những gì sẽ xảy ra tại Trung Quốc sau cái chết đã gần kề của Đặng Tiểu Bình. Hơn lúc nào hết chúng ta cần đoàn kết dân tộc.

Giữa lúc đất nước đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng như vậy thì đáng giận thay nhà cầm quyền cộng sản lại chỉ tập trung đàn áp những phần tử ôn hòa và nhân hậu như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Quảng Độ, Huyền Quang, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Hộ, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái... những biểu tượng của lòng bao dung và tinh thần hòa giải dân tộc, những hạt nhân của một đồng thuận dân tộc mới.

Hãy dành một suy tư cho những người đang mắc nạn vì lẽ phải và lòng yêu nước. Chúng ta có thể không đồng ý với phương thức hành động của các ông Nguyễn Đình Huy và Phạm Thái nhưng chúng ta không thể phủ nhận rằng họ là những người có lập trường dân chủ thực sự, yêu nước thực sự và đầy lòng dũng cảm. Quá trình hoạt động của họ chứng tỏ điều đó và những gì họ đang chịu đựng cùng chúng tôi điều đó. Thái độ của họ trong phiên tòa tới đây cũng sẽ chứng tỏ điều đó.

Chúng ta cùng cần đồng thanh lên án một nhà nước tự đặt ra ngoài vòng pháp luật, đã đàn áp thô bạo những người hoạt động hoàn toàn trong khuôn khổ hợp pháp, chỉ có tội duy nhất là xin phép tổ chức một hội thảo về phát triển đất nước.

Thông Luận

Công và tội của Đặng Tiểu Bình

Huyền Hùng

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã trù liệu ba thời điểm để cho Đặng Tiểu Bình đi châu cụ Mác, như chính lời ông ta đã nói. Thời điểm trước ngày 29-1-1995, ngày tất niên âm lịch, trước khi bước sang năm mới, năm con Heo theo mê tín dị đoan là năm làm ăn phát tài thịnh vượng cho mọi người. Thời điểm thứ hai là tuyên bố cái chết của họ Đặng vào tuần lễ đầu năm con Heo, là tuần lễ mà các hoạt động kinh tế chạy chậm lại, các thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng như Hồng Kông đóng cửa, tránh được khủng hoảng do cái chết của Đặng Tiểu Bình gây ra. Thời điểm thứ ba là để cho họ Đặng chết vào cuối tháng Ba, ngày đại hội hàng năm của đảng.

Vào đầu tháng 1-1995, trong một cuộc phỏng vấn trên tờ New York Time, Đặng Dung, con gái út của Đặng Tiểu Bình, có tuyên bố là sức khỏe của thân phụ bà sút giảm từng ngày. Người ta nghĩ rằng lãnh tụ họ Đặng sẽ được sắp xếp đi châu cụ Mác đúng theo thời điểm thứ nhất như trên đã nói hoặc trễ lắm là vào thời điểm thứ hai. Điều đó có nghĩa là các vị lãnh đạo trong đảng, trong quân đội đã nhất trí về người kế vị họ Đặng. Nhưng sau đó, bà Đặng Dung lại cải chính, tuyên bố là phóng viên báo New York Time đã hiểu nhầm hoặc cố ý xuyên tạc. Trên tờ báo Le Figaro, xuất bản tại Paris, bà ta có nói: "Cha tôi có sức khỏe bình thường của một người 90 tuổi". Nghĩa là thời điểm thứ ba đã được chọn, và cũng có nghĩa là không ai nhất trí cả về tên người kế vị, phải đợi đại hội đảng quyết định.

Trong chuyến du hành sang Mỹ và Pháp của tiểu thư Đặng Dung (bút hiệu Đặng Maomao, còn có một bút hiệu khác là Tiểu Mao) để giới thiệu cuốn sách mà bà ta đã viết về thân thế và sự nghiệp của người thân phụ nổi tiếng của mình, với tựa đề "Đặng Tiểu Bình, thân phụ tôi", kể lại tiểu sử của nhân vật này tới thời điểm 1949, năm chiến thắng của cộng sản Trung Hoa trên toàn lãnh thổ, hiển nhiên trừ Đài Loan. Cuốn sách dày 500 trang này, không đem đến cho độc giả những điều mới lạ hơn những cuốn sách đã xuất bản nói về thân thế và sự nghiệp của họ Đặng. Tuy nhiên cuốn sách tiết lộ một vài chi tiết đáng kể để đánh giá mức độ sụp đổ của truyền thống huyền thoại tồn tại lãnh tụ. Khoảng đời của Đặng sống tại Pháp, từ 19-10-1920 đến 7-1-1926 như một sinh viên, đi qua Pháp nhờ nhu cầu nhân công của xứ này sau thế chiến thứ nhất. Tại đây, ông đã được chế độ tư bản săn sóc chu đáo và miễn phí khi ốm đau. Một đoạn khác kể lại cuộc nổi loạn vào năm 1930 tại thành phố Long Châu, thời đó dưới chính quyền bảo hộ Pháp, cách biên giới Việt Nam vào khoảng hai mươi cây số. Đặng Tiểu Bình lúc đó 25 tuổi, đã lợi dụng cuộc nổi dậy, cướp công những thành quả chính trị để trở thành lãnh đạo số hai của một vùng trên một triệu dân cư, chống lại chính quyền thời bấy giờ. Ông ta đi ngang qua Hồng Kông và Việt Nam để đến lãnh địa này. Mặt thám Pháp tại Đông Dương đã không để ý đến những di chuyển này. Trong những năm đầu của cuộc đời nổi loạn của họ Đặng, ông ta lưỡng lự giữa hai chọn lựa: theo phe quốc gia của Tưởng Giới Thạch hay phe cộng sản của Mao Trạch Đông. Một chi tiết khác là khi Đặng "giải phóng" Thượng Hải, ông đã bị bọn móc túi lấy mất cây viết Parker trong lúc ông đi bộ

trong thành phố đến dự một buổi họp. Từ đó, ông rất e ngại dân Thượng Hải, cho rằng toàn là dân móc túi. Do đó, trong đợt phát động mở cửa các thành phố vùng biển làm ăn theo đường lối tư bản vào những năm 70, Thượng Hải đã bị lọt sổ.

Đặng Tiểu Bình có hai công và ba tội

Công đầu của Đặng Tiểu Bình là đã cứu nước Trung Hoa ra khỏi cuộc biến loạn của Cách mạng văn hóa do Mao Trạch Đông đưa ra.

Công thứ hai của Đặng Tiểu Bình là bãi bỏ chính sách bài ngoại, bế quan tỏa cảng, phát động chính sách mở cửa kinh tế, phát triển các vùng thuộc duyên hải miền Nam. Khi Đặng Tiểu Bình đưa ra chương trình cải cách kinh tế, Trung Quốc có nhiều thể kỷ thương mại sau lưng trong khi đó chỉ có 30 năm cộng sản. Không giống như cựu Liên Xô, chông chát 70 năm kinh tế tập trung với nghìn năm phong kiến, Trung Quốc không cần mở cửa chính trị mà chỉ cần mở cửa kinh tế là đã giải đúng chỗ ngứa của hàng trăm triệu chủ con trời chỉ chờ có thể để thỏa mãn chí làm ăn buôn bán, như cá sống trong nước.

Ngược lại Đặng Tiểu Bình đã có tội - tội thứ nhất - đã bỏ rơi 700 triệu nông dân trên 1,2 tỷ dân số Trung Hoa trong chương trình cải mở kinh tế. Chỉ có vùng ven biển miền Nam được phát triển mạnh, nhưng đại đa số dân nội địa lại phải gánh những hậu quả của phát triển kinh tế là lạm phát với hai con số, làm gia tăng giá cả hàng hóa trong khi lợi tức của nông dân không được gia tăng một cách tương xứng. Sự phá sản của các công ty quốc doanh, các hợp tác xã đã làm cho đại đa số dân quen sống nhờ cứu mạng của nhà nước trong chế độ kinh tế chỉ huy xã hội chủ nghĩa, rơi vào tình trạng khủng hoảng cao độ. Ngoài ra còn phải kể đến các tệ đoan xã hội khác là thói nạt, tham nhũng, đi điếm, cướp của giết người.

Chính sách cải mở kinh tế của Đặng Tiểu Bình gây chia rẽ giữa đảng viên và quân đội, giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương. Đây là tội thứ hai.

Quốc phòng chỉ đứng hàng thứ tư trong chính sách "tứ hiện đại hóa" do họ Đặng đề xướng. Ngân quỹ quốc phòng không gia tăng cùng nhịp với sự tăng trưởng kinh tế, tuy rằng gần đây quân đội đã tậu được tàu ngầm và hàng không mẫu hạm do các nước trong khối Liên Xô cũ bán đại hạ giá. Mặt khác, quân đội đã bị phó thủ tướng Chu Dung Cơ, được xem như là vô địch trong chương trình phát triển kinh tế, tước đoạt quyền điều khiển hoặc quản trị nhiều xí nghiệp, cơ quan thương mại, làm họ mất đi cơ hội làm giàu.

Chính quyền trung ương nằm trong tay một ban lãnh đạo tập thể là Ban Thường Trực gồm bảy thành viên, thường hay bất đồng ý kiến, đã làm quyền lực trung ương càng ngày càng yếu đi. Chính Giang Trạch Dân, chủ tịch nhà nước, tổng bí thư đảng cộng sản, chủ tịch ủy ban quân sự của trung ương đảng, nghĩa là người nắm mọi chức tước trong tay cùng đã có lần than phiền, phản đối là Ban Thường Trực quá nhiều người, khó làm việc, khó có những quyết định nhất trí. Trong khi đó các chính quyền địa phương, dựa vào sự thiếu nhất trí trong các chính sách của chính quyền trung ương, nhất là các địa phương thuộc các vùng mở mang, có khuynh hướng cương ngạnh, không chịu tuân lệnh Bắc Kinh một cách vô điều kiện.

(Xem tiếp trang 11)

Những bí ẩn chung quanh vụ tù binh Mỹ tại Việt Nam

Trần Bình Nam

Cuối tháng 1-1995, vào lúc chính phủ Hoa Kỳ chuẩn bị ký thỏa ước với Việt Nam đồng thuận mở văn phòng liên lạc tại hai thủ đô của hai nước thì một quả bom về tù binh và người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam (POW/MIA) được tung ra.

Một cuốn sách do Malcolm McConnell viết, dựa vào tài liệu của ông Theodore Schweitzer, nhan đề "Inside Hanoi's Secret Archives" (Bên trong văn khố mật của Hà Nội), được tung ra thị trường ngày 25-1-1995. Cuốn sách tiết lộ rằng hơn bốn năm qua Hà Nội đã gián tiếp hé mở Văn Khố Quân Đội về người Mỹ mất tích cho một người Mỹ làm công tác từ thiện tại Việt Nam là ông Theodore Schweitzer xem.

Theo cuốn sách thì từ tháng 7-1989, dưới sự hướng dẫn của trung tá Trần Thanh Hằng và đại tá Quế, Ted Schweitzer đã được thấy nhiều dụng cụ và y phục của các phi công Mỹ bị bắn rơi và chiếc nón sắt của trung tá Robinson Rinser bị bắn hạ trên không phận Bắc Việt tháng 9-1965. Ted Schweitzer cũng được phép chụp hình một số tài liệu để làm bằng chứng.

Tháng 3-1990, Ted Schweitzer trở lại Việt Nam và được đại tá Phạm Đăng Đài, giám đốc Văn Khố Quân Đội, tiếp. Đại tá Đài đề nghị Ted Schweitzer ký giao kèo viết sách về người Mỹ mất tích và cho biết Văn Khố Quân Đội có đầy đủ tài liệu. Đại tá Đài cũng cho Ted Schweitzer xem một cuốn sách lớn bìa đỏ (gọi là Sách Bìa Đỏ - Red Book) ghi chép đầy đủ từng vụ phi công Mỹ bị bắt, bị cầm tù như thế nào và hình chụp nhiều phi công Mỹ đã chết, trong đó có thiếu tá Marvin Lindsey (bị bắn hạ năm 1965), thiếu tá Joseph Morrison (bị hạ năm 1968) và đại úy John Seuell (bị hạ năm 1972)... là những trường hợp trước đây Hà Nội nói không hề hay biết.

Tháng 3-1992, sau khi được tình báo quân đội Mỹ phối hợp với CIA huấn luyện kỹ càng, Ted Schweitzer trở lại Việt Nam với dụng cụ chụp hình đầy đủ. Và sau khi đồng ý về giá cả mới, lên đến 49.000 USD, Ted Schweitzer bắt đầu chụp toàn bộ Sách Bìa Đỏ. Hà Nội giả vờ như không biết Ted Schweitzer làm việc cho tình báo Mỹ, nhưng theo nhận xét của Ted Schweitzer tình báo Việt Nam biết nhưng muốn dùng ông để chuyển tài liệu về người Mỹ mất tích cho Hoa Kỳ mà không cần trực tiếp nhìn nhận biết và nhiều năm nay vẫn chối là không.

Sau sáu tháng làm việc tại Văn Khố Quân Đội, tạo được sự quen biết và tin cậy với các sĩ quan Bắc Việt liên hệ trong công tác, Ted Schweitzer bắt đầu tìm hiểu về một vấn đề khác là Việt Nam có chuyển phi công Mỹ cho Liên Xô không?

Một buổi chiều tháng 9-1992, thiếu tá Lại Văn Mùi, người thông ngôn của Ted và cũng là một sĩ quan tình báo Việt Nam, giới thiệu với Ted Schweitzer một sĩ quan tình báo khác là trung tá Nguyễn Văn Thi để trả lời các câu hỏi tế nhị mà Ted Schweitzer đã hỏi thiếu tá Mùi trước đó.

Khi được hỏi Việt Nam có chuyển tù binh Mỹ cho Liên Xô không, trung tá Thi trả lời: "Người Nga từng ép chúng tôi chuyển phi công Mỹ cho họ trong thời gian chiến tranh. Họ nghĩ chúng tôi phải trả ơn chi viện của họ, nhưng chúng tôi đã từ chối". Sau đó Thi tiết lộ: "Nhưng thật ra việc chuyển tù binh Mỹ cho Nga, nếu có, cũng chẳng phải là điều bí mật gì ghê gớm lắm".

Rồi một cách chậm rãi để người khác nghe hiểu được sự quan trọng của điều sắp được tiết lộ, Thi nói tiếp: "Chính phủ chúng tôi không muốn chính phủ Hoa Kỳ biết điều tối mật là chúng tôi đã giết nhiều tù binh Mỹ, hoặc do tra tấn trong tù hoặc giết khi

họ tìm cách chạy trốn trên chiến trường. Họ chết ngay tại Hà Nội này và nhiều nơi trên đất nước Việt Nam. Đó là điều bí mật nhất trong vụ tù binh. Các nhà lãnh đạo của chúng tôi rất sợ tiết lộ điều này". Khi được hỏi có bao nhiêu người chết như vậy, Thi nói: "Chúng một trăm người".

Trong câu chuyện với Ted Schweitzer, Thi nói: "Có thể các nhà lãnh đạo của chúng tôi sẽ thẳng thắn thảo luận vấn đề này nếu chúng tôi biết chính phủ Hoa Kỳ sẽ không trả thù". Thi nói thêm: "Việt Nam không bao giờ chấp nhận bị đưa ra tòa án quốc tế xử tội phạm chiến tranh. Nhân dân Việt Nam cũng đã chịu nhiều giết chóc và oan trái rồi".

Tuy cuốn sách "Bên trong Văn Khố Mật của Hà Nội" tiết lộ những việc động trời như vậy, và đồng thời hai vị chủ tịch hai Ủy Ban Ngoại Giao Thượng và Hạ Viện do đảng Cộng Hòa kiểm soát gởi thư yêu cầu tổng thống Clinton nên chờ một thời gian trước khi mở cửa văn phòng liên lạc, ngày 28-1-1995, tổng thống Clinton vẫn quyết định tiến hành việc thiết lập văn phòng liên lạc giữa hai nước.

Lý do dễ hiểu, vì trước đây chính phủ Bush đã được báo cáo đầy đủ các chi tiết này cũng như đã được Hà Nội hứa (bản chính thức từ đại tá Phạm Đăng Đài qua Ted Schweitzer) sẽ chuyển mọi tài liệu về người Mỹ mất tích, ngoại trừ trường hợp các tù binh chết do tra tấn, và tổng thống Bush đã dùng các lời hứa bản chính thức này, trong cuộc họp báo ngày 23-10-1992 tại Tòa Bạch Cung, tuyên bố với dân chúng rằng: "Hà Nội đã đồng ý chuyển cho Hoa Kỳ tất cả các tài liệu họ có về POW/MIA, và như vậy hôm nay tôi tin rằng chúng ta có thể bắt đầu viết chương cuối của cuộc chiến tranh Việt Nam".

Nhưng dù cho giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã thiết lập văn phòng liên lạc, chương cuối của cuộc chiến tranh Việt Nam đã được viết chưa? Có lẽ còn cần một ít thời gian nữa.

Trở lại những ngày đầu khi ký Hiệp định Paris.

Từ ngày 31-3-1973, sau khi Hà Nội - trên nguyên tắc - phải trả hết tù binh Hoa Kỳ trong các trại tù ở Việt Nam, một câu hỏi vẫn ám ảnh chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ là liệu Hà Nội đã trả hết tù binh Mỹ chưa?

Xét các chính sách tù binh của cộng sản trong Thế chiến II, tại Đông Dương sau khi chia đôi đất nước Việt Nam, và tại Hàn Quốc sau cuộc chiến 1950-1952, người ta nghi ngờ là không.

Khi ký Hiệp định Paris, Hà Nội có hai mục đích trước mắt:

1. Tiếp tục cuộc thôn tính miền Nam Việt Nam, nếu không thể bằng chính trị thì bằng quân sự.

2. Ép Hoa Kỳ bồi thường tái thiết.

Vì vậy, với truyền thống gian dối của cộng sản quốc tế, không có lý do gì Hà Nội không giữ lại một số tù binh Mỹ để làm thế đánh đổi. Thái độ của Hà Nội trong việc trao đổi danh sách tù binh vào những ngày cuối cùng của cuộc thương thuyết tại Paris cho thấy ý đồ này. Hà Nội giữ lập trường chỉ trao đổi danh sách tù binh vào ngày ký Hiệp định Paris, để nếu Hoa Kỳ có gì không bằng lòng về bản danh sách thì cũng đã quá muộn. Ngày 27-1-1973, khi trao danh sách tù binh, trong bản danh sách không có tên ba quân nhân Mỹ bị bắt tại Lào, lấy cơ sở quân nhân này thuộc thẩm quyền quản lý của Pathet Lào. Vài ngày sau, trước áp lực phải trao danh sách tù binh tại Lào nếu không Kissinger không trao thư hứa viện trợ tái thiết của Nixon, thì Hà Nội trao một danh sách vồn vẹn chỉ có 10 người, trong khi Hoa Kỳ biết có hàng trăm

phi công bị bắn rơi trên không phận Lào trong các cuộc oanh tạc đường mòn Hồ Chí Minh.

Thương thuyết gia Hoa Kỳ Henry Kissinger có thể biết ý đồ này nhưng không có sự lựa chọn nào khác hơn là ký Hiệp định Paris. Có lẽ Nixon và Kissinger nghĩ rằng với số tiền 3,25 tỷ USD và 1,15 tỷ USD khác bằng hiện vật hứa viện trợ cho Việt Nam, Hoa Kỳ có thể buộc Hà Nội trả những người còn bị giam giữ dưới hình thức này hay hình thức khác. Đó là điều hai bên đều hiểu ngầm nhưng không bên nào công khai nói ra.

Nhưng vụ Watergate càng ngày càng xé to buộc Nixon phải dành hết thì giờ và vốn liếng chính trị cứu chiếc ghế tổng thống nên ông đành bó tay nhìn Bắc Việt ò ạt kéo quân vào miền Nam, trắng trợn vi phạm Hiệp định Paris mà không thể phản ứng, nói chỉ đến việc đòi Hà Nội trả tù binh. Tình hình kéo dài cho đến khi ông từ chức vào tháng 8-1974. Tổng thống Jerry Ford sau đó không làm gì khác hơn là ngồi nhìn miền Nam Việt Nam sụp đổ.

Từ năm 1977, sau khi nhậm chức, tổng thống Carter muốn tiến hành nhanh chóng việc thiết lập bang giao và qua đó ngầm giải quyết vấn đề tù binh với Hà Nội. Nhưng trước yêu sách của Hà Nội đòi Hoa Kỳ phải trả 3,25 tỷ USD bồi thường tái thiết như Nixon đã mật hứa mới chịu thiết lập bang giao, cuộc thương thuyết giữa Hà Nội và Hoa Kỳ bế tắc. Sau đó Hà Nội đổi thái độ, bằng lòng thiết lập bang giao với điều kiện Hoa Kỳ hứa viện trợ tái thiết, nhưng quá muộn vì Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua quyết nghị không cho phép chính phủ Carter trả bất cứ khoản tiền bồi thường nào cho Việt Nam dưới bất cứ hình thức nào. Tháng 12-1978, Việt Nam xâm lăng Cam-bốt, Carter xếp lại toàn bộ kế hoạch thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Các chính quyền kế tiếp nhau từ Nixon, Ford, Carter đến Reagan, Bush và bây giờ Clinton đều biết Hà Nội còn giam giữ tù binh trái với Hiệp định Paris, nhưng trên mặt công khai chính phủ Hoa Kỳ xem như Hà Nội đã trả hết tù binh còn sống. Đường như chính phủ Hoa Kỳ sợ rằng nếu bị bắt chẹt Hà Nội có thể thủ tiêu tù binh. Đó là một hoàn cảnh rất khó khăn cho các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ.

Cảm nhận của các gia đình binh sĩ có thân nhân còn mất tích, hoặc của các hội cựu chiến binh Hoa Kỳ là chính phủ đã có thái độ đem con bỏ chợ. Lợi dụng tâm lý này, một số người tìm cách gây những phong trào gây quỹ để vận động cứu POW và tìm MIA như trường hợp cựu đại tá Jack Bailey, cựu dân biểu John Le Boutillier, cựu đại úy Eugene McDaniel...

Từ năm 1983 cho đến năm 1986, Việt Nam bắt đầu chính sách đổi mới, Hà Nội giữ lập trường không có người Mỹ nào còn bị giam giữ trái với ý muốn của họ tại Việt Nam. Hoa Kỳ thì, qua các quan hệ với Việt Nam, chỉ nói đến việc tìm hài cốt những người đã chết mà chưa tìm được xác.

Nhưng sau khi Liên Xô sụp đổ, thế chiến lược tại Á Châu thay đổi. Hoa Kỳ có căn bản trở lại Thái Bình Dương, trong khi Việt Nam cần Hoa Kỳ để cân bằng thế lực của Trung Quốc.

Trong bối cảnh này, nhất là sau khi Hà Nội đã hé mở Văn Khố Quân Đội cho Ted Schweitzer, Hoa Kỳ muốn đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề POW/MIA nên đã đề ra một tiến trình gọi là "Road Map" (tháng 4-1991), theo đó Hoa Kỳ sẽ thực hiện các bước cần thiết trong việc tái thiết lập quan hệ bình thường với Việt Nam tùy theo đà tiến triển trong việc tìm người Mỹ mất tích, và thái độ của Việt Nam đối với vấn đề Cam-bốt. Từ thời gian này Hoa Kỳ bắt đầu lưu ý Hà Nội về các trường hợp phi công Mỹ bị bắn hạ ở Việt Nam và Lào có bằng chứng còn sống sau khi bị bắn rơi nhưng không có tên trong danh sách được trả lại sau khi ký Hiệp định Paris, và trường hợp một số tù binh có nhân chứng tin được nói thấy tại Việt Nam hay tại Lào sau tháng 3-1973.

Lúc này Hoa Kỳ và Việt Nam đã biết tấy nhau nên Hà Nội nhanh chóng dùng lá bài Schweitzer như một đường dây bán chính thức để chuyển tin tức về POW/MIA cho chính phủ Hoa Kỳ. Hoa Kỳ có nhu cầu biết thì được biết, Hà Nội có nhu cầu không công khai nhận sự thật thì vẫn không công khai nhận sự thật.

Trong bối cảnh này mới có hiện tượng kỳ lạ là nhà nghiên cứu làm gián điệp Hoa Kỳ là ông Ted Schweitzer được các tay tình báo Việt Nam tiếp đãi và cung cấp tài liệu ngay tại thủ đô Hà Nội, như câu chuyện ly kỳ do cuốn "Bên trong văn khố mật của Hà Nội" tiết lộ.

Giờ đây chính phủ Hoa Kỳ có thể tin rằng không còn người Mỹ nào bị giam giữ trái ý muốn tại Việt Nam nữa vì nếu có họ cũng đã chết cả rồi. Nhưng một số câu hỏi vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng:

1. Hà Nội có chuyển tù binh Mỹ cho Liên Xô không? Dù trung tá Nguyễn Văn Thi nói là không để nhìn nhận việc đen tối hơn là tra tấn tù binh đến chết cũng khó tin được. Sự việc Hà Nội không chuyển tù binh Mỹ cho Liên Xô khai thác trái với lý thông thường của chủ thuyết vô sản quốc tế, và quan hệ giữa Liên Xô và Việt Nam lúc đó.

2. Hà Nội đã giết bao nhiêu tù binh do tra tấn và bắn chết trên chiến trường sau khi phi công nhảy dù an toàn?

3. Hà Nội đã giữ lại bao nhiêu tù binh lại sau ngày 31-3-1975. Và Hà Nội đã xử lý những người này như thế nào? Lúc nào?

Hà Nội không nhận có giữ tù binh lại sau chiến tranh. Nhưng tiền lệ của cộng sản quốc tế cho thấy giữ tù binh lại là việc tự nhiên. Hơn nữa, trong trường hợp Việt Nam, họ còn có nhu cầu trao đổi viện trợ tái thiết. Có thể họ giết những người này vào một thời điểm nào đó mà sự hiện hữu bất lợi cho chế độ. Đối với người cộng sản trước glasnost tại Nga hay đổi mới tại Việt Nam hành động tàn ác này nằm trong bài bản của họ. Làm hao mòn lực lượng địch là một phần trong sách lược để chiến thắng sau cùng. Năm 1940, quân đội Nga giết hơn ba ngàn sĩ quan Ba Lan tại khu rừng Katyn ở Nga và cuộc tàn sát hơn hai ngàn quân cán chính của Việt Nam Cộng Hòa trong vụ Mậu Thân tại Huế là những hành động đúng theo sách vở cộng sản. Việc giết tù binh, sau khi không còn dùng để đổi chác nữa, để làm giảm tiềm lực của Hoa Kỳ không phải là điều đảng cộng sản Việt Nam không dám làm trước khi Đông Âu và Liên Bang Xô Viết sụp đổ.

Dường như Kissinger biết rõ điều này. Trong một cuộc điều trần trước Ủy Ban Thượng Viện về POW/MIA, Kissinger ồm ờ nói: "Tôi đã không ngạc nhiên nếu ba tháng sau khi ký Hiệp định Paris, Hà Nội nói họ mới tìm thấy thêm 50 tù binh Mỹ và đòi hai tỷ mỹ kim tiền chuộc.. May mà việc đó không xảy ra". (Inside Hanoi's secret archives, trang 81).

Trong ba câu hỏi trên, câu hỏi thứ nhất dễ trả lời nhất nếu nhất những tù binh Mỹ do Hà Nội chuyển cho Liên Xô còn sống sót. Sự việc tình báo Liên Xô im lặng là dấu hiệu không lành cho những phi công xấu số này. Có lẽ họ đã bị giết sau khi khai thác.

Câu hỏi thứ hai, Hà Nội có thể trả lời, và trả lời là hợp lý sau khi đã gián tiếp nhìn nhận. Nhưng Hà Nội không cho chi tiết vì nếu cho chi tiết về số lượng và hài cốt thì số lượng có thể không ăn khớp với toàn bộ, hoặc sự giám định hài cốt có thể tiết lộ thời điểm họ bị giết và do đó làm lộ điều thứ ba là điều mà ít nhất lúc này Hà Nội nhất định chối bỏ.

Trong bối cảnh đó, vấn đề POW/MIA có lẽ chỉ được giải quyết khi những người lãnh đạo cộng sản Hà Nội hiện nay tức là những người biết sự thật và có trách nhiệm đã qua đời, hoặc một cuộc cách mạng dân chủ toàn thắng trên đất nước Việt Nam.

Trần Bình Nam

Độc "Thống nhất Phật giáo" của Đỗ Trung Hiếu

Phạm Ngọc Lân

Nhà xuất bản TIN vừa ra một "Phụ bản Tin Nhà"¹ giới thiệu chúng từ của hai nhân vật có liên quan đến Phật giáo Việt Nam:

- Hòa thượng Thích Quảng Độ với "*Bản nhận định về những sai lầm tai hại của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Dân tộc và Phật giáo Việt Nam*", một tài liệu được phổ biến cùng với bức thư viết cho ông Đỗ Mười, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 19 tháng 8 năm 1994

- Ông Đỗ Trung Hiếu với hồi ký "*Thống nhất Phật giáo*" viết vào dịp Phật Đản 2538 (ngày 15 tháng Tư năm Giáp Tuất, 25-5-1994).

Bản nhận định của Hòa thượng Quảng Độ được viết tại xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đề ngày 14 tháng Chạp năm Tân Mùi (tháng 1-1992). Trước khi ký tên "*Thích Quảng Độ, Tổng thư ký Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất*", Hòa thượng có thêm mấy chữ "*Kỷ niệm năm thứ 10 bị quản thúc lưu đày...*"

Bức thư của Hòa thượng Thích Quảng Độ cùng bản nhận định đã được giới thiệu trên mặt báo này², cũng như tin tức về việc Hòa thượng bị bắt sau đó³. Chỉ nhắc lại ở đây là Hòa thượng đã bị giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu ở Bà Chiểu từ 6-4-1977 đến 12-12-1978, rồi bị đưa đi quản thúc tại xã Vũ Đoài tỉnh Thái Bình từ 25-2-1982. Sau hơn mười năm lưu đày, ngày 22-3-1992, Hòa thượng tự động bỏ về Sài Gòn cho đến ngày 4-1-1995 thì bị bắt lại "vì đã gây ra những xáo trộn trái với luật pháp Việt Nam", theo sự khẳng định của một bản thông cáo của Bộ Ngoại Giao Việt Nam do hãng thông tấn Pháp AFP phổ biến. Cùng lúc đó, Hòa thượng Thích Huyền Quang - cũng bị quản thúc từ 1982 - bị chuyển đến một nơi hẻo lánh khác thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

*

Bài viết này chỉ giới hạn vào vấn đề "Thống nhất Phật giáo" mà Đỗ Trung Hiếu đã nêu lên, vừa để giới thiệu một tài liệu hữu ích, vừa để tìm hiểu thêm về lịch sử Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn thăng trầm của đất nước nửa thế kỷ qua.

Đỗ Trung Hiếu là một đảng viên cộng sản tham gia công tác "Thống nhất Phật giáo" vào năm 1981. Theo báo Diễn Đàn⁴, Đỗ Trung Hiếu hoạt động cho cộng sản từ 1956 và bị khai trừ khỏi đảng năm 1992 "vì kiên trì hô hào đổi mới toàn diện và triệt để" từ sau đại hội 6, nhất là trong khuôn khổ của "Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ" do ông Nguyễn Hộ lãnh đạo.

Hồi ký "Thống nhất Phật giáo" được viết vào mùa Phật Đản 2538 (năm 1994) kể lại với khá nhiều chi tiết diễn tiến của sự kiện thống nhất các giáo hội Phật giáo năm 1981 dưới sự chỉ đạo của đảng cộng sản Việt Nam. Đỗ Trung Hiếu là người đã trực tiếp tham gia công tác này, nhận lệnh từ Ban Bí thư Trung ương đảng. Việc thực hiện đã không xảy ra một cách suông sẻ như ý đảng muốn, do sự chống đối thụ động của các giáo hội cũng có, mà do chính sự bất đồng ý kiến của Đỗ Trung Hiếu đối với trung ương cũng có. Nhưng cuối cùng sự thống nhất vẫn được thực hiện theo

ý đảng.

Trong phần kết của hồi ký, đoạn mang tựa đề "*Niềm riêng*", Đỗ Trung Hiếu bày tỏ tâm sự trong câu trả lời hai người thuộc ban Tôn giáo chính phủ đến hỏi kinh nghiệm của ông để ứng phó với những việc xảy ra năm 1993 và 1994 chung quanh vấn đề Phật giáo:

"Nếu làm giám đốc một công ty, sai, bị lỗ đôi ba tỷ đồng, gây đau khổ đấy. Nhưng anh có thể làm giỏi kiếm tiền bù lại. Còn lĩnh vực này, sai, ít nhất gây buồn phiền đau khổ cho biết bao nhiêu triệu con người, lớn hơn là làm cho nhiều người bị tù đày chết chóc. Điều đó không lấy gì và làm sao bù đắp được. Tốt nhất các anh nên suy nghĩ thật chín chắn, phác họa một đề án chiến lược hợp lòng dân trên nguyên tắc CÁI GÌ CỦA CESAR HÃY TRẢ LẠI CHO CESAR, trình ban Bí thư. Thuận thì làm, không thì từ nhiệm về vườn hoặc xin chuyển sang công tác khác.

Các anh đừng làm gì để họa cho Dân tộc, gây đau khổ cho đồng bào các tôn giáo. Nghiệp báo đời đời."

*

Chúng ta thường nghe nói "Giáo hội Phật giáo Việt Nam", nếu không theo dõi những biến chuyển trong lịch sử Phật giáo thì có thể nghĩ đó là tên gọi tự nhiên của giáo hội Phật giáo đã có mặt tại Việt Nam từ rất lâu đời. Nhưng thực ra, "Giáo hội Phật giáo Việt Nam", như một danh xưng chính thức, chỉ ra đời vào năm 1981, chính xác hơn sau Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam họp ngày 4-11-1981 tại chùa Quán Sứ Hà Nội, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của đảng cộng sản.

Tài liệu của Đỗ Trung Hiếu nhắc lại vài cái mốc quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Năm 1932, "Hội Phật học Việt Nam" được các vị đại sư Giác Tiên và cư sĩ Tâm Minh (Lê Đình Thám) sáng lập. Hội ra đời để đẩy mạnh phong trào "Chấn hưng Phật giáo Việt Nam", chịu ảnh hưởng của khuynh hướng hiện đại hóa Phật giáo được khởi xướng bởi nhà sư Thái Hư Đại Sư bên Trung Hoa. Phong trào có mục đích đoàn kết các tổ chức Phật giáo, thống nhất thành một đề tu học, duy trì và xiển dương Chánh pháp.

Nhưng quan trọng hơn, Đỗ Trung Hiếu nhắc lại ba hội nghị thống nhất Phật giáo:

- Năm 1951, Hội nghị thống nhất Phật giáo lần thứ nhất tại chùa Từ Đàm, Huế, gồm sáu tổ chức tăng già, cư sĩ Bắc Trung Nam thành lập "Tổng hội Phật giáo Việt Nam".

- Năm 1964, Hội nghị thống nhất Phật giáo lần thứ hai họp tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, kết hợp 11 giáo phái và hội đoàn ở phía nam vì tuyến 17 thành lập "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất".

- Năm 1981, Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam lần thứ ba tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, gồm chín tổ chức và hệ phái Bắc Tông, Nam Tông và khất sĩ trong toàn cõi Việt Nam, thành lập "Giáo hội Phật giáo Việt Nam" trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nhận định của Đỗ Trung Hiếu - một người trong cuộc - về hội

ngợi lần thứ ba: "Cuộc thống nhất Phật giáo lần này, bên ngoài do các hòa thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay Đảng Cộng sản Việt Nam xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến Phật giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng".⁵

Về Hội nghị thống nhất Phật giáo lần thứ nhất tại chùa Từ Đàm, Huế, Hòa thượng Thích Tâm Châu gần đây cũng có nhắc đến: "Năm 1951, tôi là đại biểu của Giáo hội Tăng già Bắc Việt cùng Thượng tọa Tố Liên vào Huế thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam".⁶ Sở dĩ có danh xưng "Tổng hội" mà không phải "Giáo hội" vì lúc đó dụ số 10 của chính quyền chỉ chấp nhận đạo Công giáo có tổ chức giáo hội, còn các đạo khác chỉ được tổ chức kiểu hội đoàn.

Vấn theo Hòa thượng Thích Tâm Châu, sau khi di cư vào Nam năm 1954, Tổng hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ cho đến khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất năm 1964. Trong khi đó, ở miền Bắc, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam ra đời do đảng chỉ đạo.

Sự thành lập của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất năm 1964 ngay sau khi chế độ của ông Ngô Đình Diệm sụp đổ là một diễn tiến tất yếu: Phật giáo đã tranh đấu chống lại một chính quyền bị xem là phân biệt đối xử tôn giáo, trong đó dụ số 10 từ thời Bảo Đại vẫn còn hiệu lực. Vài ngày trước lễ Phật đản năm 1963, chính quyền đã vung về nhắc lại lệnh cấm treo cờ tôn giáo ngoài phạm vi các nơi thờ phượng, trong khi tại Huế, theo truyền thống, cờ Phật giáo đã được treo nhiều nơi để chuẩn bị mừng Phật Đản. Sau đó chính quyền rút lại lệnh này, nhưng việc đã lỡ, không làm nguôi giận các Phật tử. Ngày 8-5-1963, bài thuyết pháp trong ngày lễ Phật Đản không được đài phát thanh Huế truyền thanh lại như mọi năm vì có những lời lẽ chống chính quyền. Tối hôm đó một đám đông Phật tử kéo đến trước cửa đài phát thanh để đòi phát thanh lại buổi lễ. Phó tỉnh trưởng nội an Thừa Thiên, thiếu tá Đặng Sĩ đem lính và xe bọc sắt đến ra lệnh giải tán. Trong khi đang thuyết bên trong đài thì một tiếng nổ lớn trong đám đông làm thiệt mạng tám Phật tử, cùng một số khác bị thương. Cuộc đấu tranh của Phật giáo được châm ngòi từ đó.

Sau biến cố 8 tháng 5 tại Huế, một "Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo" gồm 11 giáo phái, hội đoàn được thành lập tại Sài Gòn, do Hòa thượng Thích Tâm Châu (lúc đó còn là Thượng tọa) làm chủ tịch. Ngày 11-6, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng, đánh động lương tâm thế giới cho cuộc đấu tranh của Phật giáo. Chính quyền thiết lập một "Ủy ban Liên bộ" họp cùng Ủy ban Liên phái để tìm phương thức giải quyết. Sau hai ngày họp liên tục, một thông cáo chung được ký vào lúc 2 giờ 30 sáng ngày 16-6-1963 về việc ấn định thể thức treo cờ Phật giáo và xét lại các hồ sơ khiếu nại bồi thường nạn nhân tại Huế.⁷ Nhưng trên thực tế, hai bên vẫn không hòa giải được, các cuộc biểu tình, tuyệt thực, tự thiêu vẫn tiếp diễn. Ngày 20-8-1963, tình trạng giới nghiêm được ban hành trên toàn lãnh thổ.⁸ Ngay đêm 20 rạng ngày 21, lực lượng đặc biệt vây xét tất cả các chùa "tranh đấu", và đặc biệt tại chùa Xá Lợi, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo bị bắt trọn vẹn, kể cả Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và Thượng tọa Thích Tâm Châu. Chỉ có Thượng tọa Thích Trí Quang thoát được và phải trốn tránh trong tòa đại sứ

Mỹ. Việc bắt bớ này - xảy ra lúc tân đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge đang trên đường qua Việt Nam - chính là "giọt nước làm tràn ly" khiến chính quyền Kennedy quyết định ủng hộ một cuộc đảo chánh thay thế anh em ông Ngô Đình Diệm.⁹ Cuộc đảo chánh xảy ra ngày 1-11-1963 do một số tướng lãnh chủ động, đưa đất nước vào một thời kỳ rối loạn chính trị tai hại.

Hội nghị thống nhất Phật giáo năm 1964 tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, quy tụ 11 giáo phái và hội đoàn đã từng tham gia Ủy ban Liên phái trong lúc tranh đấu trước đây để thành lập "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất". Theo Hòa thượng Tâm Châu, sáng kiến này do hai Thượng tọa Trí Quang và Thiện Minh, họp lần đầu tiên tại tư thất cụ Chánh trí Mai Thọ Truyền. Sau đó, đại hội được triệu tập tại chùa Xá Lợi từ ngày 30-12-1963 đến ngày 4-1-1964. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết được suy tôn lên ngôi vị Tăng thống với nhiệm kỳ 4 năm. Lãnh đạo giáo hội gồm hai viện: Viện Tăng Thống lo việc đạo, do Thượng Tọa Thích Trí Quang làm Chánh Thư Ký, và Viện Hóa Đạo lo việc đời, gồm 12 người được bầu, với Thượng tọa Thích Tâm Châu làm Viện trưởng với nhiệm kỳ hai năm.¹⁰

Năm 1966 đánh dấu một đổ vỡ quan trọng trong tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Nhân việc tướng Nguyễn Chánh Thi bị tướng Nguyễn Cao Kỳ cất chức Tư lệnh vùng I chiến thuật ngày 10-3-1966, miền Trung dấy lên một cuộc tranh đấu chống chính quyền trung ương của tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (tướng Nguyễn Văn Thiệu lúc đó là Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia gồm 10 tướng lãnh). Cuộc tranh đấu được chỉ đạo bởi nhóm Phật giáo miền Trung của Thượng tọa Thích Trí Quang và được hưởng ứng của nhiều thành phần xã hội, sinh viên, học sinh, quân nhân, công chức, buôn bán... đi đến tình trạng ly khai của hai thành phố Huế và Đà Nẵng với chính quyền trung ương trong gần ba tháng. Tại Sài Gòn, các cuộc biểu tình bạo động cũng xảy ra thường xuyên, với khẩu hiệu đòi bầu cử Quốc hội để thiết lập một chính quyền dân sự và phân đối sự can thiệp của Mỹ tại Việt Nam.

Chính cuộc tranh đấu này đã làm lộ rõ những mâu thuẫn giữa phe "cấp tiến" - hoặc "quá khích", tùy cách nhìn - của Thượng tọa Thích Trí Quang và phe "ôn hòa" - hoặc "thỏa hiệp với chính quyền", cũng tùy theo cách nhìn - của Thượng tọa Thích Tâm Châu. Kết quả là ngày 23-10-1966, tại chùa Ấn Quang, một nhóm Thượng tọa họp và đề cử Thượng tọa Thích Thiện Hoa làm Viện trưởng Viện Hóa Đạo, trong khi một nhóm khác họp cùng Thượng tọa Thích Tâm Châu tại Việt Nam Quốc Tự. Từ đó hình thành hai tổ chức được gọi nôm na là phe Ấn Quang và phe Quốc Tự.¹¹

*

Tài liệu của Đỗ Trung Hiếu giúp ta tìm hiểu diễn tiến của hội nghị thống nhất lần thứ ba của Phật giáo Việt Nam năm 1981, được sự chỉ đạo chặt chẽ của đảng Cộng sản Việt Nam.

Đầu tiên, ban Tôn giáo chính phủ đưa ra một đề án thống nhất Phật giáo Việt Nam, nội dung chính là gồm ba tổ chức:

- Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (Ấn Quang)
- và Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước

thành một tổ chức duy nhất. Đề án này được đưa lên Ban Bí thư Trung ương Đảng, và được chấp thuận về nguyên tắc, còn cụ thể

ra sao thì ban Tôn giáo phải trình đề án chi tiết rõ ràng. Và Đỗ Trung Hiếu được mời tham gia đề án này.

Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam là tổ chức Phật giáo ở miền Bắc có từ trước 1975, do Hòa thượng Thích Trí Độ làm hội trưởng. Tình trạng sinh hoạt tôn giáo năm 1979 tại miền Bắc được Đỗ Trung Hiếu mô tả như sau: *"Hầu hết chùa, nhà thờ ở miền Bắc mà tôi đã đến thăm đều rêu phong tàn tạ. Các nhà sư (sư ông, sư bà) lấm cặm sọ sệt, một báo cáo cụ, hai báo cáo cụ. Các linh mục, giám mục, đóng kín cửa, lạc hậu với thời cuộc. Phật tử gần như không còn gì nữa, chỉ ẩn hiện dưới dạng mê tín, cúng bái linh tinh và rất e dè trước khách lạ. Tín đồ Thiên Chúa giáo thì khổ cực, hằn sâu trong mắt họ những nét u uất thâm nghiêm, nhưng rực lửa và sẵn sàng bốc cháy khi có mồi. Đó là mối nguy lớn, chứ không phải sự thành công của tôn giáo vận".¹²*

Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước được thành lập tại miền Nam sau 1975, trụ sở tại chùa Vinh Nghiêm, Sài Gòn. Theo Đỗ Trung Hiếu, tổ chức này chịu sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, mang tính chất một tổ chức quần chúng nặng về vận động chính trị hơn là một tổ chức tôn giáo. Người sáng lập - theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - là Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, *"thuộc Giáo hội cổ truyền Nam bộ, tham gia Cách mạng từ năm 1945, bị tù 15 năm ở Côn Đảo. Sau hiệp định Paris 1973, Hòa thượng được trao trả về Lộc Ninh."* Hòa thượng là một đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về phía **Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất**, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Chánh thư ký Viện Tăng thống, thoát ly vào chiến khu nhân dịp Tết Mậu Thân 1968 và là phó chủ tịch "Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam" do luật sư Trịnh Đình Thảo làm chủ tịch. Sau 1975, Hòa thượng gửi kiến nghị đến lãnh đạo đảng và nhà nước đề vận động cho công cuộc thống nhất Phật giáo. Đề nghị cụ thể của Hòa thượng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ở miền Nam và Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam ở miền Bắc hợp lại thành một giáo hội duy nhất. Trong phạm vi chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam có quyền có ý kiến về phương hướng chung đối với giáo hội, nhưng mọi việc của giáo hội thì hàng giáo phẩm, tăng ni và đồng bào Phật tử tự quyết định. Đảng từ chối đề án này, và còn gán cho Hòa thượng Đôn Hậu có ý đồ xấu, chống đảng và nhà nước. Hòa thượng giữ nguyên lập trường của mình tới lúc viên tịch ngày 23-4-1992.

Năm 1979, ông Xuân Thủy là Bí thư Trung ương Đảng, trưởng Ban Dân vận và Mặt trận trung ương, Bí thư Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Trung ương, nên trực tiếp chỉ đạo việc thống nhất Phật giáo. Đỗ Trung Hiếu kể lại chuyện ông Xuân Thủy muốn gặp Thượng tọa Thích Trí Quang tại Hà Nội nhưng không thành, và việc Trần Bạch Đằng, phó ban Dân vận Trung ương, thủ trưởng của Đỗ Trung Hiếu, xem Thượng tọa Trí Quang là loại CIA chiến lược, và đưa ra những sự kiện để chứng minh điều đó, tuy không thuyết phục được Đỗ Trung Hiếu. Nguyễn Văn Linh cùng giận Thích Trí Quang lắm, vì *"bị Trí Quang cho đo ván ba lần; ba lần đó Thích Trí Quang đã cứu Mỹ nguy một cách nhẹ nhàng"*.¹³ Thật là éo le khi chúng ta biết Hòa thượng Thích Trí Quang đã bị nhiều phe nhóm xem là "Việt Cộng" dưới thời Việt

Nam Cộng Hòa. Khi Đỗ Trung Hiếu tỏ vẻ hồ nghi những cáo buộc của Trần Bạch Đằng vì không có bằng cứ, Trần Bạch Đằng mỉa mai: *"Đi tìm bằng cứ ư? Còn khuya. Cờ tình báo chiến lược chỉ có trung tâm CIA ở Washington và lâu năm góc mới xác nhận được"*. Điều ngộ nghĩnh là năm 1966, CIA cùng nghi ngờ Thượng tọa Thích Trí Quang có mối nối với cộng sản, nhưng phải thú nhận là không tìm được bằng cứ.¹⁴

Sau đó, ông Nguyễn Văn Linh, ủy viên Bộ chính trị, thay ông Xuân Thủy trong chức vụ trưởng ban Dân vận trung ương. Ngày 12 và 13-2-1980, ông Nguyễn Văn Linh triệu tập các đại diện Phật giáo họp tại Sài Gòn. Một Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam được bầu ra, do Hòa thượng Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, làm trưởng ban. Hòa thượng Đôn Hậu không bằng lòng, thành phần Phật giáo miền Trung chống lại, và ngay trong Viện Hóa Đạo, hai thượng tọa Huyền Quang và Quảng Độ chống đối quyết liệt, sau đó đã bị chính quyền đưa đi quản thúc như chúng ta đã biết.

Khi Hoàng Văn Hoan trốn qua Bắc Kinh, Xuân Thủy bị mất chức Bí thư Trung ương Đảng, Trần Quốc Hoàn thôi bộ trưởng Bộ Nội vụ (mà ông đã nắm trong vòng 30 năm) về làm trưởng ban Dân vận Trung ương thay Nguyễn Văn Linh bị thất sủng, Trần Bạch Đằng bị kỷ luật, cách chức phó ban Dân vận Trung ương.

Ngay khi Trần Quốc Hoàn nắm ban Dân vận Trung ương, một đề án cụ thể thống nhất Phật giáo được đưa ra. *"Nội dung đề án là biến hoàn toàn Phật giáo Việt Nam thành một hội đoàn quần chúng. Còn thấp hơn hội đoàn vì chỉ có tăng ni, không có Phật tử, chỉ có tổ chức bên trên, không có tổ chức bên dưới, tên gọi là Hội Phật giáo Việt Nam, với một bản điều lệ thô sơ. Đứng đầu là hội trưởng hoặc chủ tịch, một số hội phó, một thư ký, hai phó thư ký, một số ủy viên. Ở dưới từ tỉnh trở xuống không có tổ chức, tỉnh nào có đồng tăng ni thì có ban Liên lạc, tỉnh nào ít thì thôi. Nội dung hoạt động là lo việc cúng bái chùa chiền, không có hoạt động gì liên quan tới quần chúng và xã hội"*.¹⁵

Không một tổ chức Phật giáo nào có thể chấp nhận một đề án như thế. Đỗ Trung Hiếu là người đầu tiên chống đối, tuy là người của đảng đưa ra để làm công tác này. Ông tâm sự: *"Khi tiếp xúc với ban Bí thư, tôi mới hiểu rõ từ "tập thể" trong Đảng là tương đối, không giống trong lý luận về các nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ chút nào. Bộ chính trị là một tập thể mỗi-người-làm-mỗi-cách theo ý của Tổng Bí thư. Ban Bí thư cũng là một tập thể mỗi-người-mỗi-cát-cứ-một-linh-vực theo sự chỉ huy của Tổng Bí thư, và Tổng Bí thư là tập trung dân chủ. Một chế độ vừa độc tài vừa phong kiến khủng khiếp. Ông Trần Quốc Hoàn là ủy viên Bộ chính trị, Bí thư trung ương Đảng, trưởng Ban dân vận trung ương, tức là ông cát cứ linh vực Dân vận. Ý kiến của ông căn bản là ý kiến của Bộ chính trị, ban Bí thư, ban Dân vận trung ương. Tổng Bí thư phán quyết vấn đề trên cơ sở ý kiến của ông. Chỉ có Tổng Bí thư mới phỉ định ý kiến của ông. Khi chuyện đó xảy ra phải là ghé góm lấm"*.¹⁶

Nhưng chuyện đó đã xảy ra, với nhiều cam go mà Đỗ Trung Hiếu đã kể lại trong hồi ký: đề án do ông Trần Quốc Hoàn duyệt trên đây được thay bằng đề án do Đỗ Trung Hiếu đề nghị, theo

đó chính Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam sẽ làm việc thảo hiến chương.

Tháng 8-1981, dự thảo hiến chương được đưa lên ban Dân vận Trung ương và ban Tôn giáo chính phủ xin ý kiến. Chỉ một tuần sau đã có những ý kiến bổ sung, mà quan trọng nhất - ngoài những cụm từ "Hồ chủ tịch", "xã hội chủ nghĩa" phải thêm vào chỗ này chỗ nọ - là phần tổ chức Giáo hội bị teo dần và cơ sở là tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, tức lấy chùa làm cơ sở chứ không phải lấy quần chúng Phật tử làm đơn vị cơ sở của tổ chức giáo hội. Đây chính là cách tổ chức mà ông Xuân Thủy đã yêu cầu ngay từ đầu: tổ chức kiểu hình tháp lộn ngược, phía trên dành đảng, phía dưới thu nhỏ, không có nền tảng. Thế là đảng vẫn khéo léo lèo lái công cuộc thống nhất Phật giáo theo ý mình. Ngày 4-11-1981, đại hội họp tại chùa Quán Sứ Hà Nội, với trên 140 đại biểu miền Nam tham dự.

Và Đó Trung Hiếu kết luận: *Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam thành công rực rỡ*. Thành công rực rỡ của đảng Cộng sản Việt Nam, dĩ nhiên.

Phạm Ngọc Lân

1. Hồ sơ "*Phật giáo Thống nhất - Thống nhất Phật giáo*", nxb TIN, 1994, 54 avenue Léon Blum, 92160 Antony, France. 76 trang khổ A4, giá 50FRF (10USD) chưa kể cước phí.
2. Thông Luận số 78, tháng 1-1995: Hòa thượng Thích Quảng Độ: *Thư gửi ông Đỗ Mười*, tr. 8
3. Thông Luận số 79, tháng 2-1995: Vấn đề trong tháng: *Chính quyền cộng sản bắt giam và truy tố Hòa thượng Thích Quảng Độ*, tr. 1. Trần Thanh Hiệp: "*Pháp quyền*" cộng sản qua vụ bắt giam hai Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, tr. 4
4. Diễn Đàn số 28, tháng 3-1994: *Thư ngỏ của Đỗ Trung Hiếu*, tr. 12
5. Đỗ Trung Hiếu: *Thống nhất Phật giáo*, trong sdd, tr. 52
6. Thích Tâm Châu: *Bạch thư*, Tở đình Từ Quang, Montréal, Canada, 1994, tr. 15.
7. Văn kiện số 16/UBLB: Thư đề ngày 11-7-1963 của Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, thay mặt Ủy ban Liên bộ, gửi Thượng tọa Thích Thiện Minh, Trưởng phái đoàn Phật giáo
8. Sắc lệnh số 84-TTP, Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm ký ngày 20-8-1963. Lý do nêu ra để ban hành tình trạng giới nghiêm: "*Để bảo vệ an ninh cùng trật tự công cộng*"
9. Stanley Karnow: *Vietnam, a history*, Penguin books, New York 1991, tr. 301 và tiếp theo
10. Thích Tâm Châu, sdd, tr. 21
11. Thích Tâm Châu, sdd, tr. 26
12. Đỗ Trung Hiếu, sdd, tr. 54
13. Đỗ Trung Hiếu, sdd, tr. 57
14. Phúc trình của CIA, Directorate of Intelligence, 27 May 1966, classified SECRET. Tài liệu đã được công bố (declassified), lưu trữ tại Thư viện Lyndon Baines Johnson, Austin, Texas (National Security File, Vietnam, box 32, volume 54, page 11): "*Although there has long been speculation about the possible Communist affinities or sympathies of the militant monk Tri Quang, no firm evidence has been uncovered to link him with the Viet Cong or the National Liberation Front*".
- 15, 16. Đỗ Trung Hiếu, sdd, tr. 63

Thư ngỏ về tình hình

Giáo phận công giáo Huế

Linh mục Tadeo Nguyễn Văn Lý

Kính thưa quý vị

Tôi không chủ yếu trình bày thực trạng Giáo hội Công Giáo và thực trạng tôn giáo tại Việt Nam nói chung, vì có thể thiếu một số chi tiết chính xác. Tuy nhiên, từ tình hình Giáo phận Huế, quý vị có thể hiểu được thực trạng Giáo hội Công Giáo của cả Việt Nam.

Giáo phận Huế vừa có một vị tổng giám mục Giám quản Tổng Tòa sau 6 năm chờ đợi, vừa có một lễ truyền chức 5 tân linh mục sau hơn 18 năm vắng bóng, vừa mở lại Đại chủng viện sau hơn 18 năm đóng cửa. Phải chăng đời sống tôn giáo đang dần phần khởi, đang được tự do? Hoàn toàn không phải thế!

Sau đây là một vài nét về thực trạng Giáo phận Huế để chứng minh:

1. Tiểu chủng viện Hoan Thiện, 11 Đống Đa - Huế, đang bị Nhà Nước dùng bạo lực chiếm đóng từ tháng 12-1979 làm trường Trung học Phổ Thông cấp 2-3 Nguyễn Chí Diểu, khiến cho gần 300 chủng sinh phải lang thang tu học tại gia, chỉ biết chờ đợi được xét duyệt lý lịch để may ra được vào Đại chủng viện một cách nhỏ giọt, do ân huệ của Nhà Nước ban xuống Tiểu chủng viện này, cả Giáo phận Huế cũng như nhân dân thành phố đều biết rõ đó là nơi đào tạo linh mục, nhưng chính quyền cứ cố tình gian dối, cho rằng, đó là một trường học tư thục, để tịch thu.

Hơn 100 chủng sinh bị Nhà Nước đuổi khỏi Tiểu chủng viện Hoan Thiện và Đại chủng viện Huế từ 1979 đành lưu lạc khắp mọi nơi, một số phải chạy ra nước ngoài để được vào Đại chủng viện, mà không biết đến bao lâu. Họ có tội tình gì? Đó không phải là đàn áp tôn giáo?

2. Quyền tấn phong và bổ nhiệm giám mục quyền đi cử hành bí tích Thêm Sức, quyền phong chức, bổ nhiệm linh mục và tuyển chọn chủng sinh, trên lý thuyết, là của Giáo hội, "Nhà Nước không can thiệp vào" (lời ông Đỗ Mười), nhưng trong thực tế, tất cả đều do chính quyền đồng ý hay không (mọi chuyện chính đảng đều được quyền làm nhưng phải xin phép trước đã?!) Trong suốt 255 năm bị bách hại (1650-1885), tuy các giám mục, linh mục, chủng sinh phải trốn tránh, khó bị bắt, bị giết nhưng các quyền thiêng liêng ấy chẳng bao giờ mất: Giáo hội vẫn hoàn toàn chủ động phong chức và bổ nhiệm được nhân sự theo ý mình. Còn hôm nay, tuy mang tiếng là "tự do", thực chất Giáo hội hết sức bị động, phải ngửa tay xin ân huệ Nhà Nước, không tuyển chọn, phong chức và bổ nhiệm được người mình cho là xứng đáng và cần thiết. Chính quyền ấn định số Đại chủng viện được mở, số chủng sinh cho từng Giáo phận và thời gian cho mỗi kỳ thi tuyển, như thể Đại chủng viện là một trường đào tạo cán bộ của Nhà nước vậy! Chính quyền lấy quyền gì mà ấn định con số ấy? Thiên Chúa kêu gọi ai, thì người ấy xin tu, Giáo hội có khả năng bao nhiêu, thì Giáo phận, xét đủ tư cách hay không thì Giáo hội truyền chức. Ông Thiên triệu chứ phải có ơn Mác-xít triệu hay ơn chủ nghĩa xã hội (CNXH) triệu đâu! Hơn 18 năm qua, chính quyền đã làm Giáo phận Huế thiệt mất khoảng 80 linh mục, mà thường ra Giáo hội có thể đào tạo được.

Chính quyền xen vào nội bộ Giáo hội một cách trắng trợn, dùng áp lực để sắp xếp, lèo lái theo ý mình, tuân theo một nguyên tắc nghiệt ngã: Nhà nước phải quản lý toàn diện, dựa trên một quan niệm quá lớn về quyền bính. "Luật Nhà nước là tối thượng", nhằm một ý đồ đen tối biến Giáo hội thành một công cụ mềm dẻo, một nô bộc trung thành, một tay chân ngoan ngoãn. Tất cả đều lồng trong những chiêu bài "có tốt đời mới đẹp đạo", "được tự do nhưng trong khuôn khổ", "kính chúa phải đi đôi với CNXH". Chính vì Giáo hội dè dặt chưa yêu ngay CNXH mà phải bị o ép đủ điều. Và càng bị trói buộc, thì Giáo hội lại càng không thể yêu nó bằng được. Mỗi học sinh từ cấp một đến đại học đều phải thấm nhuần "chân lý" nền tảng: "Yêu nước hôm nay là phải yêu CNXH". Đọc tài về tư tưởng là đọc tài ghê gớm nhất, thâm hiểm nhất!

3. Đức nguyên Giám quản Giacôbê Lê Văn Mãn, được Hội đồng Cố vấn bầu làm Giám quản Huế, theo giáo luật từ 1990. Suốt 4 năm qua, cả Giáo phận Huế đều vàng phục Ngài là vị Bản quyền chính thức, thế nhưng chính quyền cứ cố tình không nhận, tạo ra bao rắc rối khó khăn cho Giáo hội. Đó chẳng phải là can thiệp thô bạo vào nội bộ của Giáo hội sao? Nếu Ngài có tội gì thì chính quyền cứ bắt và xử theo pháp luật. Nếu Ngài chẳng đủ tài đức thì Hội đồng Cố vấn bầu lên làm gì và Tòa thánh Vatican chắc đã không chuẩn nhận. Thế tại sao chính quyền không vừa ý? Phải chăng vì Ngài chưa yêu CNXH hết lòng? Tình trạng Đức giám mục Nicôla Huỳnh Văn Nghi, Giám quản Sài Gòn cũng đang tương tự. Chính quyền lấy quyền gì mà không thừa nhận các Ngài?

4. Tuyển sinh các dòng nam nữ đều phải núp nhiều hình thức. Cho đến khi khẩn trốn đời, trở thành tu sĩ thực thụ, nào có mấy ai trong họ, suốt 19 năm qua, được tự do nhập hộ khẩu vào dòng, cứ phải tu "chui". Các dòng muốn lập thêm một cộng đoàn mới tại những nơi cần thiết theo nhu cầu của Giáo hội thật khó như bay lên trời. Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm (Phú Xuân, Kim Long) có cơ sở Nhà Mẹ, bị chính quyền đứng ra thuê hơn 19 năm nay, tiền không trả mà nhà cũng chẳng giao, dù trên lý thuyết, thì chính quyền nói sẵn sàng trả lại. Biết đến bao giờ? Muốn tu cũng không có chỗ để tu!

5. Giáo hữu các vùng kinh tế mới, xứ đạo xa xôi như Quảng Bình, Khe Sanh, Bình Điền, Nam Đông, A Lưới hàng năm đón lễ Giáng Sinh, Phục Sinh, chỉ ước ao có một Thánh Lễ thôi, nhưng cũng khó lòng mà được. Hết lý do này đến lý do khác. Nhà nước khát mãi giấy phép làm nhà thờ, cũng chẳng cho linh mục đến cử hành Thánh Lễ hoặc ban Bí Tích cho họ. Đời sống tôn giáo bình thường, phấn khởi chỗ nào?

6. Giáo hội hẳn hết sức mong ước được cộng tác vào công việc giáo dục, y tế, truyền thông, xã hội... nhưng biết đến khi nào mới được phép mở lại các trường học, bệnh xá, viện mồ côi, nhà khuyết tật, trung tâm văn hóa của mình vốn đã bị Nhà nước trưng thu hoặc buộc phải trao nhượng tất cả?

Giáo hội có được một tờ báo nào riêng, một nhà in nào riêng để phổ biến giáo lý của mình chẳng? Muốn thế, thì điều kiện tiên quyết phải "kiến định lập trường xã hội chủ nghĩa" hay ít nhất, không có tí gì là phê bình chế độ, Nhà nước.

Quyền tự do tư tưởng, tự do trình bày niềm tin, tự do rao giảng Phúc Âm và Chân Lý, tự do chọn trường và môn học cho con

em... đến bao lâu mới có một cách bình thường?

7. Tại Giáo phận Huế, trước đây, vì gặp Đức cố Tổng giám mục Philipphê Nguyễn Kim Điền cương quyết chống lại, chính quyền thất bại trong việc lập Ủy ban Đoàn kết Công Giáo Yêu Nước. Hiện nay chính quyền đang mời một số linh mục, tu sĩ tham gia Hội Đồng Nhân Dân là cơ quan quyền lực Nhà nước. Thâm ý là mượn một số linh mục, tu sĩ, giáo dân tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội, hỗ trợ cho chế độ.

Sau đây là một vài nét chung về Giáo hội Công Giáo Việt Nam và ít tâm nguyện riêng:

8. Tôi không dám gọi Đức giám mục nào, linh mục nào là "quốc doanh", vì tôi nghĩ các Ngài, có thể, cũng hết lòng trần trụi, kể cả trong nước mắt, để tìm cách sao cho Giáo hội được mở mang, để hoạt động. Nhưng những gì các Ngài thu được trước mắt không thể bù lại những mất mát quá lớn sẽ di lụy lâu dài trong lịch sử, làm méo mó hình ảnh một Giáo hội hiện ngang xây dựng Nước Trời, tự do rao giảng tiếng nói lương tâm, mạnh dạn phê phán mọi bất công, sai lầm bất cứ từ đâu đến, thay vào đó, chỉ tạo nên hình ảnh một Giáo hội yếu nhược, quy lụy ngày càng rõ nét, chạy theo một vài lợi nhuận nhất thời trước mắt, chỉ biết "cộng tác" (collaborer) mà thiếu hẳn "đề kháng" (en résistant) (công thức "collaborer en résistant" của Đức giáo hoàng Gioan Phaolô II), làm nản lòng đại bộ phận Dân Chúa và bao người thiện chí, trước đây vốn khâm phục Giáo hội Công Giáo Việt Nam. Phải chăng nên chịu khó uốn lưỡi vài lời "phấn khởi", "hân hoan", "khôn ngoan", "nguồn mồi", để được đặc quyền, đặc lợi...?

9. Tôi có thể bị lên án là tại sao không quan tâm cộng tác trong các lãnh vực giáo dục, y tế, xã hội mà cứ om sòm đòi hỏi tự do tôn giáo hoài? Một điều dễ hiểu, chính nhờ có tự do tôn giáo, Giáo hội mới có điều kiện góp sức ngăn chặn sự ác, thăng tiến xã hội và đóng góp nhiều Kitô hữu nhiệt tình dấn thân phục vụ trần thế về mọi mặt. Tự do lương tâm và tự do tôn giáo là cơ sở để có được những quyền tự do chân chính khác. Tôi muốn sống thật yên ổn để được phục vụ mọi người, nhưng trên hết mọi sự, vì say mê thiên chúa và yêu mến con người, tôi phải chiến đấu cho tự do tôn giáo đích thực, kiên trì đòi hỏi mãi cho đến khi Việt Nam có cuộc sống tôn giáo bình thường như tại đại đa số các nước trên thế giới, nơi đó dân chúng không hề lên tiếng đòi hỏi cùng như chính quyền chẳng cần lập đi lập lại điệp khúc "Nhà nước bảo đảm tự do tín ngưỡng" "chính sách tôn giáo trước sau như một"! Cứ xem Bản kiến nghị của Hội đồng giám mục Việt Nam gửi cho Thủ tướng chính phủ ngày 18-10-1992 và ngày 28-10-1993, thì đủ thấy Giáo hội Việt Nam thiếu quá nhiều căn bản, nhưng chỉ đành biết kiến nghị và chờ đợi, đợi chờ mà thôi.

Đối chiếu với điều 15 và 19 Tuyên Ngôn Nhân Quyền ngày 10-12-1948 của Liên Hiệp Quốc (mà Việt Nam được là thành viên từ năm 1977). Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo ngày 7-12-1965 và Tuyên Ngôn Về Giáo Dục Kitô giáo ngày 28-10-1965 của Công Đồng Vatican II, thử hỏi Giáo hội Việt Nam đã được những quyền căn bản gì?

10. Có thể có kẻ phê phán rằng, tại sao các linh mục khác vẫn cam phận làm việc, thậm chí có vị còn xem ra vừa lòng mọi chuyện nữa, mà hình như chỉ có mình tôi cứ luôn lên tiếng đòi hỏi tự do tôn giáo (từ sau 1975, tôi đã bị bắt ở tù hai lần vì đòi hỏi tự do tôn

giáo và hiện đang bị quản thúc). Tất nhiên có rất nhiều người, bằng nhiều cách, cùng chiến đấu như tôi hoặc hơn tôi. Nhưng cũng có thể có người muốn khôn ngoan giữ mình để còn có thể phục vụ, chứ linh mục nào cũng vào tù cả thì việc mục vụ biết ủy cho ai?

Tôi hy vọng các Ki-tô hữu ích thật và mọi người thành tâm thiện chí sẽ tán thành tuyên ngôn 10 điểm trên đây của tôi. Tôi cũng xác tín rằng, cùng với tôi, đã, đang và sẽ có nhiều thế hệ Ki-tô hữu cũng muốn chia sẻ ơn gọi ngôn sứ của Môisê, Giêrêmia, Êđeklen... từ hơn 3000 năm nay: "Hãy để cho dân tôi được đi tự do đi lễ Thiên Chúa" (Xh 5,1) và "Hãy ta truyền cho con điều gì, con phải nói, đừng sợ gì cả" (Gr 1,7; Ed2,6).

Tuy bất xứng, tôi cũng nguyện noi gương các Thánh tử đạo Việt Nam, tu sĩ Gioakim Marcel Nguyễn Tân Văn tử đạo, xử tử ngày 10-7-1969 tại trại 2 Yên Bình, gần Hà Nội, Giáo hội và Hội đồng Giám mục Thâm lặng Trung Quốc hiện nay và gần gũi nhất là Đức cố TGM Philippê Nguyễn Kim Điền, người đã khổ vì đạo và chết vì đạo ngày 8-6-1988 tại Sài Gòn. Tuy nhiên, ai cố tình bách hại tôi, thì ngang nhiên vi phạm điều 19 Tuyên Ngôn Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc.

Xin quý vị và mọi người cầu nguyện cho tôi mỗi ngày để tôi đủ nghị lực chu toàn nhiệm vụ Thiên Chúa trao phó mà không trút cho ai được. "Thiên Chúa đã chỉ cho tôi một chỗ đứng, tôi không có quyền trốn thoát" (Thư gửi ông Diognélos).

Tôi xin đặt tuyên ngôn này dưới sự bảo trợ của Chúa Giê-su Ki-tô, Đức Mẹ La Vang, Thánh cả Giuse, các Thánh tử đạo Việt Nam cùng các tổ chức Nhân Quyền Quốc Tế. Xin quý vị và mọi người giúp tôi phổ biến rộng rãi để Đất Nước tôi sớm có tự do tôn giáo và tự do lương tâm đích thực. Xin chân thành cảm ơn quý vị và kính chào mọi người.

Nhà Chung Huế, Lê Các Thánh Tử Đạo Việt Nam
24. 11. 1994. Một linh mục bé nhỏ ở Huế
Tadeo Nguyễn Văn Lý
37 Phan Đình Phùng, Huế-Việt Nam

Chính trị quốc tế, tiếp theo trang 3

Công và tội của Đặng Tiểu Bình

... Cái tội thứ ba của Đặng Tiểu Bình là đã không cho phép bàn cãi, tranh luận về những cải tổ chính trị cần thiết, cũng như các cơ cấu và định chế thích hợp đi theo các cải tổ kinh tế. Đặng Tiểu Bình có uy tín trong đảng, trong quân đội, trong guồng máy hành chánh cai trị đất nước, có thể giữ cho các quyền lực này, tuy rất xung đột lẫn nhau, có một sự liên kết, gắn bó tuy hình thức nhưng đủ để không gây ra đổ vỡ, trong lúc Đặng Tiểu Bình còn sống. Đặng Tiểu Bình chết đi, không để lại cảm nang như Khổng Minh Gia Cát Lượng thời Tam Quốc, sẽ đưa Trung Quốc vào biến loạn.

Ngoài ra, điểm này không phải là tội của Đặng Tiểu Bình, nhưng là gia tài mà họ Đặng hưởng, đó là những mầm mống nội loạn hoặc đòi tự trị của dân Tây Tạng, dân Hồi Giáo vùng Tân Cương, dân Mông Cổ tại Nội Mông, và các vùng khác của Trung Quốc.

Tất cả những dữ kiện đó đã cho phép một báo cáo mật của Hoa Kỳ đánh giá chính sách cởi mở kinh tế, đóng chính trị của Đặng sẽ được tiếp tục với sắc xuất vào khoảng 30%, Trung Quốc sẽ đi vào hỗn loạn với 50% và rất ít hy vọng Trung Quốc đi vào con đường dân chủ.

Huỳnh Hùng

Đôi điều lo nghĩ (tiếp theo trang 26)

...bướm máng lưới rồi mới tỉnh. Nhiệm vụ của một con nhện là không nổi giận òn ào. Tôi quyết định chọc anh ta, đặt vấn đề tính cách nặc danh của anh ta.

Sau đó lời qua tiếng lại giữa anh bạn và tôi, và nhiều người khác cũng đã nhảy vào đám cháy, người tưới nước, kẻ tưới dầu. Đám cháy không lớn, tuy có nóng nhưng vui. Nó có giúp ích cho một số bạn trẻ hiểu biết thêm một số vấn đề chính trị lắt léo mà các bạn chưa có dịp nghe. Câu chuyện kéo dài hơn một tuần. Sau đó, một anh ở Mỹ có thẩm quyền về mạng lưới Internet đã công bố cho mọi người biết rằng cái địa chỉ hộp thư điện tử kia là ở Hungaria, từ một hệ thống máy tính cổ hữu, vì vậy, nó không theo tiêu chuẩn của những hệ thống mới khiến người thường nhìn vào không biết ở đâu. Mấy ngày sau, trong một message trên Internet, ông bạn ở Hung có ký tên và để rõ địa chỉ là "Hungarian Academy of Sciences".

Tin rằng anh bạn ở Hung không phải là con nhện, tôi bắt đầu có một mối tư lớn, lớn hơn là chuyện cãi lý hơn thua với anh. Tôi không có kinh nghiệm nhiều về các anh em trí thức xuất thân từ chế độ xã hội chủ nghĩa. Tôi cố gắng gặp nhiều người đến từ Hà Nội để tìm hiểu, và những người này lại có cách lý luận gần giống như tôi, có một văn hóa chính trị gần giống tôi. Đọc Phan Đình Diệu hay Hà Sĩ Phu thì thấy cũng gần gũi lắm. Lối lý luận của anh bạn ở Hung và văn hóa chính trị của anh (chủ trương độc tài) thì khác hẳn tôi và khó có đồng thuận trên vấn đề quốc gia. Tôi chú ý nơi anh bạn hai điều:

1. Anh có lối lý luận "đặt chữ vô miệng người khác", bắt người ta nói những điều người ta không hề nói rồi lấy đó mà chỉ trích. Thí dụ như trong bài viết của anh mà tôi có dịch nguyên văn ở trên, anh viết: "Cuộc cải cách ở Việt Nam ngày hôm nay được đặt trên căn bản nói láo và giết chóc?". Đó là một điều mà tôi không hề nói.

2. Anh chủ trương một chế độ độc tài, nếu không phải độc tài cộng sản thì cũng độc tài tư bản như kiểu Singapore. Không dân chủ được. Chủ trương độc tài là loại những ai không đồng ý với mình, không theo mình, như vậy thì không có gì để thảo luận cả.

Tôi xin hỏi các bạn một câu hỏi là: "Ngày hôm nay, có mấy phần trăm người trí thức Việt Nam có tư tưởng và văn hóa chính trị như anh bạn này?". Câu trả lời này sẽ giúp tôi và nhiều người khác nữa trong sự hiểu biết về thực tế Việt Nam và nếu một mai ai có hoạt động chính trị ở Việt Nam thì nó sẽ giúp những hoạt động đó hữu hiệu hơn.

Tôi không ngạc nhiên khi nghe ông Đỗ Mười hay ông Đào Duy Tùng lập luận như vậy trong các phiên họp với các cấp cán bộ đảng viên. Nhưng anh bạn này đang ở Hung, đang làm việc cho một cơ quan nào đó, đang là một Việt kiều như tôi, không dính dáng gì đến quyền lợi vật chất trong xứ. Lý luận của anh và lập trường của anh có thể không vì quyền lợi mà vì cái văn hóa chính trị anh đang mang. Tôi giả sử như vậy và điều đó làm cho tôi nhiều lo nghĩ. Các bạn nào có thể giúp ý kiến tôi thì xin gửi thư về Thông Luận. Tòa báo có thể đăng hay chuyển cho tôi. Xin cảm ơn các bạn và Thông Luận.

Nguyễn Hữu Chung
Montréal, 20-2-1995

Một khả năng chưa tận dụng

Đối với Việt Nam hiện nay, cộng đồng người Việt hải ngoại có trọng lượng của một siêu cường

Nguyễn Gia Kiểng

Nhà cầm quyền cộng sản đang cố thuyết phục những ai chịu nghe họ nói là việc đổi Ban Việt Kiều Trung Ương thành Ủy Ban Về Người Việt Nam Ở Nước Ngoài không phải là một thay đổi ngôn từ, mà là một thay đổi trong chiều sâu cách tiếp cận cộng đồng người Việt hải ngoại của họ.

Chúng ta có lý do để tin là chính quyền cộng sản đặc biệt chiếu cố đến người Việt hải ngoại. Chiếu cố với thái độ nào và với dụng ý gì là một vấn đề khác.

Trị giá tổng cộng của các dự án đầu tư vào Việt Nam là 11 tỷ USD. Nhưng con số này chẳng có ý nghĩa nào cụ thể. Con số đáng nói là 2 tỷ USD đã được thực sự đầu tư vào Việt Nam. Trong hai tỷ này, một tỷ được dành cho thiết bị của các giàn khoan dầu. Còn lại một tỷ đầu tư vào lãnh thổ Việt Nam thì trong đó một nửa không phải là tiền thực mà chỉ là trị giá kế khai của những thiết bị cơ bản, phần lớn đã lỗi thời, có khi được chế tạo ra từ 1905. Nói chung chỉ có khoảng 500 triệu USD được đầu tư một cách thực sự có ích cho kinh tế Việt Nam mà thôi.

Cần nhấn mạnh rằng con số 500 triệu USD đầu tư có ích này là của tất cả các quốc gia có mặt tại Việt Nam từ trước đến nay. Con số này nên được so sánh với một con số khác: theo ước lượng của các chuyên gia, cộng đồng người Việt hải ngoại hàng năm gởi về trong nước, bằng nhiều phương tiện khác nhau, khoảng 700 triệu USD, tương đương với 5% tổng sản lượng quốc gia.

Cùng xin thêm một con số khác: Tổng số đầu tư của người Việt hải ngoại từ trước tới nay vào Việt Nam chỉ vào khoảng 20 triệu USD. Số tiền đầu tư thực sự của người Việt hải ngoại thực ra cao hơn nếu kể thêm những "đầu tư chui", nghĩa là đầu tư dưới tên của thân nhân trong nước. Nhưng những đầu tư này có lẽ không cao vì không có bảo đảm nào cho người đầu tư. Họ phải hoàn toàn trông cậy vào chữ tín của thân nhân, mà chữ tín trong nước hiện nay không phải là một mặt hàng đắt giá.

Sự chênh lệch quá lớn giữa tiền gởi về cho không và tiền bỏ ra đầu tư là một sự kiện rất không bình thường. Một tỷ lệ ngược lại hợp lý hơn nhiều.

Cộng đồng người Việt hải ngoại được ước lượng vào khoảng hai triệu, hơn một triệu người từ Việt Nam ra đi, phần còn lại là những thanh thiếu niên sinh ra tại hải ngoại. Trong số hai triệu người này, phần nửa là người gốc Hoa, sự gắn bó với đất nước Việt Nam có lẽ không đậm bằng những người Việt thuần túy. Nhiều người khi ở Việt Nam là những người Việt gốc Hoa, ra hải ngoại họ thành những người Mỹ hay người Úc gốc Hoa. Tuy nhiên sự gắn bó của họ đối với Việt Nam vẫn có; phần đông đã sinh sống từ nhiều đời tại Việt Nam, và Việt Nam là quê hương cũ duy nhất của họ, là đất nước duy nhất ngoài quốc gia họ đương sống mà họ còn họ hàng, thân quyến và kỷ niệm. Về phương diện đầu tư, Việt Nam là "nước ngoài" duy nhất mà họ có thể đầu tư vì đó là môi trường mà họ quen biết và có chỗ dựa. Ngoài ra cũng phải kể khoảng 200.000 người Việt đã tới các nước Phương Tây

từ Lào và Cam-bốt. Cùng không thể quên một số người khá đông đảo hiện đang sinh sống tại các nước Đông Âu và thuộc Liên Xô cũ; dần dần với sự thay đổi thể chế tại các nước này họ cũng có một tương quan với Việt Nam tương tự như những người từ miền Nam đi sang các nước Phương Tây. Nếu kể tất cả các yếu tố đó thì con số người Việt hải ngoại còn ràng buộc hay có thể tranh thủ được cho Việt Nam ít nhất là một triệu rưỡi.

Nếu coi số một triệu rưỡi người này như một quốc gia với sản lượng bình quân 10.000 USD mỗi năm trên mỗi đầu người (một ước lượng khiêm tốn bởi vì phần lớn sinh sống tại các nước mở mang với sản lượng bình quân trên 15.000 USD người/năm), thì tổng sản lượng của "quốc gia" này vào khoảng 15 tỷ USD. Với một khả năng tiết kiệm 10% tổng sản lượng (một ước lượng còn khiêm tốn hơn vì tỷ lệ tiết kiệm trung bình tại các nước phát triển hiện nay vào khoảng 13% trong khi người Việt có khuynh hướng để dành nhiều hơn), thì khối lượng tiết kiệm có thể động viên cho đầu tư của cộng đồng người Việt hải ngoại là 2 tỷ USD. Con số 2 tỷ USD này có thể là một ước lượng rất thấp nếu đem so sánh với 700 triệu USD mà cộng đồng người Việt hải ngoại gởi về nước, bởi vì nếu đúng như vậy thì người Việt hải ngoại đã cho thân nhân trong nước tới 1/3 tổng số tiền tiết kiệm được, thực tế chắc chắn không thể là như vậy.

Một khi quan hệ giữa trong và ngoài được bình thường hóa một cách tốt đẹp, số tiền gởi giúp thân nhân có lẽ sẽ giảm bớt, nhưng số tiền đầu tư sẽ gia tăng rất nhiều. Ta có thể mạo hiểm một con số tối thiểu: 500 triệu USD đầu tư mỗi năm. Con số tối thiểu này cũng đủ để đầu tư của cộng đồng người Việt hải ngoại cao hơn tổng số đầu tư của tất cả các quốc gia khác vào Việt Nam. Số tiền này còn được đầu tư một cách hữu hiệu hơn nhiều cho công nghiệp nội địa. Khối lượng đầu tư này vừa đảm bảo chủ quyền kinh tế quốc gia vừa gây một năng động kích thích thêm đầu tư nước ngoài.

Nhưng khả năng tài chánh không phải là tất cả. Cộng đồng người Việt hải ngoại còn có thể đem lại cho Việt Nam những đóng góp mà không một quốc gia nào có thể đem lại.

Một khả năng đóng góp quan trọng thứ hai là kỹ năng. Việc hình thành cộng đồng người Việt hải ngoại đã thực hiện ở mức độ cao gấp hàng trăm lần giác ngộ Đông Du, Tây Du mà các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh ôm ấp. Những người đi tản ra nước ngoài vốn đã có một trình độ kiến thức cao hơn trung bình quốc gia, họ lại còn học hỏi được nhiều tại nước ngoài, thế hệ trẻ lớn lên tại hải ngoại, nói chung, đã thành công mỹ mãn về mặt văn hóa, giáo dục. Kỹ năng của cộng đồng người Việt hải ngoại về kinh doanh, tổ chức, khoa học, kỹ thuật nếu được tận dụng là một tài nguyên còn quý báu hơn khả năng tài chánh.

Nhưng tiềm năng đóng góp quan trọng hơn cả là tâm lý. Kiến thức không quan trọng bằng tâm lý vì kiến thức có thể học hỏi

được một cách khá mau chóng, nhưng tâm lý nằm ở trong bản chất của con người và chỉ có thể hấp thụ được một cách chậm chạp trong sinh hoạt và trong cuộc sống. Nhờ sinh sống trong các nước dân chủ có luật pháp và phương pháp, có tâm lý phù hợp với phát triển, người Việt hải ngoại dần dần đã hấp thụ được cách suy nghĩ và làm việc của các dân tộc tiến bộ. Nhờ làm quen với nhiều nếp sống và nhiều cách tổ chức xã hội khác nhau, họ cũng đã tiếp thu được một tâm lý bao dung và một phần xạ thượng tôn luật pháp. Do đó nếu liên hệ chặt chẽ và bình thường với quốc nội, cộng đồng người Việt hải ngoại sẽ góp phần quyết định vào một diễn tiến hòa bình làm lành mạnh hóa và dân chủ hóa xã hội Việt Nam, tạo ra một tâm lý thuận lợi cho phát triển.

Việc hình thành cộng đồng người Việt hải ngoại là một trong những biến cố vĩ đại nhất từ ngày dựng nước và là cơ may rất lớn cho Việt Nam. Đó là một nguồn hỗ trợ tài chánh, nhưng đồng thời cũng là những đầu cầu khoa học, kỹ thuật, thương mại và, quý báu hơn hết, một đầu tàu cho một chuyển biến tâm lý thuận lợi cho dân chủ và phát triển.

Cho tới nay, trong ba khả năng đóng góp, chính quyền cộng sản chỉ chú trọng đến khả năng tài chánh, lơ là với khả năng chuyên môn, và thù ghét khả năng diễn tiến hòa bình.

Tận dụng sự đóng góp của cộng đồng người Việt hải ngoại đòi hỏi một số điều kiện khách quan.

1. Trước hết cần bảo đảm được việc đi lại bình thường. Theo pháp luật hiện nay, những người Việt hải ngoại vẫn là công dân Việt Nam. Như vậy họ phải được cấp thông hành Việt Nam và được tự do ra vào Việt Nam mà không cần chiếu khán. Chỉ có như vậy người Việt hải ngoại mới có thể đầu tư tại Việt Nam. Không ai có thể nghĩ đến đầu tư tại một nước mà mình không chắc có còn được phép lui tới hay không. Đã có nhiều trường hợp những người đã bỏ tiền ra đầu tư tại Việt Nam, rồi vì một lý do mà chính quyền không giải thích, không được về nữa. Số người này tuy ít nhưng cũng đủ tạo ra một lo âu chính đáng. Hơn nữa, dù không sợ bị cấm đoán, đầu tư ở một nước mà mỗi lần muốn lui tới phải xin phép, phải đợi nhiều ngày mới được cấp chiếu khán là một điều không ai chấp nhận.

2. Cần có những đảm bảo pháp luật tại chỗ. Không thể bị bắt bớ, chất vấn, hỏi cung, làm phiền vì đã gặp gỡ, đã hội họp với những người mà chính quyền không ưa, đã đọc hay giữ những tài liệu bị công an cho là phản động. Những đảm bảo ấy có nghĩa là phải có những quyền tự do chính trị rộng rãi. Nhiều người cố tình biện minh cho nhà nước cộng sản nói rằng người về Việt Nam đầu tư nếu muốn tránh phiền phức chỉ cần đừng làm chính trị. Nhưng biên giới chính trị rất mơ hồ. Biết thế nào là làm chính trị, biết thế nào là không làm chính trị? Biết ai là người đang có vấn đề với công an? Nhất là các tài liệu của đảng, tài liệu mật nhưng được phổ biến khá rộng rãi, đều luôn luôn kêu gọi cảnh giác với "bọn lợi dụng đầu tư" để âm mưu diễn biến hòa bình với ý đồ lật đổ hay làm biến chất chế độ. Chưa kể là lý do chính trị còn có thể là cái cớ để công an hạch sách làm phiền.

3. Cùng cần xử một cách văn minh tại các cửa khẩu. Không được lục soát hành lý, soi bói và kiểm duyệt các tài liệu mang theo, đọc thư riêng, coi phim ảnh cá nhân. Nếu muốn người Việt hải ngoại hợp tác thì không thể coi họ như những kẻ thù luôn luôn phải đề phòng.

Phải nói rằng cho tới nay cách đối xử của chính quyền cộng sản với cộng đồng người Việt hải ngoại thật là ngược ngạo. Trước năm 1988, họ sĩ và người Việt hải ngoại là bọn phản động, phản quốc, sau đó họ ve vãn nhưng vẫn giữ một thái độ trịch thượng. Họ muốn người Việt hải ngoại nộp tiền cho họ, nhưng với điều kiện là phải tuyệt đối phục tùng họ, phải nhắm mắt làm ngơ trước những kềm kẹp, phải không có ý kiến trước những đàn áp thô bạo dân chủ và nhân quyền, và phải chấp nhận bị nghi oan. Thái độ của chính quyền cộng sản có thể tóm tắt như thế này: "Tôi cần anh giúp, nhưng muốn được phép giúp tôi, anh phải quì xuống".

Chính sách đó đã đưa đến kết quả mà mọi người đều thấy và đảng cộng sản cũng đã thấy.

Nhưng cho dù chính quyền cộng sản có thỏa mãn ba đòi hỏi khách quan trên, mức độ đầu tư vào Việt Nam cũng sẽ không gia tăng bao nhiêu khi mà xung khắc căn bản giữa người Việt hải ngoại và chế độ trong nước chưa được giải quyết. Đại đa số người Việt đã bỏ nước ra đi để từ khước chế độ độc tài, sau đó họ đã được sống dưới các chế độ dân chủ, sự chọn lựa dân chủ của họ rất dứt khoát, không thể lay chuyển và chỉ mạnh thêm với thời gian. Chừng nào duy trì chế độ đảng trị vẫn còn là mục tiêu chính thức của chế độ, chừng đó người Việt hải ngoại không thể vui lòng mà hợp tác. Và đó là tất cả vấn đề. Lợi nhuận không thể là động cơ để đầu tư vào Việt Nam. Đầu tư vào Việt Nam là một quyết định đầy rủi ro. Trong số những người ít ỏi đầu tư vào Việt Nam, tỷ lệ thất bại rất cao trong khi tỷ lệ thành công rất thấp. Động cơ để đầu tư vào Việt Nam trước hết là động cơ tình cảm: lòng yêu nước và ước nguyện đóng góp cho một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh. Đầu tư của người Việt hải ngoại chỉ khởi sắc thực sự khi người Việt hải ngoại tin rằng đóng góp của họ phục vụ cho nguyện ước đó. Khó mà có thể lấy quyết định đầu tư khi vừa thấy có rất nhiều triển vọng sẽ thua lỗ lại vừa có cảm giác khó chịu là đang tiếp tay kéo dài một chế độ độc tài mà mình lên án. Sự kiện người Việt hải ngoại từ bỏ thái độ thù địch để chấp nhận diễn tiến hòa bình là một thái độ hòa giải và một nhân nhượng lớn, nếu ngay cả muốn diễn tiến hòa bình cũng không được thì quả là không còn gì để nói.

Còn có một lý do kỹ thuật để phải thỏa mãn những yêu cầu chính đáng của người Việt hải ngoại mà chính quyền cộng sản hoàn toàn không nhìn thấy. Người Việt hải ngoại không có những nhà tư bản lớn để họ có thể tranh thủ từng người một. Tiềm năng tài chánh phân phối khá đồng đều, mỗi gia đình mười, mười lăm ngàn USD. Do đó động viên đầu tư của người Việt hải ngoại về bản chất là động viên quần chúng hải ngoại, nói một cách khác đó là một vận động chính trị. Lúc còn sinh thời, Lê Văn Đằng đã nhìn thấy nhu cầu thiết lập một ngân hàng đầu tư với mục đích động viên số tiền tiết kiệm trải rộng trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Anh đã được sự hưởng ứng của nhiều ngân hàng lớn tại Pháp, đã về nước thảo luận với các cấp lãnh đạo kinh tế Việt Nam và đã được sự đồng ý. Nhưng Lê Văn Đằng chỉ coi dự án đó như là một chuẩn bị cho tương lai chứ không xúc tiến thêm. Anh tin chắc dự án chỉ có thể thành công khi đã có hòa giải thực sự giữa chính quyền trong nước và cộng đồng người Việt hải ngoại, và nền tảng của hòa giải đó bắt buộc phải là sự chấp nhận một chế độ dân chủ đa nguyên. Chính quyền cộng sản sẽ được cả ba đóng góp của cộng đồng người Việt hải ngoại - tài chánh, kỹ năng, tinh thần - hay sẽ không được một đóng góp nào cả. Cộng đồng người Việt hải ngoại là một cộng đồng có trí tuệ và

lý tưởng chứ không phải chỉ là một đàn bò sữa.

Đảng cộng sản sẽ khám phá ra rằng lối kéo đầu tư của người Việt hải ngoại không dễ như họ tưởng. Họ không những phải thỏa mãn những điều kiện về thủ tục hành chính mà còn phải thực sự hòa giải được với người Việt hải ngoại. Và điểm sau này mới thật là khó. Muốn thành công đảng cộng sản phải làm những cố gắng rất ngoạn mục. Người Việt hải ngoại muốn diễn tiến hòa bình và cũng biết đảng cộng sản chống diễn tiến hòa bình. Muốn hòa giải được với người Việt hải ngoại, đảng cộng sản không những phải chấp nhận chuyển hóa về dân chủ và chấp nhận diễn tiến hòa bình mà còn phải thuyết phục được mọi người về thành tâm của họ. Việc đầu tư ồ ạt của người Việt hải ngoại vì vậy vẫn còn rất xa vời. Chính quyền cộng sản sẽ còn mất rất nhiều thì giờ và công sức cho những biện pháp ve vãn lật vặt và vô ích trước khi nhận ra là phải làm những nhượng bộ rất cơ bản.

Về phía cộng đồng người Việt hải ngoại, chỉ một khi đã đánh giá đúng trọng lượng của mình, chúng ta mới có thể có một thái độ đúng đắn với chính quyền cộng sản. Chúng ta thực sự muốn đóng góp phát triển đất nước, nhưng không có lý do gì để phải lay lục nhà cầm quyền cộng sản cho phép chúng ta đóng góp. Đại đa số những người sẽ kinh doanh tại Việt Nam sẽ không hoạt động chính trị, nhưng không ai có thể bị bắt buộc phải giấu giếm ước vọng thấy đất nước có dân chủ và nhân quyền. Luật chơi phải rõ rệt ngay từ đầu bởi vì nếu không một khi đã đầu tư chúng ta sẽ là những con tin phải chấp nhận cách phán xét và xử lý tùy tiện của nhà cầm quyền cộng sản. Những ai đã đầu tư vào Việt Nam mà không đặt những điều kiện chính trị tiên quyết có thể là nạn nhân của chính sự chủ quan nhu nhược của mình. Trong tương quan cung - cầu, thế thượng phong thuộc về người Việt hải ngoại bởi vì chính quyền cộng sản cần họ chứ họ không cần chính quyền cộng sản. Chừng nào chính quyền cộng sản vẫn chưa hiểu được sự thực căn bản này thì việc đầu tư của người Việt hải ngoại - đầu tư tài chánh cũng như đầu tư trí tuệ và cố gắng - vẫn bế tắc.

Vấn đề nhức nhối là chúng ta muốn đóng góp càng sớm càng hay vào sự phát triển của đất nước chứ không muốn chờ đợi. Vấn đề gia tăng vận tốc dân chủ hóa có thể giải quyết được bởi vì cộng đồng người Việt hải ngoại có rất nhiều phương tiện để ảnh hưởng đến quốc nội. Một thí dụ: hàng năm có trên một trăm ngàn người Việt Nam về thăm quê hương, chỉ cần 1/3 trong số những người về mang theo thông điệp dân chủ, nhân quyền và nhà nước pháp trị là chúng ta đã có một đạo quân tuyên truyền hùng hậu đủ khả năng tạo ra một phong trào dân chủ hóa mãnh liệt buộc nhà cầm quyền phải thay đổi chính sách. Điều đáng tiếc là phần đông đã không có một thông điệp đúng đắn để mang theo về nước. Một khả năng khác: mỗi người Việt hải ngoại đều có liên hệ gia đình và bè bạn tại Việt Nam, bằng cố là chúng ta gởi về giúp thân nhân một số tiền khổng lồ. Những liên hệ thân tình đó cho phép chúng ta gởi một thông điệp dân chủ thường xuyên tới người trong nước. Nhưng một lần nữa cũng rất tiếc là cộng đồng người Việt hải ngoại chưa có một thông điệp rõ ràng.

Nhận định này đưa chúng ta đến một quan niệm mới về xây dựng cộng đồng.

Cho tới nay đã có rất nhiều cố gắng kết hợp người Việt hải ngoại. Có thể nói có một tình trạng lạm phát rất cao các tổ chức với danh xưng "cộng đồng", "liên hội", "tổng liên hội"... Lạm

phát về số tổ chức và lạm dụng về danh nghĩa. Mười người (trong đó một số cho mượn tên vì nề nang) cũng có thể làm ra một tổ chức tự nhận là đại diện cho cộng đồng người Việt trên cả một quốc gia, hay cả một lục địa. Rồi những tổ chức đó lại muốn kết hợp - một cách không thành thực - với nhau để đòi đại diện cho cả cộng đồng người Việt hải ngoại. Những phô trương lực lượng này không thuyết phục được ai và chắc chắn là không hù dọa được chính quyền cộng sản. Điều có thể làm cho chính quyền cộng sản nhân nhượng là một ý thức chính trị sáng tỏ của cộng đồng người Việt hải ngoại. Không phải tất cả mọi cố gắng kết hợp đều phù phiếm và khởi hải, nhưng đã đến lúc chúng ta phải đủ can đảm và sáng suốt để chấm dứt những động vọng đã được lặp đi lặp lại cả trăm lần trong hai mươi năm qua và đều đã thất bại.

Một cơ chế đại diện và lãnh đạo cộng đồng người Việt hải ngoại không những không cần thiết và không thể thực hiện mà còn là lý do cho những tranh chấp vô bổ gây sự nhầm lẫn. Điều cần làm và có thể làm là xây dựng một tinh thần và một đồng thuận.

Tinh thần đó là lòng tha thiết và thủy chung với quê hương đất nước, là trao đổi một cách thành thực và nhã nhặn với nhau về những phương cách đóng góp hữu hiệu nhất cho đất nước. Điều quan trọng là không nên nhân nhượng và kết hợp với những phần tử thiếu đúng đắn và thiếu lương thiện mà mọi người đều đã nhận diện được. Những phần tử này cho tới nay đã chỉ làm cho những ý kiến và hành động xây dựng bị vô hiệu hóa trong cảnh vàng thau lẫn lộn.

Đồng thuận đó là quyết tâm xây dựng trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc một nước Việt Nam tự do, dân chủ, đa nguyên, có pháp luật và được tổ chức một cách lành mạnh. Chúng ta sẽ phải thỏa hiệp với thực tế, sẽ phải chấp nhận một thời gian và một số giai đoạn cho cuộc chuyển hóa này, nhưng bao giờ chúng ta cũng phải nói lên một cách rất minh bạch mục đích sau cùng. Chúng ta muốn diễn tiến hòa bình và chúng ta sẽ luôn luôn Khẳng định lập trường đó.

Chúng ta sẽ xây dựng tinh thần này và đồng thuận này bằng thảo luận bộc trực và tương kính, bằng gặp gỡ, trao đổi và hợp tác giữa các cá nhân và các hội đoàn đúng đắn. Dần dần với sự gạn lọc của thời gian một đồng thuận sẽ xuất hiện và chúng ta sẽ có một thông điệp đồng viên cho chính chúng ta cũng như cho đồng bào trong nước. Chúng ta cũng sẽ có được một số tờ báo có uy tín, một số khuôn mặt có uy tín và một số tổ chức có uy tín. Trước những chọn lựa quan trọng, những tiếng nói uy tín đó sẽ hướng dẫn cộng đồng. Như vậy trên thực tế cộng đồng vẫn có lãnh đạo, vẫn có thái độ chung, vẫn biểu lộ được ý chí và sức mạnh của mình.

Đối với Việt Nam, cộng đồng người Việt hải ngoại có trọng lượng của một siêu cường. Nó cũng là một áp lực có khả năng thắng được quán tính và sự ngoan cố của chính quyền này để áp đặt một tiến trình đổi mới về dân chủ trong hòa bình và ổn vùng. Chính quyền cộng sản sẽ không còn thái độ trịch thượng và thách đố vào lúc họ hiểu được rằng cộng đồng người Việt hải ngoại đã ý thức được sức mạnh của mình và biết mình muốn gì. Lúc đó họ sẽ phải hợp tác một cách nghiêm chỉnh vào việc mưu tìm một giải pháp hợp tình hợp lý cho đất nước.

Nguyễn Gia Kiểng

Con rồng kinh tế Việt Nam?

Nguyễn Chính Phương

Cách đây gần một năm rưỡi, tại hội nghị các nhà tài trợ tổ chức ở Hà Nội (tháng 9-1993), ông Võ Văn Kiệt có nói rằng mức phấn đấu tối thiểu của Việt Nam là tăng gấp đôi tổng sản phẩm quốc dân (GDP) vào năm 2000. Ông nói tiếp "tốc độ tăng trưởng trung bình 7% trong ba năm vừa qua cho thấy có thể thực hiện được chỉ tiêu này". Lời tuyên bố này không có gì quá đáng và nước ta có khả năng đạt được mục tiêu ấy.

Nước ta đang được sự giúp đỡ của nhiều cơ quan tài chính quốc tế, thu hút vô số nhà đầu tư nước ngoài. Nhìn bao quát như ông Kiệt thì tổng sản phẩm quốc dân đã tăng trung bình 7,3% trong thời gian 1991-1994. Ngoài ra chỉ số giá hàng tiêu dùng được kiềm chế (tăng 10% năm 1994). Tỷ giá hối đoái đứng yên. Ngân sách thận trọng (thiếu hụt năm 1994 bằng 5% tổng sản lượng quốc dân). Đầu tư nước ngoài gia tăng khả quan (vốn đăng ký tăng hơn 2 tỷ USD năm 1994). Du lịch bùng nổ đem lại 120 triệu USD năm 1993. Các kết quả ấy thỏa mãn chờ đợi của các tổ chức World Bank, IMF, ADB và làm hài lòng chính phủ Việt Nam. CSVN nhận định rằng "đất nước phát triển nhanh, mạnh và vững chắc".

Tuy nhiên những kết quả ấy không biểu hiện tình trạng phát triển kinh tế và xã hội thực sự ở Việt Nam. Nếu nhìn xa hơn một chút thì kinh tế và xã hội nước ta có rất nhiều tắc nghẽn, mâu thuẫn và nét tiêu cực lớn.

Kinh tế Việt Nam và phúc lợi dân tộc

Dựa trên căn bản phúc lợi của người dân, thì những kết quả vi mô vừa nêu không thỏa đáng. Vài dữ kiện sau đây đủ khiến chúng ta thắc mắc về hướng đi và kết quả phát triển ở nước ta:

- Sự phát triển kinh tế Việt Nam ngày càng thoát khỏi tầm tay lèo lái của chính phủ. Ai đi Việt Nam quan sát kỹ lưỡng và xuyên suốt đều nhận thấy điều này.

- Việt Nam hiện có hai "nước": miền Nam có cơ chế thị trường "loạn thị", còn miền Bắc thì bước vào một cơ chế thị trường "u mờ". Cả hai cơ chế có nhiều nét tiêu cực đáng quan ngại.

- Sự cách biệt giữa thành thị và thôn quê đi quá sâu và trở nên "gai mắt". Thu nhập bình quân đầu người ở thành phố Hồ Chí Minh gấp hai thủ đô Hà Nội, gấp ba các đô thị khác (Cần Thơ, Hải Phòng và Đà Nẵng...) gấp 40 lần các vùng đồng quê.

- Xí nghiệp ngày càng nhiều, công nghiệp và dịch vụ ngày càng mở mang, kỹ thuật sản xuất tiến không ngừng, trong khi đó giáo dục và đào tạo rối loạn, thiếu thầy thiếu trò. Lao động thạo nghề và chuyên môn không đủ thì làm sao phát triển "nhanh, mạnh và vững chắc" đây?

Về đầu tư ngoại quốc, ngoài ngành dầu khí (32 % tổng số), khu vực xây cất khách sạn và cơ sở du lịch (sân golf chẳng hạn) chiếm 21%. Đầu tư công nghiệp sản xuất sự thực thì nhỏ hơn nhiều các con số chính thức, vì trị giá của thiết bị mà các công ty nước ngoài đem vào Việt Nam đều được thổi phồng. Phần lớn thiết bị đã cũ và được tu sửa thành "mới". Bởi vậy mà có nhiều trường hợp thiết bị được chiết khấu (amorti) tới 70% sau một hay hai năm. (Saigon Eco, số 28, 14-12-1994).

- Khu vực giáo dục và đào tạo cũng như ngành xã hội và y tế xuống cấp một cách nguy ngập. Trường học hoạt động rối loạn

và sinh nảy bừa bãi, nhất là tại thành phố Hồ Chí Minh. Thầy giáo bỏ trường, học sinh bỏ thầy là chuyện thường ngày. Học sinh tiểu học trung bình chỉ có 3 giờ học mỗi ngày, so với 2.3 giờ học tại Bangla-Desh; 5.3 giờ học trên toàn thế giới, 7 giờ học tại Nhật Bản (New Vietnam số 15, tháng 9-1994). Về xã hội cũng không có gì để tự hào: Hơn 10 triệu người thất nghiệp, 600 ngàn gái giang hồ, 300 ngàn người ghiền ma túy (100 ngàn người ở Sài Gòn)...

- Con người lành mạnh có chút phương tiện và tiền của sẽ làm nên. Xã hội cũng như vậy và cần có nền nếp, hệ thống giá trị đúng đắn thì mới khá được. Thực tế không chối cãi được là xã hội Việt Nam không lành mạnh: tham nhũng, hối lộ, lạm quyền, chia chác rõ như ban ngày, tới mức trở thành hiện tượng "tự nhiên" thì không thể chấp nhận được. Đặc biệt về lãnh vực hành chánh, trên nói dưới "quên", trung ương bảo một đằng địa phương làm một cách khác thì con tàu kinh tế Việt Nam sẽ ở mãi biển khơi, không thể tạt vào bến phúc lợi được.

- Ai cũng biết rõ lái xe dễ, nhưng bảo trì xe theo chỉ dẫn và biết sửa xe thì khó. Bởi vậy tư bản nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, thiết lập xí nghiệp liên doanh, đem vào trong nước thiết bị đủ loại là một chuyện. Còn máy móc chạy tốt và nhà máy đạt năng suất cao lại là chuyện khác. Ví dụ điển hình mới nhất là khách sạn New World Saigon khai trương tháng 10-1994, rất đẹp và tân tiến, nhưng về mặt kỹ thuật điều hành và dịch vụ thì không tương xứng chút nào. Nói chung ở nước ta, kỹ thuật về tiêu dùng thì cao (TV, tủ lạnh, máy hát... kiểu mới nhất không thiếu) còn kỹ thuật ngành sản xuất thì thấp (tư bản nước ngoài liên doanh với Việt Nam thường góp máy cũ từ thời 1950-1960).

Quan sát mọi mặt và thẩm định thẳng thắn như vậy thì kết luận Việt Nam trở thành "rồng con" mới thật rất mơ hồ. Thái Lan chưa được thừa nhận là rồng con thứ 5 của Viễn Đông huống chi Việt Nam chúng ta? Đảng cộng sản không kịp thời sửa đổi chính sách sắp xếp lại các mục tiêu và ưu tiên và quyết tâm thực hiện những biện pháp thích hợp và đúng đắn thì sẽ không thể giữ chắc được bánh lái để đưa con tàu kinh tế Việt Nam tới phúc lợi dân tộc. Nếu thất cơ lỡ vận thì nước ta, thay vì trở thành rồng con thứ 5, tung tăng trên thị trường thế giới, thì sẽ chỉ là thú "rồng nộm" làm kiêng hay "rồng con" trong chuồng mà thôi.

Bổ xung chiến lược phát triển

Bởi vì con tàu kinh tế Việt Nam còn chao đảo giữa biển, chưa biết có tạt vào bến phúc lợi được không và bao giờ nên vấn đề đặt ra là chiến lược (phương châm và kế hoạch) phát triển của Việt Nam cần được bổ xung như thế nào? Các mục tiêu và ưu tiên cần sắp xếp lại theo mô thức và thứ tự nào? Có những biện pháp gì cần phải quyết định và thực hiện?

Kinh tế và xã hội Việt Nam có những tắc nghẽn, mâu thuẫn và nét tiêu cực như nêu ở trên chủ yếu là vì chiến lược phát triển đề ra tuy có phương châm và hình thức rất hoa mỹ, nhưng kế hoạch và nội dung thì rất nghèo nàn, nông cạn. Ngoài ra chiến lược ấy không có sách lược kèm theo, tức là thiếu những hình thức tổ chức để thực hiện các phương châm và kế hoạch, đặc biệt các hình thức tổ chức kết hợp sản xuất kinh tế với giáo dục và đào tạo, xã hội với y tế, lao động với kỹ thuật.

Việt Nam đang nhận sự tài trợ của các cơ quan tài chính quốc tế, thu hút tư bản đầu tư nước ngoài mà không có tổ chức và luật lệ có khả năng điều động, "tiêu hóa" các nguồn tài chính ấy thì đất nước không thể phát triển "nhanh, mạnh và vững chắc" được. Trái lại có thể sẽ "phù nộn", mắc phải những tật oái oăm không

lường trước được, và hiện tại có đầy dấu hiệu cho thấy kinh tế và xã hội Việt Nam có khuynh hướng đi vào con đường xấu này.

Nhất định con tàu kinh tế Việt Nam phải đổi chiều bánh lái. Chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam bắt buộc phải được bổ xung bằng cách định những phương hướng đích đáng, sắp xếp rõ ràng các ưu tiên và thiết lập những cơ chế tổ chức có đầu có đuôi. Điều rất quan trọng là muốn bổ xung chiến lược ấy và để có một chiến lược dẫn được tới đích là phúc lợi dân tộc thì không được tăng lờ và im đi những thế yếu. Hơn thế nữa, phải khắc phục các thế yếu, khai triển các thế mạnh. Chính phủ Việt Nam làm ngược lại, đề ra một chiến lược dựa trên các thế mạnh hoặc tưởng như mạnh, và các thế mạnh tương đối nay cũng chẳng còn bao nhiêu. Do đó, chiến lược phát triển bị tắc nghẽn là điều không tránh được. Thế yếu chưa được giải quyết và trở nên ngày càng trầm trọng, trong khi thế mạnh ngày càng nhẹ.

Một chiến lược để phát triển vững chắc và lâu dài

Dựa trên những thế yếu trước, sau tới thế mạnh của Việt Nam hiện nay, và dựa trên yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội đúng đắn và phù hợp với hoàn cảnh của nước ta, nhìn riêng cũng như trên bình diện vùng hay thế giới, một chiến lược phát triển bền vững cho nước ta cần theo tám chủ trương chính sau đây:

1. Ổn định kinh tế vĩ mô
2. Giáo dục và đào tạo có giá trị
3. Tích lũy vốn nhân lực đông đảo và năng động
4. Phân định rõ rệt kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân
5. Lãnh mạnh hóa hành chính và xã hội
6. Nâng cấp giao thông và vận chuyển
7. Nỗ lực mở rộng các ngành sản xuất hướng về xuất cảng
8. Đặt trọng tâm vào những dự án có khả năng hoàn vốn sớm

Ổn định kinh tế vĩ mô: Do đòi hỏi và cố vấn của các tổ chức quốc tế (World Bank, IMF, ADB...), chủ trương này cho tới ngày nay đã đạt được những kết quả thỏa đáng. Vấn đề tiếp nối là làm sao duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô đó? Giải quyết yêu cầu này tùy thuộc rất nhiều vào việc thực hiện những chủ trương kế tiếp.

Giáo dục và đào tạo có giá trị: Điều này có nghĩa đặt giáo dục và đào tạo lên hàng quốc sách và vận động tài năng và trí tuệ trong và ngoài nước đóng góp vào công cuộc phát triển. Chiến lược phát triển hiện nay có ghi nhận yêu cầu giáo dục và đào tạo. Có lẽ thiện chí có đó, nhưng kinh tế xã hội không thể phát triển bằng thiện chí mà bằng ý chí cương quyết, cơ chế tổ chức và chương trình hành động. Giáo dục và đào tạo hiện nay ở Việt Nam như lá cây trong cơn gió lốc không biết đi về đâu. Xét dưới bất cứ khía cạnh nào cũng không thỏa mãn yêu cầu phát triển. Xí nghiệp có vốn nước ngoài tuy đầu tư lên tới 2,5 tỷ USD chỉ thu nhận có 165 ngàn lao động Việt Nam. Ảnh hưởng dây chuyền của những xí nghiệp ấy về mặt tạo việc làm và nâng cao sản lượng quốc dân không đáng kể vì giáo dục đào tạo thuần túy là kiểu tùy cơ ứng biến. Cần phải trao cho giáo dục đào tạo 3 nhiệm vụ cơ bản là truyền đạt tin liệu và hiểu biết, tạo điều kiện để học hỏi và tu luyện để trí tuệ và tinh thần thúc đẩy sự phát triển. Đặc biệt giáo dục đào tạo không những phải nhằm nâng cao hiểu biết (le savoir) chứ không phải là "un savoir" tức là một loại hiểu biết đã được sàng lọc, mà còn phải phát huy khả năng suy xét, lý luận và sáng tạo.

Tích lũy vốn nhân lực đông đảo và năng động: Kế tiếp cần phải thực hiện tức khắc trật tự trong ngành giáo dục đào tạo, quy định tỷ lệ cơ cấu ngành nghề của giáo dục, đào tạo để ăn khớp với ngành nghề cần cho phát triển, thiết lập các tổ chức và các quy

trình để đánh giá chất lượng và hiệu quả của giáo dục đào tạo căn cứ trên yêu cầu phát triển, soạn thảo kế hoạch đúng đắn ngõ hầu làm sao khu vực sản xuất theo hướng nào thì giáo dục đào tạo đi theo hướng đó, khi xí nghiệp thạo nghề và tích lũy vững chắc vốn nhân lực mà hiện nay thiếu vô cùng.

Phát triển bền vững bắt buộc phải coi vốn nhân lực là chính, trông chờ và chạy theo vốn tư bản và vốn kỹ thuật nước ngoài như đang làm là đi lệch hướng. Tất cả 4 rồng con ở Viễn Đông (Đài Loan, Đại Hàn, Hồng Kông và Singapour) phát triển được tới mức bây giờ chủ yếu là nhờ giáo dục đào tạo và vốn nhân lực tích lũy năm này qua năm khác.

Phân định rõ rệt kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân: Thiết lập cơ chế tổ chức để hai khu vực hoạt động có hiệu quả và hỗ trợ nhau. Hiện nay bài toán này rối như tơ vò, mạnh ai nấy làm tranh dành liên doanh với tư bản nước ngoài, thi đua kiếm "lợi" trước khi nhà máy được thiết lập, hàng hóa được sản xuất! Hiện tượng quái đản về giá cả nhà đất là hậu quả của tình trạng úp mở đất nhà nước, đất tư nhân. Nhà nước cần phải dẫn đầu và chủ động đúng chỗ và đúng đường. Ngành giao thông và vận chuyển tuy giữ một vị trí hết sức trọng yếu trong phát triển kinh tế và xã hội lại bị lơ là. Khi nhà nước quan tâm tới thì lại hy sinh hệ thống đường bộ, đường thủy, đường sắt để nhường chỗ cho đường hàng không nhắm vào người ngoại quốc và Việt Kiều hải ngoại. Hiển nhiên, như thế là chủ động sai đường vì ảnh hưởng dây chuyền và đóng góp vào phát triển của chuyển vận hàng không ít hơn nhiều so với các ngành vận chuyển kia.

Lãnh mạnh hóa hành chính và xã hội: Gấp rút và mạnh bạo lãnh mạnh hóa tổ chức hành chính và nếp sống xã hội và bắt đầu xóa bỏ các hiện tượng "tự nhiên" như lạm quyền, hối lộ và hành chính bất nhất. Kết hợp phát triển xã hội với mở mang kinh tế (để dân số Sài Gòn tăng lên 7,5 triệu người, có tầng lớp xã hội ăn chui ở rúc là những điều không thể chấp nhận được) giảm bớt hố sâu giữa thành thị và nông thôn, diệt trừ tham nhũng, hối lộ vì tác hại sâu rộng hơn nhiều người tưởng. Chính tham nhũng hối lộ và hành chính luộm thuộm đã dẫn tới tư bản nước ngoài làm ăn trên đầu trên cổ người dân (liên doanh với thiết bị cũ xua chiết khấu mau mau, thổi phồng phần trăm...) bài trừ nạn buôn lậu gây ảnh hưởng rất xấu lên sản xuất, (buôn lậu giữa biên giới Việt Nam với Trung Quốc ước lượng khoảng 800 triệu USD).

Nâng cấp giao thông và vận chuyển: Công tác này rất tốn kém, cần đầu tư vốn nhiều trong một thời gian tương đối ngắn mà lại hoàn vốn trong khoảng thời gian rất dài. Bởi vậy phải đặt ưu tiên trước và sau cho thật chu đáo không được làm lần. Trước hết cần quan tâm tới giao thông và vận chuyển phục vụ sản xuất và xuất cảng. Thực tế có nghĩa nâng cấp đường bộ, đường sắt trên một số trục giao lưu nhiều hàng hóa và lao động (như Hà Nội-Hải Phòng, Cần Thơ-Sài Gòn, Ban Mê Thuột và Đà Lạt Sài Gòn...) và các hải cảng như Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn... Cần phải xét lại chủ trương dành ưu tiên cho đường bộ và đường sắt xuyên việt Hà Nội-Sài Gòn. Vì Việt Nam có bờ biển dài (3200 km) và địa thế trải từ Nam ra Bắc tới 1700 km, và vì chiến lược phát triển phải hướng về xuất cảng cho nên, nói chung, giao thông và vận chuyển đường biển phải được quan tâm hàng đầu. Thực tế ở nước ta hiện nay không có công trình nào quan trọng để nâng cấp giao thông và vận chuyển. Đặc biệt tình trạng các hải cảng rất tồi tàn không ăn khớp với chủ trương đầu tư và sản xuất hướng về xuất cảng. Vận chuyển hàng hóa trên đất liền chậm trễ khó khăn, hải cảng thì ngày càng bết sấu vì đất bùn lấp đầy (Hải Phòng không tiếp nhận được tàu trọng tải hơn 8000 tấn, Sài Gòn hơn 20 000 tấn, Đà Nẵng hơn 10 000 tấn). Chẳng lẽ xuất khẩu bằng đường hàng

không?

Nỗ lực mở rộng các ngành sản xuất hướng về xuất cảng: Hiện nay chủ trương phát triển sản xuất hướng về xuất cảng còn tập tễnh, chưa có kế hoạch kiểu như "tất cả cho xuất cảng" bao gồm đầu tư, tiếp liệu, huấn nghiệp, tín dụng, thuế má, vận chuyển... và lồng trong một cơ chế tổ chức thống nhất, có những luật lệ minh bạch và được theo sát bởi một cơ quan có thẩm quyền. Lúc này Việt Nam xuất cảng dầu thô và nông lâm ngư sản chưa hoặc rất ít biến chế. Đó là những hàng hóa có rất ít trị giá gia tăng.

Kinh tế Việt Nam chỉ phát triển, dân chỉ giàu, nước chỉ mạnh, khi xuất cảng tăng cao và hàng hóa có nhiều trị giá gia tăng. Muốn như vậy sản xuất phải có trình độ kỹ thuật khá, xí nghiệp phải có lao động thạo nghề, chuyên viên và cán bộ hiểu biết rộng. Nhìn vào thực tế nước ta, những điều kiện này thiếu thốn ghê gớm. Đầu tư nước ngoài tập trung vào khách sạn, du lịch, dịch vụ đại diện thương mại và vốn nội địa đầu tư lãng nhãng, nên tất cả có rất ít ảnh hưởng dây chuyền phát triển kinh tế Việt Nam, cần gấp rút gia tăng xuất cảng hàng hóa có trị giá gia tăng cao, có thị trường tiêu dùng trên đà phát triển nhanh (bộ phận điện tử, điện toán, viễn thông...) và hướng về các nước mà Việt Nam có quan hệ thương mại song phương quan trọng.

Đặt trọng tâm vào những dự án có khả năng hoàn vốn sớm: Cần dành ưu tiên phát triển những dự án sản xuất hàng hóa có nhiều trị giá gia tăng, sản xuất ảnh hưởng dây chuyền, và đặc biệt có khả năng hoàn vốn sớm. Đặc tính sau này của các dự án sản xuất nhằm mục đích chính là bảo đảm khả năng hoàn trả các khoản vay nợ nước ngoài. Đồng thời như thế thì kinh tế sẽ tạo của cải vật chất và giàu có thực sự. Sản lượng quốc gia sẽ tăng cụ thể, góp phần vào việc phát triển bền vững, ổn định kinh tế vĩ mô. Những dự án sản xuất hàng hóa có thị trường tiêu dùng rộng lớn (quần áo, đồ chơi, vật dụng trong nhà...) có thị trường xuất cảng trên đà phát triển nhanh (bộ phận điện tử, điện toán, viễn thông...) hầu hết có khả năng hoàn vốn sớm.

Việt Nam, rộng con kinh tế thứ năm của Viên Đông?

Chính phủ Việt Nam hy vọng rằng với những thế mạnh tương đối của nước ta (lao động rẻ, tài nguyên phong phú, luật đầu tư cởi mở...), và nhờ sự giúp sức của tư bản nước ngoài và sự tài trợ của các quốc gia và cơ quan tài chính quốc tế, kinh tế nước ta sẽ phát triển nhanh, mạnh và vững chắc. Cho tới giờ phút này, dù với sự đóng góp từ bên ngoài, công cuộc phát triển được tới mức nào về số lượng, như thế nào về chất lượng thì đã rõ. Kinh tế Việt Nam tựa như một khu chợ trời, chỉ có khả năng tiếp nhận những quầy hàng buôn bán nhỏ không tính xa.

Chiến lược phát triển kinh tế hiện nay có nhiều sơ hở to lớn, chủ yếu là không chăm lo giáo dục và đào tạo có giá trị, không nỗ lực gầy dựng một cái vốn nhân lực đông đảo và năng động. Ngoài ra chiến lược không có định hướng ưu tiên rõ ràng, không thực hiện được vì hiểu biết và công nghệ thấp kém, cơ chế tổ chức và thủ tục hành chính nặng nề, luật lệ nhà nước có tính chất giang hồ. Trong tình trạng như thế thì không có gì ngạc nhiên khi nước ta không đón nhận được vô số những dự án xứng đáng gọi là đóng góp tích cực và bền vững vào phát triển kinh tế, làm dân giàu, nước mạnh. Ước mơ Việt Nam trở thành "rộng con kinh tế" thật là viễn vông khi ta thấy đầu cơ nhà đất, xây cất khách sạn, buôn lậu hàng hóa, dịch vụ linh tinh, mua bán máy móc tư dụng là những sinh hoạt kinh tế phồn thịnh và phong phú nhất ở nước ta.

Nguyễn Chính Phương

Tháng 1, 1995

Việt Nam đi về đâu ?

Dương Hồng Việt

LTs: Anh Dương Hồng Việt tốt nghiệp cao học và tiến sĩ cơ học năng lượng, quản trị kỹ nghệ và vật lý nguyên tử tại Canada và Hoa Kỳ. Hơn mười năm qua, anh từng cộng tác với cơ quan Nguyên tử lực cuộc Canada và Westinghouse Electric Corp. ở Hoa Kỳ trong các dự án nghiên cứu và phát triển các hệ thống điện nguyên tử ở Bắc Mỹ. Công việc đã đưa anh đi đến khắp các vùng của đất Mỹ; nhờ đó anh có cơ hội tiếp xúc với nhiều người thuộc lược kinh tế, kỹ nghệ của Hoa Kỳ nói riêng, và của thế giới nói chung.

Từ ngày Hoa Kỳ hủy bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam, người Việt chúng ta đa số có một ý nghĩ rằng, thế là cuối cùng đất nước Việt Nam đã có được một cơ hội thoát khỏi cảnh nghèo đói và lạc hậu. Nhưng như cựu đại sứ Bỉ ở Việt Nam từng nói, "đầu tư là một dữ kiện thực thể, chứ không phải là một hiện tượng tình cảm, thế nhưng hình như người Việt Nam đã quên mất điều đó." Nay hơn nửa năm: từ ngày tổng thống Bill Clinton bãi bỏ lệnh cấm vận giúp cho Quỹ Tiền Tệ Thế Giới và Ngân Hàng Phát Triển Á Châu có thể tháo khoán cho Việt Nam vay một tỉ đô la, chúng ta thử kiểm điểm những tiến triển của tình trạng kinh tế Việt Nam trong thời gian qua và phát triển kinh tế tư bản.

Vấn đề đầu tư quốc tế là một nguyên tố chính yếu và quan trọng nhất trong tiến trình phát triển và xây dựng một nền kinh tế cho một quốc gia đang phát triển. Nhưng quan trọng hơn hết là quốc gia ấy phải có những yếu tố cơ bản cần cho sự phát triển quốc gia và có khả năng thu hút liên tục được các nguồn tài chánh quốc tế dài hạn, hầu có thể hoàn tất các chương trình canh tân xứ sở. Vì thông thường những dự án phát triển sản xuất kỹ nghệ đòi hỏi phải có một kế hoạch dài hạn với sự hỗ trợ tài chánh liên tục trong nhiều năm liền. Liệu thực trạng kinh tế nước Việt Nam hiện nay có đạt được những đòi hỏi trên hay không?

Kể từ thập niên 80, các nước Á châu như Nam Triều Tiên, Tân Gia Ba, Đài Loan và Hồng Kông đã chuyển mình thành những quốc gia có nền kỹ nghệ tiên tiến nhờ vào chính sách đầu tư, đã thu hút được tài chánh và kỹ thuật của Nhật Bản và Tây Phương. Tuy nhiên, không phải vì thế mà chúng ta có thể kết luận ngay là hề có đầu tư ngoại viện là đất nước tự nhiên sẽ giàu mạnh. Ta có thể thấy được điều đó khi xem lại lịch sử phát triển kinh tế của Châu Mỹ La Tinh trong thập niên vừa qua: sự phá sản kinh tế và tình trạng lạm phát trầm trọng đã đưa Châu Mỹ La Tinh đến cảnh nghèo đói, thất nghiệp, và trật tự xã hội bị đảo lộn. Thực ra đầu tư quốc tế là con dao hai lưỡi. Bài học ở Châu Mỹ La Tinh cho ta thấy rằng sự lạm dụng vốn liếng vay mượn tài chánh quốc tế đầu tư vào những dự án không tương (thiếu cơ bản xã hội và không đủ điều kiện hỗ trợ sản xuất) có thể làm phá sản quốc gia.

Thông thường, tiến trình đầu tư tài chánh để kỹ nghệ hóa một quốc gia đang phát triển phải trải qua nhiều giai đoạn. Giai đoạn đầu tùy thuộc vào Đầu Tư Bảo Trợ (ĐTBT). ĐTBT là nguồn đầu tư dành cho các nước đang phát triển, khoảng 60 tỷ USD, được giám sát bởi các tổ chức tài chánh quốc tế như IMF, World Bank, Asia Development Bank... Giai đoạn thứ hai có thêm nguồn Đầu Tư Trực Tiếp (ĐTĐT). ĐTĐT là nguồn đầu tư do khoảng

35.000 công ty liên doanh trên thế giới bỏ vốn ra xây dựng các cơ sở và các phương tiện sản xuất ở các quốc gia đang phát triển. Ở hai giai đoạn này tiến trình phát triển kỹ nghệ và kinh tế quốc gia hầu như hoàn toàn lệ thuộc vào ngoại viện. Các mô hình toán kinh tế cho biết rằng ở giai đoạn thứ ba, khi lợi tức của người dân trong nước gia tăng vì công ăn việc làm tạo ra từ kết quả của các cơ sở kỹ nghệ sản xuất thì thị trường tài chính nội địa có thể tự lực phát triển và chính phủ có thể vay mượn tài chính từ tư nhân trong nước để thực hiện những kế hoạch kỹ nghệ hóa mà không còn hoàn toàn lệ thuộc vào ngoại viện nữa. Và giai đoạn cuối cùng là nền tài chính nội địa đã trưởng thành và có đủ vốn liếng tư bản cần thiết để phát triển kỹ nghệ. Ở thời kỳ này nền kỹ nghệ và kinh tế quốc gia phát triển vượt bậc và hoàn toàn tùy thuộc vào sự vay mượn giữa các cơ quan tài chính và tư nhân trong nước.

Tuy nhiên kinh nghiệm ở châu Mỹ La Tinh cho thấy rằng giai đoạn (3) và (4) có thể sẽ không bao giờ xảy ra nếu chúng ta không xây dựng được một cấu trúc sản xuất hiệu quả. Muốn đón nhận vốn đầu tư, phải chấp nhận thực thể yếu kém của chính mình, rồi từ đó đặt ra một sách lược, hoàn chỉnh tại hạ tầng cơ sở như giao thông, năng lượng, truyền thông, v.v... Và tiếp đó, *để đáp ứng lại nhu cầu phát triển, dù muốn dù không thì thượng tầng cấu trúc của xã hội đương nhiên phải thay đổi. Hệ thống luật pháp, tài chính, thuế khoá sẽ phải được cải tổ hợp lý để gia tăng hiệu quả sản xuất, hầu bảo đảm an ninh của người dân cũng như quyền lợi của các công ty đầu tư.*

Chúng ta đừng bao giờ quên rằng lý do đầu tiên mà quốc tế muốn đầu tư trước là vì quyền lợi của chính họ, sau đó mới tới sự hợp tác lưỡng lợi đôi bên... Hầu hết mục đích đầu tư vào các quốc gia thuộc khối thứ ba là để bành trướng thị trường và lợi dụng phương tiện sản xuất địa phương (công nhân, nguyên liệu) giá còn thấp. Do đó các nước thứ ba phải dùng thuế khóa như một dụng cụ để khuyến khích các công ty ngoại quốc đầu tư vào hai lãnh vực sản xuất để xuất cảng và sản xuất để thay thế các sản phẩm mà mình đang nhập cảng. Nếu các điều kiện sản xuất tại Việt Nam không hiệu quả, gây ra giá thành sản phẩm quá cao thì các công ty đầu tư không cạnh tranh nổi với thị trường quốc tế, và hàng hóa chỉ có thể tiêu thụ tại nội địa. Khi đồng lương của người dân trong nước chưa được cải thiện, không thể tiêu thụ hàng hóa, thì các công ty đầu tư sẽ bị thua lỗ và sẽ rút khỏi Việt Nam.

Chúng ta thử so sánh bối cảnh của thực trạng kinh tế Việt Nam với hệ thống phát triển lý tưởng vừa trình bày trên đây để xem tương lai Việt Nam sẽ đi về đâu.

Việt Nam đã có dự luật đầu tư từ năm 1987. tuy nhiên, chính quyền Hà Nội vẫn còn thay đổi dự luật này như cơm bữa. Hệ thống luật pháp và chính sách thuế khóa Việt Nam còn quá sơ đẳng mập mờ. Điều này vô hình chung đã tạo ra một môi trường hoàn hảo cho các ký sinh trùng tham nhũng và thư lại quan liêu được nuôi dưỡng và phát triển vượt bậc. Chính các giới lãnh đạo ở Hà Nội đã công nhận rằng: " Thủ tục hành chính ở Việt Nam đã trở thành quá phức tạp đến nỗi biến chúng ta trở thành nạn nhân của chính nó." Trên danh nghĩa, để đáp ứng lại những thách thức của giới đầu tư quốc tế, chính quyền Việt Nam đã cố gắng giản dị hóa thủ tục xin giấy phép bằng cách giao cho một cơ quan duy nhất, SCCI (Ủy ban hợp tác và đầu tư), thẩm quyền để xét các dự án đầu tư, sao cho giấy phép có kết quả trong vòng 30 ngày. Thực tế, đây là một cái ngó có nhiều cửa: chính quyền địa phương và các phủ bộ đều tham dự vào quyền quyết định. Thời gian trung bình để xin được một giấy phép đầu tư ở Việt Nam là ba năm.

Giới lãnh đạo Hà Nội cũng có những cố gắng cải tổ tình trạng tham nhũng và hành chánh thư lại, nhưng đã bị rất nhiều sự cản trở và chống đối từ trong nội bộ. Lý do là vì những cải tổ ấy đã đụng chạm đến quyền lợi và phe nhóm từ trung ương đến địa phương. Thực ra, những "thay đổi" ấy chỉ có tính cách vá vúi tạm bợ, chứ không đủ khả năng cải tổ lại thượng tầng cấu trúc xã hội để hoàn chỉnh một hệ thống hành chánh và luật pháp rõ ràng minh bạch. Phải biết rằng *một hệ thống hành chánh và luật pháp lý tưởng là một hệ thống, từ trung ương đến địa phương, được xây dựng với mục đích duy nhất là phục vụ và nâng cao đời sống người dân, chứ không phải là một hệ thống được sử dụng như một vũ khí để cai trị và đè bẹp con người.*

Riêng hạ tầng cấu trúc của xã hội Việt Nam tuy có thể hoàn chỉnh dễ dàng hơn, nhưng vì lòng tham, chỉ thấy cái lợi trước mắt mà quên đi cái nhìn đường xa, nhất là quên mất chiến lược hỗ tương và cạnh tranh kinh tế thị trường trên thế giới, nên tình trạng giá cả ở Việt Nam đã lên cao đến mức không hợp lý. Có ai tưởng tượng được tiền thuê một văn phòng hạng nhất ở trung tâm thành phố New York (636 USD/m²/tháng) lại rẻ hơn thuê một văn phòng ở Hà Nội hay Sài Gòn (780 USD/m² tháng)! Giá thuê ở Việt Nam cao gấp ba lần so với các quốc gia láng giềng, điển hình như Bangkok (250 USD/m²/tháng). Ngoài ra, giá điện thoại và điện thư (fax), do bưu điện Việt Nam độc quyền khai thác, cao gấp đôi giá thị trường quốc tế. Theo tài liệu mới nhất của các cơ quan đầu tư tổng kết trên hơn 100 quốc gia trên thế giới, thì sau đây là thứ hạng của các quốc gia có những điều kiện hoàn hảo và thuận tiện nhất cho đầu tư và phát triển kinh tế: thứ nhất Hồng Kông, thứ nhì Taiwan, v.v..., và thứ trên một trăm là các nước Phi Châu, rồi hạng chót là Việt Nam, Cuba và Bắc Triều Tiên.

Để lôi cuốn đầu tư, Việt Nam có lập ra những khu vực kinh tế tự do ưu tiên cho các công ty quốc tế. Thực ra thì khu vực kinh tế tự do đã phỏng theo mô hình phát triển kinh tế của Trung Quốc. Trong những khu vực này, các công ty có quyền ưu tiên xuất nhập nguyên liệu sản xuất, chính sách thuế và sự can thiệp của chính quyền sẽ giảm thiểu, và có sự tự do trao đổi ngoại tệ. Nhưng gần đây, không hiểu vì sao chính quyền Việt Nam vừa chính thức thông báo là kể từ đầu tháng 10 năm 1994, các công ty phải dùng tiền Việt Nam để trao đổi. Phải chăng là vì ngân hàng chính phủ muốn độc quyền trao đổi ngoại tệ. Để dễ hình dung về khu kinh tế tự do, người viết xin đưa ra một ví dụ cụ thể, đó là khu kinh tế tự do Tân Thuận ở Việt Nam: giá đất cho thuê quá cao so với các nước láng giềng Thái Lan, Phi Luật Tân và Trung Quốc, phương tiện vận chuyển chưa được phát triển, và giá điện lực vừa cao vừa bất thường. Việt Nam đã quên mất rằng sở dĩ các khu kinh tế ở Quảng Đông đã thành công vượt bậc vì Hồng Kông đã xây nhiều xa lộ nối liền hải cảng với phi trường: đồng thời trong mười năm qua, Trung Quốc đã xây dựng hàng loạt các nhà máy nguyên tử và những trung tâm thủy điện khổng lồ để hỗ trợ chương trình canh tân kỹ nghệ.

Mặc dù lệnh cấm vận không còn, nhưng hàng hóa xuất cảng từ Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn bị đánh thuế nhập cảng rất cao so với các nước Á Châu khác. Chỉ khi nào Hoa Kỳ tái thiết lập bang giao, hàng hóa Việt Nam xuất sang Hoa Kỳ mới có thể được giảm thuế theo quy chế đặc biệt "tối huệ quốc". Đây là một trong những lý do khiến các công ty Hoa Kỳ vẫn còn chò đợi. Trong vòng sáu tháng sau khi hủy bỏ lệnh cấm vận, có khoảng hơn mười dự án của Hoa Kỳ với số vốn đầu tư 159 triệu

(Xem tiếp trang 20)

Nông thôn Việt Nam hiện nay

Nguyễn Anh Tuấn

Khi về thăm đất nước kiêu bào chúng ta thường chỉ tập trung ở các thành phố lớn và dùng thời gian vào các cuộc rong chơi thăm bạn bè anh em họ hàng. Một số người về nước bị thu hút vào những "trận say suốt sáng, trận cười thâu đêm" ăn chơi xả láng không còn biết dân tình sống ra sao.

Nhưng ngược lại có nhiều đồng bào mình về nước đã về thăm vùng nông thôn, nơi có vựa thóc gạo với người nông dân Việt Nam cần cù một sương hai nắng, chăm chỉ làm ăn trên mảnh đất bị bom đạn cày xới để nuôi sống toàn dân tộc. Đó là một thể hiện mối quan tâm của những con người còn tha thiết với đồng quê. Nhưng tính đến bây giờ, trong lúc ở độ thành như Hà Nội, Sài Gòn đã xuất hiện những triệu phú USD, những nhà tư sản đô ăn chơi vút tiền qua cửa sổ thì:

*Tôi biết quê tôi vẫn nghèo
Cuộc đời còn lắm nỗi cheo leo
Còn nhiều gian khổ quê tôi ấy
Mà lòng đau xót biết bao nhiêu*

Ta vẫn thấy cảnh con trâu đi trước cái cày đi sau. Vẫn cô gái quê khom lưng cấy lúa trong cái nắng chang chang đỏ lửa. Ta vẫn thấy thương thương người nông dân đón hậu thực thà. Nhưng ít ai trong chúng ta chịu lắng mình về nông thôn làm một việc gì đó để nâng cao một bước cuộc sống khốn cùng của đồng bào ta nơi thôn dã.

Ta cảm thấy như có lỗi với nông thôn, khi ta chưa làm được gì cho 70 phần trăm dân số này của đất nước. Và dường như có một cái gì như chèn trách trong lòng khi ta thấy những người ngoại quốc bắt đầu nhìn ngó đến nông thôn Việt Nam. Tuy rằng họ nhìn ngó để tìm cách đầu tư kiếm lợi là chủ yếu. Nhưng dù sao cũng là một điều tốt cho đất nước.

Một phóng viên người Anh đã có những nhận xét khá sắc sảo trong một bài phóng sự nói về nền kinh tế nông thôn Việt Nam, và những nhận định của anh về chính sách của nhà nước Việt Nam đối với nông thôn. Xin lược dịch để các bạn cùng tìm hiểu những gì anh Kieran Cooke viết về nền nông nghiệp Việt Nam.

"Những nhà đầu tư ngoại quốc và các ông chủ lớn nhỏ Việt Nam hiện nay đang hết sức bận rộn để tìm cách kinh doanh làm giàu trong lãnh vực kinh doanh công nghiệp ở các thành phố lớn. Nhưng nền công nghiệp Việt Nam với 70 % số dân trải rộng ra toàn cõi Việt Nam thì chưa mấy ai chịu để mắt đến. Tuy vậy với sự nỗ lực của bản thân mình, người nông dân Việt Nam cũng có những thành tựu đáng ca ngợi. Trong năm 1993 sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam trong đó bao gồm cả ngành đánh cá và rừng cây, đã chiếm tỷ lệ trên 50% tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam. Họ đã mang lại vinh quang cho đất nước này; từ một nước thiếu ăn phải nhập cảng gạo nay trở thành một quốc gia xuất khẩu gạo đứng vào hàng ba trên thế giới, sau Mỹ và Thái Lan.

Tuy vậy sự phát triển nông nghiệp Việt Nam còn rất bấp bênh. Vì nền sản xuất này còn lệ thuộc khá nhiều vào điều kiện thiên nhiên. Các trang bị cho một nền nông nghiệp hiện đại chưa có bao nhiêu. Và nhà nước dường như ít quan tâm đến nó. Những trận lũ lụt năm nay đã làm nền nông nghiệp mất đi trên một triệu tấn gạo. Nhà nước chẳng có mấy biện pháp tích cực giúp đỡ, nền

nông nghiệp dường như bị thả nổi. Nhưng lại muốn đạt được những chỉ tiêu cao trong sản xuất nông nghiệp. Với tài năng và tính cần cù của người nông dân Việt Nam, họ đã khắc phục được thiên tai và mọi khó khăn khác để đạt một chỉ tiêu sản xuất đáng khích lệ: 25 triệu tấn lúa gạo cho năm nay, trong đó có 2 triệu tấn dùng cho xuất khẩu. Ngoài ra còn phải tính đến khoảng chừng 300.000 tấn lúa gạo xuất lậu sang Trung Quốc qua đường biên giới. Điều đó chứng tỏ sức lao động sáng tạo phi thường của người nông dân Việt Nam.

Đáng lẽ nền nông nghiệp Việt Nam còn có khả năng vươn cao hơn. Nếu như không gặp phải những chính sách quái gở của nhà nước CSVN. Chúng ta biết rằng sau khi thống nhất hai miền Nam Bắc Việt Nam vào năm 1975, Hà Nội đã lao vào một kế hoạch 5 năm để hợp nhất nền kinh tế cả nước dưới dạng kinh tế XHCN. Một hệ thống kinh tế lỗi thời đã chìm nông thôn miền Bắc Việt Nam trong cảnh nghèo đói suốt mấy chục năm qua. Và khi kể chiến thắng về quân sự kia lại một lần nữa cưỡng chế nông dân miền Nam trong cảnh khốn cùng của nền kinh tế XHCN nông thôn. Họ lý luận rằng: Nền nông nghiệp trù phú ở miền Nam sẽ hỗ trợ cho nền công nghiệp phát triển ở miền Bắc. Nhưng thực tế đã chứng minh những chính sách nông thôn của đảng CSVN là hoàn toàn thất bại. Họ đã giam chân người nông dân miền Bắc trong đói nghèo mấy chục năm và họ lại tiếp tục giam chân người nông dân miền Nam Việt Nam gần hai chục năm nữa. Đó là nhận xét của các nhà quan sát nước ngoài về nền kinh tế nông thôn Việt Nam.

Vào những năm cuối cùng của thập niên tám mươi, nhà nước Việt Nam đã buộc phải cuốn gói cái chính sách tập thể hóa nông trang và cho phép người nông dân Việt Nam được tự do canh tác trên mảnh đất của mình và được bán ra thị trường những sản phẩm thặng dư. Kể từ ngày đó nền sản xuất cá thể trở lại nông thôn. Và nền sản xuất đã vọt lên một cách phấn khởi. Tính đến nay những nông trường quốc doanh của nhà nước chỉ còn chiếm tỷ lệ 4% trong sản xuất nông nghiệp.

Nếu như nhà nước chịu đầu tư nhiều hơn vào nền sản xuất nông nghiệp và quan tâm đến nó, thì nó còn có hiệu suất cao hơn nữa. Thường là họ chỉ ngồi không thụ hưởng những thành quả của người nông dân mang lại. Trước đây họ dựa vào khối XHCN. Nay họ buôn bán lúa gạo với các nước Malaysia, Brazil và Mỹ. Nhưng gạo xuất cảng của Việt Nam so với các nước như Thái Lan, Indonésia vẫn còn kém phẩm chất. Do đó Việt Nam bị thiệt từ 50 \$US đến 100 \$US một tấn theo giá thị trường. Nhà nước vẫn chưa quan tâm đúng mức vấn đề này.

Một chuyên gia nông nghiệp Hà Nội, ông Chu Văn Lâm nói: "Nhà nước vẫn chưa quan tâm đúng mức đến việc đầu tư để phát triển nền nông nghiệp. Đó là vấn đề chủ chốt. Những người nông dân không có đủ tiền vốn để sắm trang bị hiện đại như máy kéo chẳng hạn để tăng trưởng thu hoạch trên ruộng đất của mình."

Tuy nhiên ngân hàng nhà nước cũng cho khoảng 40 % hộ nông dân vay vốn để tăng gia sản xuất. Nhưng lợi tức rất cao và thời gian cho vay chỉ có 6 tháng. Ngân hàng thế giới đã cho Việt Nam vay 96 triệu \$US để tái thiết nền nông nghiệp. Nhưng chỉ chừng một nửa số tiền này nằm trong dự án cải tạo phát triển nền nông nghiệp. Và không biết nó có thực sự đến tay người nông dân hay không.

Nhưng lúc nào nhà nước cũng hô hào sản xuất nhiều, xuất khẩu nhiều. Họ đòi hỏi phải giữ mức xuất khẩu lúa gạo từ 2 triệu tấn trở lên. Đòi tăng cường sản xuất cao su, cà phê, chè, hoa trái và rau để xuất khẩu đổi lấy ngoại tệ. Muốn làm được việc này

cũng cần có vốn đầu tư vào các nông trường cao su, cà phê v.v... Trong lĩnh vực này họ cũng đạt được một chút thành tích. Sản xuất cao su tăng 10 % trong năm 1993. Ngô cũng tăng và cà phê năng lên gấp hai lần.

Nhưng Việt Nam còn yếu kém về kỹ năng quản lý và thị trường. Những sản phẩm hải sản chưa có đủ nhà máy chế biến và các kho lưu trữ dùng cho công việc xuất khẩu. Do đó họ đã làm giàu cho các nhà doanh thương hải sản Thái Lan. Các nhà buôn nước này mua hải sản của Việt Nam rồi tái chế bán ra thị trường quốc tế thu lợi cao.

Những khu rừng và khu đất cao trồng cao su hồi xưa bị chất độc hóa học Mỹ hủy hoại trong chiến tranh vẫn tiếp tục gây tác hại cho đến ngày nay. Nhưng chính phủ cũng chưa có biện pháp hữu hiệu nào để cải tạo nó. Một vấn đề làm các nhà đương cục Việt Nam đau đầu nhức óc là: khoảng cách giữa nông thôn và thành thị ngày càng tăng. Thu nhập tính theo đầu người ở Việt Nam hiện nay là trên 200 \$US một năm. Nhưng trong thực tế nhiều vùng nông thôn Việt Nam vẫn chỉ mới đạt được một nửa con số đó. Người ta ước tính khoảng trên 50 % dân số Việt Nam sống dưới mức nghèo đói. Phần lớn những người này là nông dân. Nhiều nông dân quá nghèo đã chạy ra thành phố, gây nên mối lo ngại cho chính quyền.

Nhà nước Việt Nam quan tâm không đúng mức vùng nông thôn rộng lớn của họ. Các quan chức cao cấp trong chính phủ đang sống sung sướng trong các biệt thự sang trọng chẳng mấy khi có thì giờ nghĩ đến nông dân và nông thôn.

Họ có cho thành lập một công ty nông nghiệp gọi là Vinanimex để khuyến khích gã gấm công ty nước ngoài đầu tư phát triển nông nghiệp ở Việt Nam. Họ định đưa một số xí nghiệp như nhà máy may mặc ra vùng nông thôn. Nhưng tính đến nay mới chỉ có một vài công ty ngoại quốc để mắt vào vùng nông thôn rộng lớn này."

Nguyễn Anh Tuấn

Việt Nam đi về đâu? (Tiếp theo trang 18)

...USD chờ đầu tư vào Việt Nam. Ưu điểm duy nhất còn lại cho các công ty sản xuất để xuất cảng ở Việt Nam là giá nhân công rất rẻ (50 USD/tháng). Tuy nhiên đối với những công ty đầu tư vào Việt Nam để mở mang thị trường thì mãi lực của người dân quá thấp khiến thị trường tiêu thụ bị giới hạn.

Dựa vào những dữ kiện trên đây chúng ta có thể kết luận rằng thực ra tình trạng phát triển kỹ nghệ và kinh tế Việt Nam còn đang phôi thai chưa vượt qua được giai đoạn một và hai (Đầu tư bảo trợ và Đầu tư trực tiếp). Do đó các chương trình phát triển kỹ nghệ quốc gia hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng Việt Nam có thể lôi cuốn được các nguồn tài trợ và đầu tư tài chánh trên thế giới hay không. Liệu cấp lãnh đạo Việt Nam có nhận thức rằng, với những chướng ngại vô vàn trước mắt, muốn thực sự cạnh tranh với thị trường quốc tế, không phải chỉ cần có ý muốn, hay mơ tưởng, là đủ, mà cần phải có một kế hoạch kỹ nghệ hóa quốc gia dài hạn để tận dụng và hiệu quả hóa tối đa các phương tiện sản xuất. *Nhưng hiện nay, hình như giới lãnh đạo Hà Nội chỉ chú trọng vào những cải tổ ở hạ tầng cấu trúc xã hội, và hơn nữa những cải tổ này có tính chất giai đoạn và ngắn hạn. Còn những liên đới ở thượng tầng cấu trúc xã hội như tài chánh, kinh tế, luật pháp, và chính trị họ đều không muốn và không dám đi động đến. Cải tổ như thế chẳng khác gì muốn cây tốt mà cứ chăm sóc ở lá và tỉa ở ngọn nhưng quên mất cái gốc, cái rễ!*

Dương Hồng Việt

Triết lý con giun

Đỗ Quyên

LTS. Đỗ Quyên, nhà tâm lý xuất thân từ Đại Học René Descartes, Paris V, hiện đang sinh sống tại Adelaide, tiểu bang South Australia. Cộng đồng người Việt tại Úc biết nhiều về cây bút nữ này qua những đề tài về văn hóa, giáo dục và xã hội.

Chú giun Úc Châu

Tôi đang sống ở Úc Châu. Người Úc có nhiều đặc tính đáng yêu. Họ có lòng thương người, thích đời sống chậm để có thì giờ để "hưởng", thích nơi yên tĩnh và yêu thiên nhiên, cây cỏ, súc vật. Mới đây, trong vùng tôi ở, xuất hiện những cửa hàng mới: "bán giun". Những người Úc thích bảo vệ môi sinh, mua giun về nuôi. Họ nuôi giun bằng đồ ăn dư thừa từ bếp. Giun ăn rồi sản xuất ra phân là một thứ đất rất sộp, không mùi hôi, có khả năng giữ nước cao, có độ pH trung bình là 7, dùng để trải chung quanh các gốc cây rất tốt.

Tôi cũng bắt chước người Úc nuôi giun. Tôi ngồi suy ngẫm về các chú giun này. Chúng là những sinh vật rất khiêm tốn, bò sát dưới đất. Ngày này qua tháng nọ, chúng làm cái công việc thầm lặng của người đổ rác cho toàn quả địa cầu của chúng ta. Nhưng chúng đổ rác hay hơn loài người. Nói đúng hơn, chúng tái dụng chất thải. Từ mọi thứ rác rưởi, lá cây, hoa trái, xác bọ, phân thú,... vút xuống đất chúng đều ăn cả và biến hết thành chất đất màu mỡ.

Nếu thay rác rưởi vật chất bằng rác rưởi tinh thần thì công việc của các chú giun được gọi là Thăng Hoa. Trong đời sống chúng ta có biết bao nhiêu tình cảm thấp kém, hận thù, nghi kỵ, ty hiềm... cần có chú giun tinh thần để làm công việc thăng hoa? Đối với những nghi kỵ, hận thù này, chúng ta có thể nào làm công việc của chú giun, tiêu hóa chúng, giải quyết chúng và thăng hoa chúng trở thành những tình cảm, thái độ cao thượng, hữu ích như lòng tha thứ, xóa bỏ hận thù hay không?

Sao lòng ta vẫn còn biên giới

Nhìn về đất nước và cộng đồng Việt Nam hải ngoại, có một thứ rác rưởi vì đại đang cần thăng hoa. Đó là sự mất niềm tin, lòng hoài nghi lẫn nhau. Tiếng súng đã im bật từ tháng 4-1975 mà sao lòng dân ta vẫn còn biên giới? Vẫn còn trăm mối chia lìa, ngăn cách hận thù? Nào là mối nghi kỵ Nam Bắc. Nào là đủ mọi thành phần dân tộc từ những quá khứ khác nhau, cô lập trong những vòng kềm gai biên giới, tưởng như không sao cởi mở được. Người đảng viên cộng sản ngoài Bắc, người miền Nam đi theo kháng chiến chống Pháp rồi gia nhập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, người du sinh hay lao động ở Đông Âu, người lính và người dân của Việt Nam Cộng Hòa cũ, thành phần lực lượng thứ ba trước 1975, những khuynh hướng chống cộng khác nhau của người quốc gia trong nước và tại hải ngoại, những người cộng sản chưa phân tỉnh, v.v... và v.v... Kể sao cho hết những đường kẻ dọc ngang, những lần ranh biên giới chia cắt con tim Việt Nam?

Một trăm năm sau, nếu cùng nhìn về lịch sử, ta sẽ đồng ý với nhau là đã hai lần trong hai thế kỷ qua, dân tộc ta đã hực con tàu

canh tân tiến bộ. Thời vua Tự Đức, thay vì lấy quyết định sáng suốt như vua Minh Trị của Nhật Bản, học hỏi kỹ thuật tây phương để canh tân đất nước theo kịp đà phát triển của nhân loại, thì chúng ta lại bế quan tỏa cảng. Sau đệ nhị thế chiến, chúng ta đã có thể quyết định dành lại độc lập rồi xây dựng một đất nước tự do, dân chủ, tiến bộ mà không theo chủ nghĩa cộng sản. Nhưng chúng ta lại hụi con tàu canh tân lần thứ hai này. Rồi chúng ta lại lao vào cuộc chiến Nam Bắc phi lý và thừa thãi, hao tổn biết bao nhiêu sinh mạng và phá tan cả giềng mối đạo đức dân tộc. Một cuộc chiến không có anh hùng, không vịnh quang, không kẻ thắng mà người thua duy nhất là dân tộc Việt Nam. Một cuộc chiến cộng sản/cộng hòa mà chúng ta đã điên rồ nhập cảng từ ngoài vào. Chiến tranh ý thức hệ cộng sản/không cộng sản của Tây phương tại sao lại phải diễn ra trên đất nước Việt Nam, đổ xương máu của người dân ba miền? Tranh chấp Mỹ-Nga-Tàu tại sao lại phải hy sinh bao thế hệ trai trẻ Việt Nam? Cái biên giới cộng sản/cộng hòa vay mượn từ ngoài ấy, ngày hôm nay chúng ta có nên xóa đi không để trở về với *đồng tâm dân tộc*? để cùng nhau góp phần vào việc chấm dứt cộng sản và sánh vai xây dựng lại đất nước.

Hạt ngọc hay nắm đất: Đồng thuận-Đồng tâm

Một người bạn thân của tôi thường kể lại lời nói của một người Nhật, so sánh dân của anh với người Việt Nam: "Người Việt các anh thông minh tài giỏi như những viên ngọc sáng ngời. Người Nhật chúng tôi giống như những hạt đất nhưng chúng tôi có thể tụ lại được với nhau thành một nắm đất". Tôi không biết những hạt ngọc Việt Nam sẽ làm được những sự nghiệp vĩ đại gì nhưng chắc chắn đã chứng kiến sự thành công vượt bực của nắm đất Nhật Bản. Trong những năm cuối thập niên 80, khi nước Úc còn đang lao đao với cuộc khủng hoảng kinh tế, một ký giả đài phát thanh ABC tại Nam Úc phỏng vấn một nữ giáo sư Nhật dạy môn kinh tế tại đại học Adelaide: "Tại sao nước Nhật đã thành công trong phép lạ kinh tế sau đệ nhị thế chiến, từ thất bại quân sự mà vươn lên thành một cường quốc kinh tế? Người Úc có thể học hỏi được gì từ kinh nghiệm này của người Nhật hay không?". Bà giáo sư Nhật trả lời: "Điểm quan trọng nhất là phải tạo ra được một sự *đồng thuận, đồng tâm* của toàn dân. Người dân Nhật chúng tôi đã xây dựng lại đất nước trên căn bản đồng tâm đồng thuận về một tương lai chung của dân tộc". Đồng tâm, đồng thuận là một nét đặc thù của người Nhật Bản. Ông Ozawa, trong cuốn sách "Blueprint for building a new Japon" (Phác họa kế hoạch xây dựng một nước Nhật mới) cũng viết: "Nhật Bản là một xã hội tuân theo, không phải là quyền lực của đa số, mà là sự đồng tâm nhất trí. Dù chỉ có một người chống đối một quyết định, quyết định ấy không thể lấy được. Nếu một người khăng khăng áp đặt ý kiến riêng của mình thì không thể quyết định gì hết". Vậy mà sau thế chiến thứ hai cho tới ngày nay, người Nhật vẫn lấy được những quyết định chung quan trọng để canh tân đất nước một cách thành công vượt bực. *Đất nước chúng ta cũng đang cần sự đồng tâm, đồng thuận.*

Trước cửa nhà tôi có hai cây hoa đào. Đến mùa đông, lá rụng hết, chỉ còn lại các cành trụi in đậm nét trên nền trời xanh. Nhìn kỹ các cành này, không cành nào mọc hướng giống cành nào. Có đầu cành vươn cong lên, có đầu cành lại chìa xuống, quẹo ngang xuống gần 90 độ! Thế mà toàn thân cây vẫn giữ được cái dạng bầu tròn đều đặn của nó. Y như có bàn tay vô hình nào đó đã khéo tía cành cho cây giữ được cái dạng chung bầu tròn này.

Đồng thuận cũng thế. Không có nghĩa là mỗi cá nhân phải nhất nhất có mọi tư tưởng, quan niệm đồng nhất với nhau. Giống như các cành cây kia, chúng ta có thể mọc nhiều hướng, có những quan điểm khác nhau. Nhưng chúng ta phải giữ được một đường hướng chung nào đó để toàn thân cây giữ được nét chung bầu tròn của nó, để toàn nước có một hướng chung tiến lên. Dị biệt cá nhân trong đại đồng của dân tộc. Làm sao tiến đến sự đồng thuận này?

Tội lỗi của người là tội lỗi của ta

Một ý tưởng của Krishnamurti đã nhiều năm ám ảnh tôi. Ông cho rằng mỗi cá nhân chúng ta đều chia sẻ định mệnh chung của nhân loại, đều mang trách nhiệm chung đối với nhân loại. Cho nên tội lỗi của bất cứ ai cũng là tội lỗi riêng của chúng ta. Ý tưởng giống như một nghiệp quả chung bao trùm cả nhân loại. Đầu óc lô-gíc "cartésien" của tôi bấy lâu nay vẫn không sao hiểu được lối suy nghĩ này. Không lẽ những người lãnh tụ tàn ác của đảng cộng sản Việt Nam làm tội mà tôi cũng xem là tội lỗi của riêng mình sao? Vậy mà đâu đó sâu trong tiềm thức, tôi vẫn cảm thấy và chấp nhận đó là một chân lý.

Thật ra, trên bình diện thuần lý trí thì nó không có lý. Ai làm nấy chịu. Nhưng trên bình diện tâm thì nó hoàn toàn hợp... lý (hay hợp tình). Một khi bắt đầu thương yêu ai thì định mệnh của người đó là định mệnh của ta. Đời sống, cảm xúc, sự vui buồn của người ấy là đời sống, cảm xúc, sự vui buồn của chính mình. Chẳng thế mà trong gia đình con dại cái mang. Con làm lỗi thì cả cha mẹ anh em đều chia sẻ chung trách nhiệm và sự nhục nhã. Rộng hơn gia đình, khi chúng ta kính trọng các vị anh hùng tiền bối, chúng ta cũng tin rằng giòng máu bất khuất, thương dân yêu nước của các ngài cũng như đang luân lưu trong huyết quản của chúng ta. Chúng ta chịu chia sẻ cái vinh, cái hào hùng của các vị anh hùng nhưng chúng ta không chịu chia sẻ trách nhiệm về cái gian hùng tàn ác của những người đồng bào khác.

Hãy tưởng tượng một đáng giải thoát như đức Chúa, đức Phật đã mở tâm từ bi thương yêu đến toàn thể nhân loại thì câu nói: "Vui buồn của người cũng là vui buồn của ta. Định mệnh của người cũng là định mệnh của ta. Tội lỗi của người cũng là tội lỗi của ta". Chia sẻ cái vinh, cái nhục, cái tội chung ấy nào có gì lạ nữa đâu?

Trong xã hội nào cũng có những thành phần làm tội. Phản ứng đầu tiên của nhiều người là dẹp bỏ các thành phần này ra khỏi cộng đồng dân tộc. Đàn áp, giam giữ hay tiêu diệt họ? Chúng ta không thể nào gạt bỏ họ được vì làm như thế khác chi chặt đứt một ngón tay của bàn tay chung của chúng ta? . Vậy thì phải hiểu làm sao đây câu nói: "Tội lỗi của người anh em Việt Nam chúng ta, từ cả ba miền đất nước, không phải chỉ riêng gì người cộng sản miền Bắc, cũng là tội lỗi chung của chúng ta?". Điều này có nghĩa là chúng ta sẵn sàng chia sẻ trách nhiệm chung về những hậu quả của tội ác. Giống như người anh, người cha, người mẹ trong gia đình sẵn sàng chia sẻ trách nhiệm về hành động phạm tội của đứa em nhỏ. Chia sẻ trách nhiệm để chấp nhận đứa em nhỏ trở về với dân tộc và cùng sánh vai xây dựng đất nước trên một căn bản lành mạnh mới.

Ba bí kíp từ khoa tâm lý học

Ông Steve Biddulph, một tâm lý gia trị liệu gia đình tại Úc, cho rằng hai điều quý nhất mà các phụ huynh có thể làm cho con cái. Thứ nhất là làm cho con em tin tưởng là dù bất cứ chuyện gì xảy ra, bố mẹ em cũng thương yêu em vô điều kiện. Thứ nhì là biết đặt giới hạn, nghĩa là hướng dẫn, giáo dục và cản ngăn khi

em sai lầm. Tôi xin thêm vào một bí kíp thứ ba: Khi dạy dỗ em sửa lỗi, cha mẹ chỉ lên án hành vi sai lầm của em, đừng hạ nhục cá nhân con người của em, để em còn giữ được sự tự trọng, tự tin nơi chính mình. Hành vi có thể sai lầm lúc này lúc kia nhưng cha mẹ phải luôn luôn tin tưởng vào con người của em có thể thay đổi và thăng tiến.

Dù sao tôi vẫn... yêu người

Hai mươi năm chiến tranh ruột thịt qua, người dân ba miền đều hằn những vết thương nhức nhối. Không gia đình nào không có một người anh em họ hàng mất đi hay bị thương tật trong cuộc chiến. Trong hoàn cảnh đó, người bên này nhìn người bên kia, khó mà không thấy dâng lên lòng hận thù, đau đớn vì mất người thân. Vậy mà đã có những khi bên nọ bên kia nhìn nhau mà vẫn nhận ra... anh em. Người cháu từ miền Bắc vào thăm cô chú ở miền Nam sau 20 xa cách, ngỏ lời: "Cháu ở với chúng nó lâu rồi, cháu biết. Cô chú không ở được đâu, để cháu lo cho cô chú đi đi tản". Người đảng viên miền Nam hỏi chánh tâm sự với anh sinh viên tranh đấu cho dân chủ bị giam cùng trại cải tạo: "Tao cả đời bị chúng nó lừa. Tay tao đã vấy máu không biết bao nhiêu thằng nhỏ bằng tuổi chúng mày. Bây giờ tao chỉ muốn cạo trọc đầu quay vào tường sám hối...". Có thể năm xưa, trong trận đánh nội thành, người đảng viên ân hận này đã đụng trận với chính người anh ruột của anh sinh viên. Nhưng ngày nay, đôi bên nhìn thẳng vào mặt nhau, lắng nghe tâm sự của nhau thì chỉ thấy cả hai thân phận người Việt Nam đáng thương mà thôi. Còn lòng dạ nào mà nói đến hận thù nữa. Khổ đau, bầm dập, hận thù bấy lâu nay chắc đã quá đủ!

Ông Krishnamurti, một nhà tư tưởng và truyền đạo người Ấn Độ có nhận xét rằng: Trong mối liên hệ giữa người với người, chúng ta chỉ nhìn nhau qua những hình ảnh, những khuôn mẫu định kiến mà thôi. Người chồng chưa bao giờ thực sự nhìn thấy vợ mình mà chỉ nhìn thấy "hình ảnh" của vợ mình hay khuôn mẫu định kiến về vợ mình. Người miền Nam nhìn người miền Bắc qua khuôn mẫu định kiến truyền là "con người cộng sản độc ác, vấy máu tanh gớm ghiếc...". Người miền Bắc cũng nhìn người miền Nam qua khuôn mẫu định kiến bị tuyên truyền khác là "bọn nguỵ bán nước cho ngoại bang, bóc lột và đàn áp người dân đen...".

Có bao giờ chúng ta thực sự nhìn thẳng vào... mắt nhau, vào tâm nhau chưa? Để chỉ thấy chúng ta đều là... con người cả. Và để dâng lên nỗi niềm thương cảm là dù sao chúng ta vẫn yêu... người. Người đồng bào Việt Nam của chúng ta!

Mẹ và bàn tay năm ngón

Bà mẹ kia có năm con như bàn tay có năm ngón. Có ngón dài ngón ngắn, ngón thon ngón mập. Con bà có đứa ngoan, đứa hư. Đứa thương người, đứa cướp bóc. Bà mẹ vẫn không từ bỏ con nào cả. Như bàn tay năm ngón không lè chặt đi vài ngón?

Bà mẹ Việt Nam cũng có đàn con ngoan, đàn con hư. Bà vẫn nuôi dưỡng cả đàn mà đôi khi còn chăm sóc nhiều hơn cho lũ con hư để chúng nó nên người.

Người Úc có tinh thần xã hội cao. Khi nói đến trẻ em phạm pháp, dư luận thường cho đó là trách nhiệm chung của toàn thể xã hội đã không lo lắng cho họ đầy đủ, khiến hoàn cảnh xã hội và gia đình đưa đẩy họ vào vòng tội ác. Thật là một lối nhìn nhân ái đáng bất chước, ý thức được trách nhiệm chung và chia sẻ định mệnh chung giữa năm ngón của một bàn tay chung.

Trở lại năm ngón tay hay vô số giòng con từ những quá khứ chính trị khác nhau của đất nước Việt Nam chúng ta. Chúng ta

không thể tiếp tục hận thù nhau, đẩy lui nhau ra khỏi tập thể - khác nào chặt đứt vài ngón tay. Dù muốn dù không, máu mủ dân tộc đã mãi mãi nối kết định mệnh chúng ta thành một khối. *Chúng ta cần về với nhau trong sự đồng tâm đồng thuận dân tộc.*

Dem ba bí kíp trên áp dụng vào cung cách cư xử của chúng ta với các thành phần dân tộc không cùng tư tưởng. Thứ nhất, dù chuyện gì đã xảy ra trong quá khứ, chúng ta chấp nhận nhau là đồng bào của nhau, có mối tương quan và liên hệ không xóa bỏ được, vì máu mủ dân tộc. Do đó phải tạo ra được một môi trường để có thể sống chung được. Thứ nhì, mọi người đều bình đẳng và có quyền tự do trong sinh hoạt chính trị, tư tưởng nhưng phải biết đặt giới hạn theo luật pháp chung và đạo đức nữa. Thứ ba, ở hải ngoại, nếu thấy người khác có sai lầm, thì nên chỉ trích tư tưởng hay hành vi của họ. Cần có lòng bao dung để tôn trọng họ như một con người và nhất định không dùng thủ đoạn thấp hèn để triệt tiêu nhau.

Mời nhau cạn một tách trà

Trong một công án Thiền, thiền sư Nhật Nan-In đòi vua Minh Trị tiếp một giáo sư đến hỏi về Thiền. Nan-In rót tách trà đầy rồi mà vẫn tiếp tục rót tràn ra ngoài. Vị giáo sư không kèm mình được nữa mới thốt lên: "Đầy quá rồi, xin đừng rót nữa". Nan-In mới trả lời: "Giống như cái tách này, ông đầy ắp những quan niệm, những tư tưởng. Làm sao tôi có thể bày tỏ thiền cho ông được, trừ khi ông cạn cái tách của ông trước?"

Tách trà của vị giáo sư đầy những định kiến, đầy những sự điều kiện hóa mà nền văn hóa chung đã tạo cho ông. Trong cuộc chiến vừa qua, người dân ba miền chúng ta cũng bị tuyên truyền, điều kiện hóa để thù ghét nhau.

Xin mời quý vị cùng chúng tôi cạn tách trà chia rẽ, hận thù, nghi kỵ giữa các thành phần dân tộc để chúng ta còn mở tâm đồng thuận về với dân tộc. Để chúng ta có thể trở thành nắm đất dính chặt vào nhau bởi đắp ruộng đồng quê hương. Nắm đất xốp và thơm do đội binh giun khiếm nhường âm thầm tái tạo từ mọi rác rưởi được thải ra từ cuộc chiến hai mươi năm qua.

Đỗ Quyên

Văn Nghệ & Dạ Vũ Mùa Xuân

Thứ bảy 6-5-1995

Salle des Fêtes de Massy-Espace Liberté
(Mairie de Massy)

1, avenue du Général de Gaulle- 91300 MASSY
RER B : Massy - Palaiseau

Quý vị đã từng nghe Ban hợp xướng NGÀN THÔNG với
"HỒN VỌNG PHU" của nhạc sĩ Lê Thương.
Năm nay mời quý vị gặp lại NGÀN THÔNG với những lời ca
thân quen qua bản trường ca nổi tiếng của Phạm Duy:
"MẸ VIỆT NAM"
trong một chương trình văn nghệ đặc sắc

19 giờ 30 : Gặp mặt và trò chuyện

20 giờ 30 : Văn nghệ

22 giờ 30 : Dạ vũ với ban nhạc sống The Time

Vào cửa : * Người lớn 120 Fr ; * Sinh viên 100 Fr

Liên lạc :

Mỹ Lan : 69 84 82 88; Cẩm Phượng : 60 29 05 37

Bích Đào : 48 90 47 91; Kiều Tiên : 69 20 23 16

Xuân Mỹ : 46 61 22 06; Bà Hiệp : 42 49 38 92

nhà văn Nhật Tiến

Thụy Khuê

Nhà văn Nhật Tiến cuối năm 1994 đã trở về Việt Nam, khi trở lại California Hoa Kỳ, anh mang theo tập truyện ngắn Quê Nhà, Quê Người, do nhà xuất bản Văn Học phát hành tháng 11 năm 1994. Tác phẩm gồm năm truyện ngắn của Nhật Tiến viết về đời sống người Việt hải ngoại và sáu truyện ngắn của Nhật Tuấn, về những trần trở của đời sống trong nước.

Những truyện ngắn của Nhật Tiến phơi bày những khó khăn của người Việt di tản: hoặc phân hóa vì chính kiến bất đồng, vì óc bảo thủ, khư khư giữ mãi một lập trường có từ 20 năm về trước; hoặc mới sang trong diện HO, kỳ vọng ở người thân ở hải ngoại nhưng lại trực diện với một thực tại phũ phàng: thái độ cá nhân chủ nghĩa trong đời sống phương Tây, và từ đó vỡ dần ảo tưởng. Hoặc ngỡ ngàng của người di tản, sau bao năm trở lại quê hương, không tìm thấy những gì mà mình đã để lại.

Truyện ngắn của Nhật Tuấn là những bức tranh mai mỉa, châm biếm của cuộc sống kinh tế thị trường, trong sự bán buôn nghệ thuật, trong tình trạng xuống dốc đạo đức và nhân phẩm. Toàn thể tuyển tập mang tính cách luận đề, đặt giá trị thông điệp lên trên giá trị nghệ thuật.

Từ trước đến nay, nhà văn Nhật Tiến vẫn đi tiên phong trong sự phá rào. Ngay từ những năm 80, trong không khí còn ngạt mùi cấm hặn và chia rẽ ở hải ngoại, Nhật Tiến đã tranh đấu cho một tinh thần hòa hợp dân tộc. Những tập truyện ngắn "Một thời đang qua", "Mồ hôi của đá", "Cánh cửa" viết trong thập niên 80-90 minh xác cho lập trường hòa hợp của Nhật Tiến và hôm nay anh cũng lại là người đầu tiên cùng với em là nhà văn Nhật Tuấn, hiện đang sống tại Sài Gòn, thực hiện một tác phẩm có tính giao hòa, thắt chặt những ân tình giữa người Việt trong và ngoài nước, một tình nghĩa anh em đã bị gián đoạn, chia lìa trong nhiều thập kỷ.

Chúng tôi ăn cần giới thiệu tác phẩm đến với độc giả và cầu chúc con đường giao hòa này được nối dài với những tác phẩm khác, với những sự cộng tác khác trong tương lai, giữa người viết trong và ngoài nước.

*

Dưới đây là bài phỏng vấn Nhật Tiến trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật ngày 13-1-1995 trên đài RFI, Paris.

Thụy Khuê: *Thưa anh Nhật Tiến, sự ra đời của tuyển tập "Quê Nhà, Quê Người" dưới một góc cạnh nào đó có thể xem như một thành công của tinh thần cộng tác văn học giữa trong và ngoài nước hay không?*

Nhật Tiến: Tôi nghĩ rằng có lẽ còn quá sớm để cho rằng tuyển tập truyện ngắn "Quê Nhà, Quê Người" là một biểu hiện của tinh thần cộng tác văn học giữa trong và ngoài nước, bởi vì trong thực tế, cái tinh thần ấy chưa hình thành hoặc ít ra là nó chưa được coi là một ý niệm phổ biến. Vì vậy, xin hãy chỉ coi tuyển tập này như là một hành động thử nghiệm, một tiếng nói gợi ý, mở đầu cho một sự hình thành công cuộc giao lưu giữa văn học trong nước và ngoài nước. Có lẽ sẽ còn phải có một thời gian dài nữa thì mới thực hiện được điều mà chị Thụy Khuê vừa nêu lên, đó là "tinh

thần cộng tác văn học giữa trong và ngoài nước". Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn tuyển tập dưới góc độ hạn hẹp là gợi ý, hay mở đầu, thì theo tôi thấy, tuyển tập đã đạt được một vài thành công đáng lưu ý.

Chẳng hạn tôi được biết nhiều anh chị cầm bút ở trong nước đã bày tỏ lòng hoan nghênh sự hợp tác giữa một nhà văn trong nước và một nhà văn ở ngoài nước. Còn về phía độc giả thì cũng cho thấy một điểm rất đáng khích lệ là cuốn sách đã được tiêu thụ hết trong vòng hơn hai tuần lễ. Những điều đó có thể gọi là một thành công đấy chứ?

Thụy Khuê: *Vâng, nếu có thể gọi là một thành công thì dưới sự thành công đó, còn ẩn dấu những khó khăn gì?*

Nhật Tiến: Mặc dầu cuốn sách được sự hỗ trợ tinh thần tối đa của nhiều phía, ngay cả phía chính quyền mà người có thẩm quyền cao cấp nhất là ông bộ trưởng văn hóa Trần Hoàn cũng biểu lộ sự đồng tình để cho nó có thể được xuất bản, nhưng trong cương vị người viết tác phẩm, tôi tự hiểu rằng có nhiều mặt mình phải biết tự hạn chế. Điều này cũng dễ hiểu bởi vì khi tình hình chưa cho phép thì không thể nào không quan tâm đến hoàn cảnh thực tế mà chính những nhà văn trong nước cũng còn đang phải trực diện và thích ứng. Tuy nhiên tôi không lấy làm hối tiếc vì sự tự hạn chế này. Bởi vì đây chỉ là một công trình thử nghiệm và mọi sự đều cần có yếu tố thời gian để đi đến chỗ toàn vẹn hơn.

Thụy Khuê: *Anh vừa nói về sự tự hạn chế, anh có thể cho biết thêm chi tiết về việc này không?*

Nhật Tiến: Dĩ nhiên, ở vào thời điểm này, muốn có tác phẩm ấn hành ở Việt Nam, không phải mình muốn viết gì thì viết. Đó cũng là một sự tự hạn chế. Còn đi sâu vào chi tiết thì tôi chỉ xin nêu một ví dụ nhỏ: Chẳng hạn trong cuộc đối thoại giữa hai nhân vật ở hải ngoại, một người đã sử dụng mấy chữ: "xứ này là xứ sở của tự do"; thì mấy chữ đó được đề nghị gạch bỏ. Tôi không chịu. Sau cùng, để cho công việc được tiến hành tốt đẹp, tôi đã nhượng bộ bằng giải pháp do chính Ban Biên Tập đề nghị, đó là để mấy chữ đó ở trong dấu ngoặc kép. Chuyện không đáng gì, nhưng cứ lắm cảm vậy đó. Tuy nhiên, tôi phải trung thực và khách quan mà nói rằng tuy có những chuyện như vậy, nhưng toàn bộ tác phẩm của tôi không hề bị đòi hỏi phải làm thay đổi ý nghĩa hay làm lạc hướng nội dung mà tôi muốn viết.

Thụy Khuê: *Anh đã nhiều lần về nước, đối với anh lần này Việt Nam cuối năm 1994 có những điều gì thay đổi đáng chú ý.*

Nhật Tiến: Nhìn bề mặt ngoài, thành phố Sài Gòn có vẻ mang một hình thái kinh tế sung túc và đời sống có phần thoải mái hơn. Nhưng trong giai đoạn đầu tiên của nền kinh tế thị trường, sự chênh lệch về đời sống xã hội có vẻ bộc lộ rõ rệt hơn xưa. Nếu đi về nông thôn hay các nơi xa xôi hẻo lánh, có lẽ mức chênh lệch còn sâu xa hơn nữa. Tuy nhiên đó mới chỉ là cảm giác cá nhân, khởi đầu trong một thời gian thăm viếng hạn hẹp. Muốn nắm vững tình hình đích thực thì cần phải có nhiều thời gian, đi đến nhiều nơi chốn để quan sát và tìm hiểu. Như vậy mới có đầy đủ

ta cảm thấy người nói cố chế ngự sự xúc động của mình. Cùng là điều dĩ nhiên vì người phát biểu không là ai khác hơn Cẩm Phượng, người vợ góa của Lê Văn Đăng. Và hội Liên Trợ Việt Pháp do chính Lê Văn Đăng lập ra để cho Cẩm Phượng có cơ sở thực hiện hoài bão riêng của Cẩm Phượng, cứu trợ xã hội. Cùng độ này năm ngoái, Lê Văn Đăng còn ở bên Cẩm Phượng để đón đốc, lo tính mọi điều nặng nhọc trong việc tổ chức...!

Ngày hôm sau, tôi đã gặp lại chị Cẩm Phượng tại trụ sở của Ủy Ban UNICEF tỉnh Seine-et-Marne (miền Nam Paris) mà chị là chủ tịch. Thấy tôi đến, chị Cẩm Phượng vội vàng chấm dứt cuộc điện đàm bằng tiếng Pháp để tiếp tôi.

TTH. *Phỏng vấn chị lúc này có làm phiền chị không?*

Cẩm Phượng Không sao. (Chị hướng về một cộng sự viên người Pháp, nhờ trả lời điện thoại dùm, để chị có thể đối thoại với tôi mà không bị ngăn trở).

TTH. *Hôm qua, sợ chị lại khóc khi chị nhắc tới anh Đăng, anh chị em đứng ở dưới ở dưới hời hợt quá. Rất may...*

Cẩm Phượng Tôi phải ráng tập mãi mới không khóc đó. Ở nhà, phải đứng trước gương, điều chỉnh hơi thở nhiều lần để ngăn nước mắt. Kết quả là tôi đã giữ được bình tĩnh lúc đứng trước mọi người (nhưng lúc nói với tôi câu này, mắt chị lại ướt lệ, chị quay mặt, chùi vội nước mắt).

TTH. *Ngoài chức vụ hội trưởng hội Liên Trợ Pháp-Việt, chị còn giữ chức vụ chủ tịch Ủy ban UNICEF tỉnh Seine-et-Marne. Xin chị cho biết vài điều sơ qua về hai tổ chức này.*

Cẩm Phượng Anh Đăng và tôi thành lập hội Liên Trợ Pháp-Việt (LTPV) từ năm 1990 nhằm giúp đỡ bất cứ ai trong cộng đồng người Việt tại Pontault Combault và Seine-et-Marne có những khó khăn về gia đình, nhất là trong việc học hành của con cái. Hội LTPV, nhờ những liên hệ hoạt động với các cơ quan chính quyền, các tổ chức cứu trợ xã hội địa phương, các cơ sở giáo dục, mẫu giáo, tiểu học, trung học nên có điều kiện để giúp giải quyết những khó khăn của đồng bào tới định cư ở hai nơi này. Ngoài ra, hội LTPV còn giúp tài chính cho một trung tâm nuôi trẻ em bị viêm tủy xám (polio) và bị liệt (paralytique) ở Sài Gòn và một trường Tiểu Học ở Huế, trường Thanh Lam. Điều mong ước của tôi là các em bé nghèo khó ngày hôm nay đang theo học trường này ngày mai sẽ trở thành những công dân hữu ích cho dân tộc Việt Nam.

TTH. *Ủy ban UNICEF tỉnh Seine-et-Marne mà hiện nay chị đang điều khiển có giúp đỡ gì cho người Việt; trong nước cũng như ngoài nước không?*

Cẩm Phượng Ủy ban UNICEF của tôi không trực tiếp giúp nhưng tổ chức UNICEF thì có giúp và giúp rất nhiều là đằng khác. UNICEF với một văn phòng đặt tại Hà Nội và một chi nhánh tại Sài Gòn, là cơ quan quốc tế đầu tiên hoạt động ở Việt Nam. UNICEF đã dành một ngân sách 90 triệu đô la (540 triệu quan Pháp) để tài trợ cho 8 chương trình giúp Việt Nam từ 1991 đến 1995. Cuộc sống tại nước nhà của hơn 70 triệu đồng bào đã đặt ra nhiều vấn đề gay gắt, nhất là về mặt ngừa bệnh, dinh dưỡng, giáo dục. Sinh xuất một năm là 1.500.000. Trong số này, một năm có tới 92.000 trẻ em dưới 5 tuổi bị chết non.

Ủy ban Seine-et-Marne của tôi không trực tiếp giúp cho Việt Nam, điều này không đáng quan tâm. Tôi nghĩ rằng chúng ta phải

tỏ cho người ngoại quốc biết rằng người Việt Nam không phải chỉ lo cứu trợ riêng đồng bào mình thôi. Ủy ban của tôi lo cho tất cả mọi người không có sự phân biệt bất cứ về mặt nào.

TTH. *Ủy ban của chị tổ chức như thế nào?*

Cẩm Phượng Trụ sở của ủy ban tuy đặt tại Pontault-Combault nhưng phạm vi hoạt động của nó bao trùm cả vùng Seine-et-Marne. Cùng chung lo việc phối hợp hoạt động của UNICEF toàn vùng, tôi có một văn phòng với một người thư ký hành chánh, một thủ quỹ, mấy người phụ tá về giao tế, thông tin, liên lạc với các học đường v.v... Tại các đơn vị hành chính trực thuộc Seine-et-Marne như Chelles, Brie Comte-Robert, Combs La Ville, Coulommiers, Fontainebleau, Lesigny, Meaux, Melun, Noisiel, Lognes, Roissy en Brie, Ozoir La Ferriere, Provins v.v... đều có ủy ban địa phương...

TTH. *Những người hoạt động cho Ủy ban của chị có được trả tiền thù lao không?*

Cẩm Phượng Dĩ nhiên là không. Họ đều hoạt động tự nguyện.

TTH. *Họ toàn là người Pháp hay có cả người Việt?*

Cẩm Phượng Phần lớn là người Pháp. Riêng ở Lognes có một người Việt, đó là chị Lương Thị Thanh Tùng, nha sĩ.

TTH. *Chị nói thạo tiếng Pháp, giao thiệp không mặc cảm với người Pháp chẳng những trong chính quyền mà cả còn ở trong dân chúng, chị có bao giờ nghĩ đến việc hoạt động chính trị để bênh vực cho những người Pháp gốc Việt không?*

Cẩm Phượng Tôi đã suy nghĩ rất kỹ về điểm này. Tôi không có khiếu về chính trị mà cũng không ham làm chính trị. Trong khi hoạt động xã hội, tôi luôn luôn được các chính đảng của Pháp khuyến khích ra tranh cử vào hội đồng xã, hội đồng thành phố v.v... Nhưng tôi đều từ chối.

TTH. *Thế còn những công việc chính trị của anh Đăng. Rất nhiều chương trình chưa thực hiện xong. Chị có tính...*

Cẩm Phượng Cùng không. Tôi biết anh Đăng có nhiều điều muốn làm cho các bạn bè, chí hữu của anh, cho cộng đồng ở ngoài nước, cho đồng bào ở trong nước... Khi anh còn sống phần lớn thời giờ của anh đã được dành cho mộng ước của anh. Tôi bị thiệt thòi nhưng vẫn khuyến khích anh theo đuổi chí hướng. Rất tiếc là việc của anh chưa đâu vào đâu, mà tôi thì không quen làm chính trị lắm (giọng nói của chị bắt đầu có vẻ ghen ngào và mắt chị lại ngấn lệ...)

TTH. (tôi vội vàng chuyển hướng câu chuyện) *Việc học của các cháu Thùy Ly, Sĩ Phan và Thùy Vân tốt chứ chị?*

Cẩm Phượng Tốt cả. Thùy Ly đã ra trường. Sĩ Phan tiếp tục học tại Amiens. Còn Thùy Vân đã nhập học Đại học dưới Lyon. Thùy Vân rất can đảm. Bỏ chết đúng kỳ thi tú tài năm nay phải bỏ thi kỳ một, nhưng đã có đủ tinh thần để đậu kỳ vớt cuối hè và sau đó đã vào được đại học.

Tôi từ giã chị Cẩm Phượng, mang theo hình ảnh một người phụ nữ Việt Nam rất cổ mà cũng rất mới, với một sức mạnh thâm lặng mang trong một hình hài mảnh mai và một cung cách riêng để vẫn đi trong dấu chân của người chồng đã khuất bóng.

Trần Thanh Hiệp thực hiện

Thư độc giả

Đôi điều lo nghĩ

Nguyễn Hữu Chung

Kính gửi Thông Luận và thân hữu,

Tôi có một điều suy nghĩ, xin nêu ra để quý thân hữu cùng suy ngẫm, và nếu có thể giúp tôi thêm hiểu biết. Từ một năm nay, tôi không có viết báo, vì không có ý kiến gì mới trong vấn đề Việt Nam. Tôi dành chỗ cho các bạn khác có nhiều ý kiến mới. Tôi đòi địa bàn sinh hoạt lên mạng lưới điện tử Internet để trao đổi với những người không đọc báo tiếng Việt, như người Mỹ, người Canada, người Úc và nhất là các chuyên viên trẻ gốc Việt ở các xứ này (những nơi có tiếng Anh). Người ngoại quốc hay người trẻ Việt Nam có ít kinh nghiệm và hiểu biết về CSVN và họ lại đang là đối tượng vận động của chính quyền CSVN, kêu gọi giúp nước mà không đặt vấn đề chính trị.

Gần đây có một câu chuyện như sau. Một giáo sư kinh tế người Úc, ông Wolfgang Kasper, sau một chuyến quan sát Việt Nam về, có viết một bài báo với tựa đề là "The stillborn tiger cup" (tạm dịch là "Con cộp chết yểu") phê bình chế độ CSVN, lập luận cũng giống như các bài viết trên Thông Luận, và đưa ra kết luận rằng Việt Nam không thể phát triển trong tình trạng hiện tại và đưa ra kết luận rằng con cộp Việt Nam mà người ta nói đến sẽ chết non. Tôi xin dịch mấy đoạn ngắn mở đầu của bài này: "Từ ngày Hoa Kỳ bỏ cấm vận và thủ tướng Paul Keating viếng thăm Hà Nội, chúng ta được nghe nhiều về tương lai kinh tế xang lạn của Việt Nam. Người ta tiên đoán đó là một con cộp tương lai. Nhưng theo tôi, có biết về kinh tế nhiều nơi, Việt Nam không giống như Đài Loan hay Mã Lai ba mươi năm về trước, hay Nam Dương vào cuối thập niên 70. Cái cảm giác đầu tiên của tôi về Việt Nam thật bất ngờ làm sao mà một dân tộc chịu khó làm việc như vậy lại thuộc hạng nghèo nhất thế giới? Tuy có gia tăng kinh tế 5% mỗi năm trong mấy năm nay, đời sống thấp hơn hồi trước chiến tranh, cở trình độ Phi Châu, thấp hơn Ấn Độ. [...] Hai chục năm sau chiến tranh, không thể chỉ đổ lỗi cho sự nghèo đói cho việc thiếu đầu tư ngoại quốc. Theo nhiều người - như tôi - đã làm việc ở Á Châu trong thời kỳ cất cánh của các nước này, nguyên do của sự nghèo đói biểu hiện và tương lai đáng lo của Việt Nam là sự thiếu một hệ thống giá trị đạo đức và những định chế (chính trị, luật pháp, kinh tế, xã hội...) cần thiết cho một nền kinh tế thị trường. Không cần phải đi nhiều để thấy tham nhũng tàn khốc và sự bóc lột dân chúng một cách vô nhân của người nắm quyền - đảng cộng sản, công an, quân đội.....".

Khi bài báo này được ai đó đăng lên mạng lưới Internet thì báo táp nổi lên ào ào, người bênh, kẻ chống ra tay xuất chúng. Những người chống là những bạn trẻ Việt Nam, chống ông này vì tự ái... dân tộc. Nhưng từ đó nảy sinh ra một đề tài thảo luận khá hay là vấn đề đạo lý và kinh tế thị trường có liên hệ gì hay không, đạo lý ở Việt Nam có suy sụp hay không, nếu có thì nguyên do từ đâu.

Một anh bạn Việt Nam có nêu câu hỏi nguyên do vì đâu mà

có sự suy sụp của các định chế và các giá trị đạo lý. Tôi có góp ý để trả lời như sau (dịch nguyên văn): "Tôi nghĩ không có sự sụp đổ các định chế ở Việt Nam. Các định chế của một chế độ dân chủ chưa có, và xã hội Việt Nam là một xã hội cộng sản xây dựng từ một cựu thuộc địa. Bạn phải xây dựng những định chế mới phù hợp với nền kinh tế thị trường. Nhưng nền tảng của tất cả những định chế kinh tế xã hội là chế độ chính trị. Tất cả các định chế của nền kinh tế thị trường đặt nền tảng trên chế độ chính trị dân chủ. Có những mâu thuẫn giữa các định chế này và chế độ chính trị cộng sản. Dân tộc chúng ta đang ở thế kẹt. Điều mà chính quyền cộng sản đang làm ở Việt Nam là kết hợp nước và lửa. Còn về vấn đề đạo lý... Chiến tranh và chủ thuyết Stalinist đã phá hủy nó. Khi bạn có thể và có thói quen biện minh cho những chuyện ám sát và tàn sát, bạn có thể biện minh cho tất cả những tội ác khác. Với 50 năm tuyên truyền và nói láo, khi chính quyền hành diện lừa dối thì không còn niềm tin, không còn đạo lý. Làm sao bạn có thể xây dựng một hệ thống giá trị đạo đức khi chính sách của nhà nước là lừa bịp, khi mà sự lừa đảo trở thành chuyện hằng ngày của mỗi người để sống sót".

Ngày hôm sau, xuất hiện trên mạng lưới Internet một bài trả lời của một anh bạn nào đó, không có ký tên và địa chỉ hộp thư điện tử cũng lạ hoắc, tôi không thể đoán anh ta đang ở đâu. Anh viết bằng tiếng Anh rất đúng. Anh viết như sau (dịch nguyên văn): "Ông vợ đùa cả bố. Với ngôn ngữ ồn ào và trống rỗng. Cuộc cải cách ở Việt Nam ngày hôm nay được đặt căn bản trên nói láo và giết chóc? Tất cả những cố gắng của những người mang dòng máu Việt Nam và trí tuệ Việt Nam, những cố gắng của chính phủ, của những cá nhân trên toàn thế giới để giúp Việt Nam được đặt căn bản trên nói láo và giết chóc? Và còn gì nữa? Tôi có một người bạn có chế tạo ra một quả bom thần diệu có thể tiêu diệt tất cả những kẻ xấu và vinh danh những người tốt. Anh ta không dám cho nổ thử quả bom vì chính anh ta không biết rõ trong bản thân anh những gì tốt để giữ, những gì xấu để loại bỏ. Singapore, theo cái nhìn của người Tây phương, không dân chủ. Nó có một nền kinh tế thị trường rất mạnh. Không với những danh từ ồn ào lấy từ Adam Smith, Keynes hay Khổng Phu Tử. Với trí tuệ và bàn tay của từng cá nhân. Và không phó trương lúc khởi đầu. Những tân quốc gia dân chủ ở Đông Âu đang gặp nhiều khó khăn với nền kinh tế thị trường. Và hàng chục quốc gia dân chủ khác đang chìm nổi với kinh tế thị trường. Có sự liên hệ giữa kinh tế thị trường và dân chủ, nhưng sự tác động hỗ tương rất ít. Trong chuyện buôn bán (business), điều quan trọng là kỷ cương chứ không phải đạo lý (moral). Kỷ cương trong buôn bán chỉ dùng trong việc buôn bán? Không ai học được cách buôn bán giỏi với kỷ cương tốt nhất. Cách thiết lập một hệ thống kỷ cương thuần túy là cứ làm thử, nếu hệ thống luật pháp chưa đủ và tinh thần tôn trọng luật pháp không có".

Sau khi đọc anh bạn, tôi đoán anh là một con nhện trên mạng lưới kiểu vận của "chính phủ ta". Cách lý luận sao mường tượng giống cách của mấy ông quản giáo ở các trại học tập mà tôi thường nghe bạn bè kể lại. Tôi rất khoái khi phát hiện được một con nhện để các bạn trẻ Việt Nam khác cùng thấy vì từ lâu anh bạn này chỉ nêu các vấn đề giáo dục trong việc giúp nước để các bạn thảo luận. Nhưng suy nghĩ lại, tôi thấy chẳng lẽ có một con nhện tệ quá vậy, chưa học qua lớp tình báo sơ cấp. Nhìn con nhện, bạn sẽ thấy nó không hề nhúc nhích, nằm im chờ tới lúc con

(Xem tiếp trang 11)

Một anh bạn trẻ trong ban biên tập Thông Luận cách đây mấy hôm có hỏi tôi về khác biệt giữa "Việt kiều" và "người Việt Nam ở nước ngoài", nhân đọc bài của anh Kiêng viết cho số báo sắp ra. Tôi cố giải thích là hai cụm từ đó có khác nhau chút đỉnh. Đại khái tôi nói rằng cụm từ đầu gốc chữ Hán nhưng đã được Việt hóa từ lâu. Chẳng hạn người Pháp sinh sống, làm việc ở Việt Nam được đồng bào trong nước gọi là Pháp kiều, người Trung Hoa được gọi là Hoa kiều... Nếu chính quyền Pháp dùng tiếng Việt để chỉ những người Việt Nam, có quốc tịch Việt Nam và sinh sống trên đất Pháp thì họ sẽ gọi đó là những Việt kiều. Nhưng từ lâu ở bên nhà, Việt kiều đồng nghĩa với người Việt Nam ở nước ngoài. Nhìn anh bạn có vẻ ngờ ngác tôi đoán ý nên vội thêm là chữ Việt kiều bây giờ còn bao gồm cả những người Mỹ gốc Việt, người Pháp, Úc... gốc Việt, mặc dầu những người này đã chọn quốc tịch ngoại quốc.

Việt kiều còn giữ quốc tịch Việt Nam không có là bao nhiêu. Cũng vì lẽ đó cụm từ "người Việt Nam ở nước ngoài" có thể cũng bao gồm tất cả, không kể quốc tịch ngoại quốc hay không, vì nếu không, tôi sợ Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài sẽ chỉ ngồi chơi sơi nước mà thôi. Cho đến nay chính quyền không có luật lệ gì về vấn đề quốc tịch của những người công dân của "nước ngoài" gốc Việt Nam cả. Tình trạng này có lợi cho họ hơn chẳng hạn Việt kiều khi về Việt Nam "có quyền" được trả giá đất dành cho người ngoại quốc nhưng nếu có vấn đề gì với công an, tòa án thì họ lại trở thành người Việt. Về việc đầu tư, làm ăn ngay thẳng tại Việt Nam thì theo chỗ tôi biết, người ngoại quốc da trắng, mắt xanh ít bị các quan chức hành hơn Việt kiều. Vấn đề đã được đặt ra từ cả chục năm rồi nhưng cho đến nay, gần sáu tháng sau khi "đổi (tên) mới", về mặt pháp luật, vẫn chưa thấy gì thay đổi cả. Có lẽ lại chỉ là một sách lược mới để "dụ" Việt kiều thôi, người chủ tịch Ủy ban vẫn là anh Nguyễn Ngọc Trản, một Việt kiều ở Pháp trước đây, về nước năm 1976 và là chuyên viên về "kiều vận" của Đảng. Lâu lâu anh lại tổ chức tham quan, "cưỡi ngựa xem hoa" cho Việt kiều.

Tôi tưởng đã trả lời xong thì bị anh bạn hỏi vặn: "Thế những thanh, thiếu niên sinh tại nước ngoài, tuy cha mẹ gốc là Việt Nam nhưng đã có quốc tịch Pháp, Mỹ... từ lúc mới sinh thì cũng được hay bị chính quyền coi là người Việt Nam hay sao? Mình không có quyền tự do chọn lựa à?" Không biết trả lời thế nào, tôi đành trống lảng, trả lời ồm ồm rằng cái đó còn tùy. Đối với đồng bào trong nước, người gốc Việt khi về Việt Nam thì chắc vẫn được gọi là Việt kiều, chữ đó cũng không có nghĩa gì xấu. Còn đối với Nhà nước hay chính quyền Việt Nam thì chắc còn tùy lúc, tùy theo là công dân xứ nào, có nhiều tiền hay không... vì các người cầm quyền quen thói tùy tiện, không cần pháp luật. Thấy tôi bắt đầu nói cho qua chuyện nên anh bạn trẻ mới tha cho, không hỏi tiếp nữa.

Một người quen, Việt kiều, làm ăn tại Việt Nam từ nhiều năm, gần đây có trách chúng tôi đại ý rằng "Các anh chị chủ trương hoà giải, hoà hợp, cổ động việc đầu tư, làm các việc y tế, xã hội, giáo dục... tại Việt Nam, tại sao các anh chị lại đả phá chính phủ mạnh quá thì làm sao làm việc được? Như vậy các anh mâu thuẫn với tinh thần hòa giải, hòa hợp. Các anh phải thực tế, phải hiểu là người cộng sản Việt Nam không thể đổi nhanh được".

Thấy anh thật tình và có lẽ hiểu lầm vì không biết rõ gì về lập trường hòa giải, hòa hợp của Thông Luận, tôi mới hỏi là anh về và sống ở trong nước nhiều lần anh có thấy những văn nghệ sĩ, trí thức, linh mục, hòa thượng, tu sĩ... làm gì phá rối an ninh, trật tự không? Anh quả quyết là không, không nghe và không biết đến tên những người bị bắt vì lương tâm hay chính kiến nữa. Tôi kể về các bản án tàn nhân và các đối xử dã man của chính quyền đối với những người đó và hỏi tiếp anh nghĩ có nên giúp đỡ những con người quả cảm đó không? Thì anh trả lời là nên chứ. Nhưng làm cách nào thì anh không biết và đến bao giờ đảng cộng sản Việt Nam chịu đổi mới chính trị thì anh cũng không đoán được. Nói chuyện một lúc, tôi nhân dịp nói rõ chúng tôi không chủ trương bạo động nhưng không phải là đối lập cây kiềng, anh mới chấp nhận là có thể nên có đối lập cho nước tiến mau hơn và đối lập có quyền nói đến các vấn đề cấm kỵ như nhân quyền, đa nguyên... giống như ở đại đa số các nước hiện nay trên thế giới.

Anh còn nói là anh tin rằng Việt Nam sẽ không phải giữ mãi đặc thù là độc tài, lạc hậu, chậm tiến. Nhưng anh nhất định không "làm chính trị". Tôi trả lời là hoàn toàn tôn trọng quyết định của anh, vì mỗi người có quyền tự do làm những việc gì mình nghĩ là đúng nhưng chỉ xin anh đừng vô tình "làm chính trị" hộ người khác thôi. Chúng tôi chia tay, anh không nói gì nhưng có vẻ đồng ý và tôi có vẻ mừng.

Nhân cuộc bầu cử tổng thống sắp tới của Pháp, chúng tôi tán gẫu về những ứng cử viên và bàn xem ai khôn, ai dại hơn ai. Câu chuyện dần dà chuyển sang tới các chính trị gia Việt Nam. Cũng không có gì đặc biệt vì không có nhân vật nào mới cả. Chỉ có nhận định sau đây của một anh bạn là tương đối mới. Anh ta quả quyết rằng các chính trị gia của mình khôn lắm, thường thường họ có nhiều "mũ đội". Rồi anh lấy thí dụ kể chuyện một ông vốn là giáo sư nhưng làm chính trị, hành chính từ lâu nên không còn biết gì về chuyên môn của mình nữa. Khi bị chất vấn về chính trị thì ông nói là ông làm chuyên môn, còn ở các hội nghị về chuyên môn thì ông lại lo về khía cạnh chính trị nên lúc nào ông cũng "khôe" cả. Đó không phải là khôn sao?

Chữ khôn dùng ở đây làm tôi liên tưởng tới bài hát "Trần trụi" nổi tiếng của Trần Tiến trong đó nhạc sĩ trách người mình "khôn quá...". Tôi thầm nghĩ nếu người mình bớt "khôn" thì có lẽ đất nước sẽ khá hơn chăng?

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Tranh chấp thượng đỉnh ở Bắc Kinh?

Đặng Tiểu Bình chưa chết nhưng vây cánh và người thân thuộc của ông đã bắt đầu được "chiếu cố" (bị bắt hay bị hãm dọa). Phải chăng đó là những dấu hiệu của tranh chấp thượng đỉnh đang diễn ra ở Bắc Kinh?

Ngày 18-2-1995, Tân Hoa Xã đã xác nhận việc ông Châu Bắc Phương (Zhou Bei Fang), giám đốc hai xí nghiệp ở Hồng Kông của nhóm Thủ Gang, vừa bị bắt trong chiến dịch chống tham nhũng do Giang Trạch Dân đề xướng.

Nhóm Thủ Gang, một trong bốn nhóm xí nghiệp lớn nhất của Trung Quốc về gang thép và dịch vụ, từng được Đặng Tiểu Bình cho là " gương mẫu" trong việc biến đổi một xí nghiệp quốc doanh lỗi là thành một xí nghiệp trừ phú. Nhóm này có tầm vóc rất lớn với 263.000 công nhân và do ông Châu Quan Ngụ (Zhou Guan Wu) chủ trì. Ông Ngụ năm nay đã 77 tuổi, là cha của Châu Bắc Phương và là người liên hệ rất thân thiết gia đình ông Đặng trong suốt nửa thế kỷ vừa qua. Con trai út Đặng Tiểu Bình là Đặng Chất Phương (Deng Zhi Fang) hiện là giám đốc của một chi nhánh của hãng Thủ Gang ở Hồng Kông.

Đặng Chất Phương, năm nay 43 tuổi, trước đây có theo học ngành vật lý ở Đại học Rochester ở Mỹ, có lúc là phó giám đốc một chi nhánh của hãng China International Trust Investment (CITIC) mà tổng giám đốc là nhà "tỷ phú đỏ" Vinh Nghị Nhân, nay là phó chủ tịch nhà nước. Ngoài chức vụ ở xí nghiệp Thủ Gang, Đặng Chất Phương còn là giám đốc của nhiều hãng xưởng tư nhân ở Hồng Kông, Thượng Hải chuyên về xây cất nhà cửa, trung tâm thương mại, buôn bán vũ khí.

Nhóm Thủ Gang rất thân thiết với các nhà tài phiệt Hồng Kông, nhất là với nhà tài phiệt giàu có Lý Gia Thành mà tài sản ước chừng 4 tỷ USD. Ông Thành là người rất thân với nhóm ông Đặng và phó thủ tướng Chu Dung Cơ. Nhóm Thủ Gang và nhà tài phiệt Lý Gia Thành đã làm nhiều việc phiêu lưu mạo hiểm như mua một hầm mỏ sắt ở Perou với 120 triệu USD và cho móc nối mua những hãng "ma" ở Hồng Kông. Người ta ước lượng mỗi năm Trung Quốc phải mất hơn 4 tỷ USD vì các vụ làm ăn bất chánh này mà thủ tướng Lý Bằng vừa lên án gắt gao.

Tương cùng nên nhắc lại là từ khi Trung Quốc "mở cửa khai phóng", con cái của các nhà lãnh đạo đảng đã trực tiếp điều khiển các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài nên đã máu chóng trở thành giàu có. Nếu không là giám đốc xí nghiệp thì cũng là tỉnh ủy, thống đốc tỉnh hay ít nhất cũng giữ một chức vụ trọng yếu trong cơ quan nhà nước. Người Trung Quốc đã mỉa mai gọi họ là "thái tử đảng". Chỉ cần lấy thí dụ con cái của gia đình ông Đặng cũng đủ thấy rõ thực trạng.

Bà Đặng Lâm, 54 tuổi, con trưởng của họ Đặng là một nhà hội họa. Một trong những tác phẩm của bà đã được các nhà tài phiệt Hồng Kông mua với giá 600.000 đô la Hồng Kông. Thật khó mà biết được đó là do giá trị đích thực của bức họa của bà hay là vì bà là con Đặng Tiểu Bình! Chồng bà Đặng Lâm là phó tổng giám đốc Công ty Kim Khí của Trung Quốc.

Người con trai lớn là Đặng Phác Phương bị Hồng Vệ Binh, trong thời kỳ cách mạng văn hóa, ném qua cửa sổ nên bị què cả hai chân. Sau ngày Đặng Tiểu Bình trở lại chính quyền, Đặng Phác Phương đứng ra thành lập cơ sở hỗ trợ các người tàn phế. Thay vì làm việc từ thiện, cơ sở này lại lo làm thương mại nhưng thua lỗ nặng vì Đặng Phác Phương đã sử dụng tiền của cơ sở làm

tiền của riêng mình. Năm 1988 cơ sở của Đặng Phác Phương bắt buộc phải đóng cửa. Do áp lực của Đặng Tiểu Bình, nhà nước Trung Quốc phải mua lại cơ sở Đặng Phác Phương.

Người con gái thứ hai là bà Đặng Nam, 48 tuổi, hiện là thứ trưởng Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Chồng bà Đặng Nam là Trương Hồng, chánh văn phòng Viện Hàn Lâm Khoa Học.

Người con gái kế là bà Đặng Dung, 45 tuổi, phó hiệu trưởng Văn phòng Nghiên cứu Chính trị của Quốc Hội. Bà Đặng Dung rất nổi tiếng trên thế giới vì vừa là người "tâm sự" của Đặng Tiểu Bình vừa là tác giả của cuốn sách "Thân phụ của tôi", một "best seller", vì nghe đâu đã xuất bản tới 20 triệu cuốn! Sách "Thân phụ của tôi" đã đề cao vai trò trọng yếu của Đặng Tiểu Bình qua lịch sử của đảng cộng sản Trung Quốc. Chồng bà Đặng Dung là Hạ Bình, giám đốc Cục Quân Nhu ở Bộ Tổng Tham mưu.

Qua các sự việc linh tinh ấy, người ta đồn rằng Giang Trạch Dân và Lý Bằng đang tranh giành quyền lực với nhóm Chu Dung Cơ, người được ông Đặng nhiều lần đề cao tài kinh bang tế thế. Ông Chu là nhân vật thứ tư ở Ban Thường vụ Bộ Chính Trị và là một trong những người được coi là có khả năng thừa kế ông Đặng. Tin đồn còn cho biết Kiều Thạch, nhân vật số 3, có vây cánh ở công an, tình báo và quân đội đã liên minh với nhóm Chu Dung Cơ và được các thế lực tài phiệt trong cũng như ngoài nước ủng hộ để tranh quyền với nhóm Giang Trạch Dân.

Đài Loan hoàn tất diễn tiến dân chủ

Trong khi Việt Nam và Trung Quốc vật lộn với những mâu thuẫn giữa thị trường tư bản và chế độ cộng sản, Đài Loan hoàn tất diễn tiến dân chủ khởi đầu năm 1987 bằng cách lấy quyết định áp dụng phương pháp phổ thông đầu phiếu cho cuộc bầu cử tổng thống tháng ba 1996. Trong mấy năm qua, Đài Loan đã chứng minh dân chủ không là một trở ngại trong việc phát triển kinh tế mà còn là một ưu thế để chinh phục cảm tình quốc tế và thoát khỏi vị trí mà Bắc Kinh muốn dành cho họ.

Quan hệ Pháp - Việt lạnh nhạt

Quan hệ giữa Việt Nam và Pháp càng ngày càng căng thẳng sau khi bộ trưởng Bộ Văn Hóa Pháp Jacques Toubon đã gắn huân chương cho nhà văn Dương Thu Hương cuối năm 1994. Chính quyền Việt Nam đã lên án "sự can thiệp không thể chấp nhận vào nội bộ" Việt Nam, nhưng để chứng tỏ thêm sự bất bình của họ, Hà Nội đã hủy bỏ cả chục cuộc thăm viếng chính thức. Bộ trưởng Bộ Tư Pháp Pierre Méhaignerie đã phải đình hoãn cuộc công du tại Đông Nam Á vì Bộ Ngoại Giao Việt Nam đã thông cáo họ "không chuẩn bị" đón tiếp phái đoàn Pháp. Trong lúc đó, ông Đỗ Phong, giám đốc hàng Thông Tấn Việt Nam, và thành viên ủy ban trung ương đảng cộng sản đã chất vấn nặng nề đối tượng của mình là ông Philippe Agret, trưởng ban Thông Tấn Xã Pháp AFP tại Việt Nam: trong một bài được đăng trên tờ báo pháp ngữ *Le Courier du Vietnam*, ông đặt câu hỏi "Philippe Agret có phải trong đảng của Jacques Toubon không?". Pháp phản ứng bằng cách đình chỉ một chục chương trình hợp tác. Thêm nữa, chính quyền Pháp dự định nếu bang giao Việt-Pháp không trở lại bình thường, họ sẽ không tài trợ việc tổ chức Đại hội Thượng đỉnh tiếng Pháp năm 1997 do Việt Nam đảm nhiệm. Năm 1994, thỏa

THỜI SỰ... TÔI TỨC... THỜI SỰ...

hiệp về viện trợ Pháp cho Việt Nam đã đi đến con số 425 triệu Francs, cộng thêm 100 triệu Francs dưới hình thức cộng tác khoa học. Có nhà quan sát chính trị gắn liền thái độ cứng rắn của chính quyền Hà Nội với vụ giam bắt Thích Huyền Quang, Phạm Thái, v.v... Vài tháng trước ngày kỷ niệm lập quốc, đảng cộng sản Việt Nam muốn chứng tỏ thái độ không nhân nhượng đối với những tiếng nói đối lập và sẽ không chấp nhận mọi sự ủng hộ đối lập từ một quốc gia nào.

Sửa soạn cho ra đời Bộ luật Dân sự

Tin các báo ở trong nước cho biết là đầu tháng 2-1995 Ủy ban Thường vụ Quốc hội cộng sản vừa cho công bố dự thảo Bộ luật Dân sự để lấy ý kiến của dân chúng, các cơ quan, các ngành.

Bản dự thảo này gồm có một Lời nói đầu, 6 Phần, 32 chương, 701 điều quy định những vấn đề chung về nguyên tắc cơ bản, chủ thể, thời hiệu, về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, về thừa kế, về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ, về những quan hệ dân sự có nhân tố nước ngoài.

Kèm theo bản dự thảo còn có một bản đề cương để "gợi ý những vấn đề cần tập trung lấy ý kiến" về bản dự thảo Bộ luật Dân sự.

Theo bản đề cương này thì bản dự thảo đã được xây dựng trên cơ sở "quán triệt" hai nguyên tắc chỉ đạo là:

1. "Thể chế hóa Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, cụ thể hóa Hiến pháp năm 1992 nhằm tạo cơ sở pháp lý phục vụ công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế-xã hội theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

2. Bám sát thực tiễn Việt Nam, kế thừa và tiếp thu truyền thống tốt đẹp của dân tộc..., tham khảo kinh nghiệm xây dựng pháp luật dân sự của các nước...".

Nhìn chung, bản dự thảo Bộ luật Dân sự phản ánh một cố gắng của nhà cầm quyền cộng sản muốn chấm dứt tình trạng vô luật đã kéo dài hàng nửa thế kỷ nay và bắt đầu pháp điển hóa những giao lưu dân sự, tạo điều kiện để quản lý bằng luật pháp cuộc sống hiện nay trong xã hội.

Những người lạc quan có thể nói rằng đó là một bước tiến trên con đường "pháp quyền".

Nhưng nhìn sâu hơn vào nội dung của 701 điều của bản dự thảo và dưới ánh sáng của luật học hiện đại, người ta không thể không lo ngại cho tương lai xã hội Việt Nam.

Bản dự thảo, tuy ngôn ngữ không còn sắc mùi ý hệ cộng sản Mác-Lê nhưng tựu trung vẫn còn ở trong quỹ đạo mác-xít. Phần lớn của hơn bảy trăm điều khoản của bản dự thảo chỉ nhằm đưa ra những hình thái sinh sống của một xã hội xây dựng trên những tương quan kinh tế, một loại xã hội không mang tên "cộng sản" nhưng có mầm mống thực chất "cộng sản". Bộ luật Dân sự nếu được ban hành xa gần giống như bản dự thảo thì nó sẽ chỉ còn là một bản liệt kê những biện pháp kỹ thuật để điều hành một đời sống xã hội nặng phần tập thể, dưới sự khống chế trong bóng tối của đảng cộng sản. Với một Bộ luật Dân sự như vậy, các tương quan giữa con người với con người, nhất là trong khuôn khổ gia đình, sẽ phải biến đổi theo bước phiêu lưu ngày một xa xã hội Việt Nam cổ truyền.

Thật vậy, những điều mới lạ, nếu tìm thấy được nơi bản dự

thảo, không phải là những biện pháp giải phóng con người khỏi sự kìm kẹp của bộ máy cầm quyền mà là những ngõ gạch đưa con người vào trong hệ thống "đanh phận" mà đảng quy định, trong mối tương quan Đảng "làm chủ" dưới chiêu bài "nhân dân làm chủ"! Bản dự thảo đã giới hạn rõ rệt quyền sở hữu, đã đặt ra nhiều "chủ thể" mới, có pháp nhân, và do đó trong thực tế có nhiều quyền lực hơn cá nhân để cạnh tranh với cá nhân và đàn áp cá nhân. Về điểm này các cơ quan nhà nước sẽ là những người cạnh tranh đáng sợ cho cá nhân, hơn nữa Nhà nước lại có quyền ban phát "pháp nhân". Những ai không thần phục Đảng, Nhà nước thì không hy vọng gì có "pháp nhân". Mặt khác, sự can thiệp - che đậy rất khéo - của Nhà nước vào các quyền dân sự, việc công nhận cho các "tổ chức chính trị, xã hội" có pháp nhân là những toan tính gây thế lực cho đảng vì trong thực tế không có đa nguyên, đa đảng thì chỉ có riêng đảng và các tổ chức ngoại vi, công cụ là có pháp nhân nghĩa là "pháp quyền" mà thôi.

Nói tóm lại tuy bề ngoài có những danh từ hoa mỹ có vẻ như đi cùng chiều với Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, bản dự thảo Bộ luật Dân sự của nhà cầm quyền cộng sản bề trong là một bước leo thang có kỹ thuật, có tính toán của họ để theo đuổi ý đồ toàn trị không đổi dời của những người mác xít cuối mùa còn sót lại trên thế giới.

Qua dự thảo, Bộ luật dân sự dự kiến ban hành chỉ là một ó kéo của cái cùm "pháp quyền" của Đảng.

Ông Võ Văn Kiệt "làm đầu trăm họ"

Trong hội nghị với 300 nhà kinh doanh ngày 8-2-1995, ông Võ Văn Kiệt đã nhức đầu vì những lời than phiền. Các doanh nghiệp tư kêu ca là họ không được đối xử bình đẳng với doanh nghiệp quốc doanh, các công ty nước ngoài, đặc biệt là trong hai lãnh vực xuất nhập cảng và sử dụng đất. Ông Đặng Ngọc Hòa, giám đốc công ty Daso kêu lên thống thiết: "Hãy cho chúng tôi được bình đẳng trên chính tổ quốc của mình". Trong khi đó khu vực quốc doanh lại than phiền là họ bị thua thiệt so với khu vực tư vì không có quyền quyết định nhanh chóng, luôn luôn phải xin phép cơ quan chủ quản, đồng thời phải đóng thuế cao hơn.

Cả hai khu vực tư và công đều phản đối việc Bộ Thương Mại điều hành một số công ty thương nghiệp. Họ coi đó là một vi phạm luật kinh doanh vì Bộ Thương Mại luôn luôn dành ưu tiên cho các công ty của mình.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhấn nhó: "Chính phủ đang làm đầu hai họ, quốc doanh và tư nhân ai cũng kêu mình không được đối xử bình đẳng cả".

Nỗi oan nghiệt của ông Kiệt kể ra cũng được trút bỏ vì cả hai khu vực không mong đợi gì hơn là nhà nước nên rút ra để họ tự lo liệu lấy. Bên quốc doanh đòi được tự trị để tự cổ phần hóa, cho tư nhân mua 50% hoặc 60%; nói một cách khác biến thành công ty hợp doanh với đa số cổ phần thuộc tư nhân. Bên tư doanh thì đòi nhà nước bớt kiểm soát. Nói chung khinh hướng giải tư được mọi người hoan nghênh.

Hội nghị cũng chỉ tiết lộ tình trạng thiếu vốn trầm trọng của doanh nghiệp Việt Nam. Các công ty đều mong được vay tiền kinh doanh, trong khi các ngân hàng, như lời ông Nguyễn Duy Cơ, phó tổng giám đốc ngân hàng Vietcombank, cũng không thiếu vốn. Một thí dụ: công ty Seaprodex đã phải trả 40 tỷ tiền lời cho các khoản vay trong năm 1994.

Bắt đầu có ý thức về nhà đất

Trong năm 1994 đã có một số chuyển động đáng kể trong ngành nhà đất, một số qui định (như các nghị định 60 và 61) đã được ban hành nhằm hợp lý hóa việc quản lý nhà đất từ trước vẫn rất tùy tiện.

Theo ông Nguyễn An Bình (Tuổi Trẻ, 9-2-1995) hiểm họa lớn nhất của ngành nhà đất là sự thiếu khả năng chuyên môn của công chức ngành nhà đất. Cho tới nay, quản lý nhà đất vẫn không phải là một nghề. Không hề có một huấn luyện chuyên môn nào cả. Việc đánh giá nhà đất để đưa vào làm vốn kinh doanh lập xí nghiệp không hề có một tiêu chuẩn khoa học nào cả. Tất cả tùy thuộc trực giác (và lợi lộc) của cán bộ được giao trách nhiệm, đưa đến tình trạng là có khi giá đất được định quá thấp làm nhiều người bức tức là bán rẻ đất đai cho người ngoài quốc, có khi được đánh lại quá cao khiến nhiều doanh nhân than phiền là đất tại thành phố Sài Gòn đắt vào bậc nhất thế giới.

Ông Nguyễn An Bình cho biết là các tranh chấp về nhà đất càng ngày càng trở nên phức tạp, buộc ngành nhà đất phải có trình độ chuyên môn cao hơn.

Ông Bình cũng cho hay là kể từ năm 1995, mỗi năm Sài Gòn sẽ có 15.000 nhà mới, trị giá 7.000 tỷ đồng (700 triệu USD).

Lạc quan về khí đốt

Trong khi việc tìm kiếm dầu gây nhiều thất vọng làm nhiều công ty dự tính bỏ cuộc thì khí đốt lại xuất hiện như một hy vọng mới của Việt Nam.

Công ty British Petroleum vừa tìm ra một túi khí đốt khoảng 60 tỷ mét khối, làm tăng trữ lượng khí đốt kiểm chứng được của Việt Nam lên 50% (trừ lượng khí đốt chứng minh được của Việt Nam trước đó vào khoảng 123 tỷ mét khối). Nhiều chuyên gia dầu khí cho rằng tương lai của Việt Nam là khí đốt chứ không phải dầu lửa.

Về dầu lửa, Việt Nam hiện có hai giếng dầu lớn là giếng Bạch Hồ đã sản xuất 7 triệu tấn dầu và giếng Đại Hùng mới khai thác với mức sản xuất 300.000 tấn trong năm 1994.

Dầu thô của Việt Nam phần lớn được bán cho Nhật. Trái với niềm tin của nhiều người, dầu lửa cho tới nay không phải là một nguồn lợi lớn cho đất nước. Trị giá của dầu lửa hàng năm vào khoảng 600 triệu USD, nhưng Việt Nam chỉ được hưởng một nửa. Bù lại Việt Nam phải chi phí hàng năm cho chi phí khai thác trên 200 triệu USD.

Quân đội Việt Nam chỉ là một thứ quân đội nghèo

Một số nhà phân tích chính trị cho rằng vai trò hội viên ASEAN của Hà Nội rồi đây sẽ tạo ra ít nhiều ảnh hưởng đối với thế quân bình và những vấn đề an ninh Đông Nam Á. Lý do: Hà Nội sẽ góp cho ASEAN một lực lượng quân sự lớn, ASEAN hẳn hoan đón nhận Hà Nội gia nhập tổ chức giữa lúc toàn vùng thập phần lo lắng về mưu đồ bá quyền của Trung Quốc. Việc Bắc Kinh xây dựng căn cứ quân sự ở Miến Điện là một hiểm họa đối với ASEAN và Việt Nam cho nên khối Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á phải liên kết với Hà Nội để có thể đương đầu với Trung Quốc trong tương lai.

Tuy nhiên nhiều học giả khác không đồng ý với các lập luận này vì thấy rằng trong mấy năm gần đây địa vị chiến lược của cộng sản Việt Nam bị lu mờ, khả năng của Hà Nội chỉ còn là luân lách thích ứng hơn là chống trả đề kháng.

Trong cuốn sách "The Vietnam's Army Under Đổi Mới", Carlyle A. Thayer thuộc Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á nghiên cứu tìm hiểu hiện trạng của quân đội cộng sản Việt Nam, đã phát hiện được những nguyên nhân chính khiến chế độ cộng sản Việt Nam phải thay đổi chính sách - điều mà người ngoài ít biết - như rút hết quân từ Lào, tìm cách bình thường hóa với Trung Quốc, cắt giảm quân số còn 600.000, thay đổi hẳn chiến lược an ninh quốc gia để co cụm hoàn toàn sang đường lối phòng thủ. Thayer nói rằng 11 năm hao tổn ở Cam-bốt đã đưa đẩy cộng sản Việt Nam tới chỗ kiệt quệ.

Là một chuyên viên về Đông Dương của Viện Nghiên Cứu Quốc Phòng Úc, giáo sư Thayer thấy Quân Đội Nhân Dân của cộng sản Việt Nam ngày nay không có khả năng tạo ảnh hưởng chính trị cho Hà Nội ở Đông Nam Á. "Bởi vì quân đội đó hiện chỉ là một thứ quân đội nhà nghèo không có phương tiện để sắm sửa vũ khí tối tân và kỹ thuật tân tiến, tha hóa hết tinh thần chiến đấu, tình trạng đào ngũ, trốn động viên đã tới mức trầm trọng. Quân Đội Nhân Dân Hà Nội có thể lo được chuyện nội bộ, chia chác quyền lực với đảng và nhà nước chứ không thể tạo được thế lực quốc tế cho cộng sản Việt Nam". Từ đó Thayer kết luận là bây giờ Hà Nội chỉ còn có ngoại giao và kinh tế để làm phương tiện bảo vệ an ninh quốc gia.

(Trích Thời Sự, tháng 1-1995, do ông Vũ Văn Lê - Houston, Hoa Kỳ - biên soạn và phát hành).

Chấm dứt việc đưa người giúp việc gia đình sang Liban

Như Thông Luận đã đưa tin (xem Thông Luận số 75: Xuất khẩu phụ nữ), số phụ nữ Việt Nam được xuất khẩu sang Liban làm các công việc "tạp vụ gia đình" đang gặp trắc trở. Ngày 4-9-1994, báo Lao Động loan tin Công Ty Dịch Vụ Lao Động Nước Ngoài và Cục Hợp Tác Quốc Tế về Lao Động thuộc Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội đã xuất khẩu 39 phụ nữ sang làm các công việc "tạp vụ gia đình", đây là đợt đầu để đưa 140 người sang Liban "phục vụ gia đình". Báo chí Sài Gòn đưa tin: "Đầu năm 1994, Sulesco ký với OLI (Overseas Link International, Liban) hợp đồng cung cấp lao động phổ thông, nhân viên phục vụ nhà hàng và một số phụ nữ giúp việc trong gia đình. Kể từ 25-8-1994, Sulesco (Sài Gòn) đã đưa sang Liban được 17 người (15 nữ và 2 nam). Mới sang làm việc được vài tháng, ba phụ nữ thoát về từ Liban cho biết: họ đã sa vào một ổ buôn lao động, bị ngược đãi, đánh đập, cấm đoán thư từ liên lạc với gia đình và khẩn cấp kêu cứu yêu cầu được sớm đưa về Việt Nam...".

Bà Nguyễn Kim Lý, giám đốc Công Ty Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động và Chuyên Gia (Sulesco) thuộc Sở Lao Động Thương Binh và Xã Hội Sài Gòn, trả lời báo phóng viên Thế Hưng, báo Tuổi Trẻ số ra ngày 14-2-1995, như sau: Nếu nói là "lọt ổ buôn nô lệ" thì lần trong Nam ngoài Bắc đều lọt ổ chứ không riêng TP.HCM". Theo bà Lý, "các cô vẫn được gửi thư về gia đình, thông qua bưu điện. Có thực tế là cả tuần lễ, do ít dịp ra ngoài phố nên các cô phải nhờ gia chủ, nhờ công ty OLI. Chỉ có vấn đề là

THỜI SỰ...TIN TỨC...THỜI SỰ...

công ty OLI yêu cầu người gọi nếu nhờ công ty chuyển thư thì không được dán kín. Nếu ai dán kín thì người ta cũng xé ra vì là thư cầm tay. Bà Lý nói nếu các phụ nữ này bị hành hạ, họ có thể liên lạc với Sulesco bằng thư hoặc fax, Sulesco sẽ can thiệp ngay. Được hỏi vì sao Sulesco không lên tiếng khi hay tin người lao động Việt Nam bị hành hạ. Bà Lý nói tiếp: "Sulesco sẽ cử một cán bộ cùng với hai chuyên viên của Bộ Lao Động và Thương Bình sang ngay Liban khảo sát tình hình. Sau khi có kết quả thực tế, chúng tôi sẽ có công văn chính thức với Sở Lao Động và Thương Bình và UBND TP/HCM. Trước mắt, chấm dứt không đưa người giúp việc sang Liban và Sulesco sẽ đưa hết 14 lao động của TP/HCM đang còn ở lại Liban về nước".



Giảm 25% tiền thuê đất nhưng giảm 25% của cái gì ?

Theo nghị định 191-CP ngày 28-12-1994 thì kể từ ngày 1-1-1995 tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển sẽ giảm 25%.

Quyết định này được giới kinh doanh đồng thanh hoan nghênh với niềm tin là nó sẽ kích thích đầu tư của nước ngoài. Giá thuê nhà đất để lập xí nghiệp hiện nay vẫn được coi là quá cao.

Một lo ngại mới đang xuất hiện. Thế lực của phía đối tác Việt Nam, mà phần đóng góp chính là đất sẽ giảm đi. Trên đà thắng lợi, các công ty ngoại quốc, điển hình là công ty Đại Vũ Trụ (Daewoo) đòi giảm luôn tiền đền bù giải tỏa đất, phá nhà, phá rừng của người đang sử dụng đất. Nếu đòi hỏi này được thỏa mãn thì nạn nhân sẽ là những người dân thấp cổ bé miệng.

Tuy nhiên những bàn cãi trên đây đều chỉ là lý thuyết. Cho tới nay, trừ một vài khu vực đặc biệt, giá thuê đất không được qui định bằng văn kiện mà theo quyết định tùy tiện của giới chức có thẩm quyền. Như vậy thì giảm 25% của cái gì? Nghị định của chính phủ như vậy chỉ bộc lộ ưu tư của nhà nước là giảm bớt giá thuê đất.



Tặng trên 35.000 USD cho người tàn phế

Cho đến cuối tháng 2-1995, Hội cứu trợ người tàn phế vì chiến tranh tại Việt Nam (Aides aux mutilés de guerre au Vietnam) đã tặng trên 35.000 USD cho 517 hồ sơ xin trợ cấp, gồm 100 xe lăn trị giá 15.000 USD, 30 xe lăn có lắc tay: 6.000 USD, 335 cặp nạng: 10.050 USD và 52 trợ cấp bằng tiền mặt khoảng 4.500 USD (80 hoặc 100 USD mỗi trợ cấp).

Những tặng phẩm trên được gửi thẳng cho những người có đơn xin, trong đó 4/5 là thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa và 1/5 là thành phần dân sự bị tàn phế do chiến tranh. Số xe lăn được phân phối như sau: Sài Gòn: 30 xe, Thủ Đức: 30 xe, Nhà Bè: 10 xe, Sông Bé: 10 xe, Xuyên Mộc: 20 xe, Vũng Tàu: 10 xe, Đà Nẵng, Nha Trang và Bảo Lộc: 10 xe, các tỉnh Miền Tây: 10 xe. Trừ khu vực nội thành Sài Gòn, đa số các thương phế binh hiện đang sống tại các vùng kinh tế mới. Các tặng phẩm trên nhằm giúp các anh em phế binh cụt một và hai chân có thêm phương tiện đi lại dễ dàng hơn trước.

Nhờ sự giúp đỡ này, nhiều anh em thương phế binh và người tàn tật đã ăn được một cái Tết Ất Hợi tương đối có ý nghĩa nhất

trong suốt gần hai mươi qua. Có một số anh em, thay vì nhận tặng phẩm bằng vật dụng đã xin nhận bằng tiền để mua thuốc men chữa trị hay bù đắp những thiếu thốn hằng ngày. Trợ cấp bằng tiền mặt được gửi bằng bưu phiếu đến thẳng người nhận tại Việt Nam. Nhiều vị ân nhân, sau khi nhận hồ sơ do Hội gửi đến, đã về Việt Nam trực tiếp đến thăm hỏi từng gia đình phế binh và trao tặng những món tiền lớn.

Hội cứu trợ người tàn phế vì chiến tranh tại Việt Nam do bác sĩ Phan Minh Hiển thành lập hồi tháng 2-1994. Hội có mục đích giúp đỡ những người tàn phế và trẻ em bất hạnh tại Việt Nam. Ngoài ra, hội còn giúp đỡ những người Việt hiện đang còn bị kẹt trong trại cấm Sikiew (Thái Lan). Hội được sự tham gia của nhiều người giàu lòng nhân ái, ông Nguyễn Quang Hạnh là một trong những người tích cực nhất. Tài chánh của hội hoàn toàn do sự đóng góp cá nhân của bác sĩ Hiển và những vị ân nhân hưởng ứng chương trình cứu trợ phế binh và trẻ em bất hạnh. Hội chân thành cảm ơn sự ủng hộ của quý vị ân nhân trong suốt thời gian qua.

Hội trông chờ sự hưởng ứng và ủng hộ tài chánh của các vị ân nhân. Địa chỉ liên lạc: Bác sĩ Phan Minh Hiển, 215 avenue Pierre Brossolette, 94170 Le Perreux - France. ĐT: (33.1.)43.24.47.64. Ngân phiếu xin đề: Aides aux Mutilés de Guerre au Vietnam.

Tin ghi nhanh

Văn phòng liên lạc Mỹ ở Hà Nội đã bắt đầu hoạt động

Sau khi được thiết lập ở Hà Nội, văn phòng liên lạc Mỹ đã bắt đầu hoạt động. Vì chưa có đủ phương tiện kỹ thuật nên chưa cấp chiếu khán, nhưng văn phòng sẵn sàng cung cấp tin liệu kinh tế cho doanh nghiệp Việt Nam. Được biết ngoài chức năng lãnh sự, văn phòng này còn phụ trách thêm công tác kiểm định 1621 trường hợp người Mỹ được ghi nhận mất tích trong chiến tranh Việt Nam (MIA)

Sài Gòn cải tạo hệ thống cấp nước.

Ngân hàng phát triển Á Châu sẽ cấp vốn để thành phố Sài Gòn cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố. Tổng số vốn, 165 tỷ đồng, sẽ được đầu tư để sửa chữa và mua thiết bị cho trạm bơm Hòa An, nhà máy nước Thủ Đức, gia tăng công suất của nhà máy nước Hóc Môn, cụm giếng Tân Sơn Nhất, Gò Vấp và để nâng cao công suất nước lọc.

Tiền mặt nộp Ngân hàng nhà nước bị trả lại

Nhiều ngân hàng thương mại đã bị Ngân hàng nhà nước trả lại những tiền mặt đã nộp; có trường hợp 100%, nộp bằng loại giấy 2000 đồng. Lý do là những loại giấy này không đủ tiêu chuẩn lưu thông vì mờ nhạt, cũ, cháy, thủng, viết, vẽ, bôi bẩn, rách, mất góc, nhàu. Như vậy chỉ có khoảng từ 10 đến 20% giấy bạc loại 2000 đồng đang lưu hành là đủ tiêu chuẩn mà thôi. Vậy chỗ còn lại 80, 90% giấy bạc 2000 đồng phải bỏ đi thì ai chịu đây?



Sổ Tay

Ổn định

Buổi họp ngày 3-2-1995 của Bộ Chính Trị đảng cộng sản diễn ra trong bầu không khí đặc biệt khẩn trương. Tổng bí thư Đỗ Mười định mở đầu bằng lời chúc Tết và nhắc lại ý nghĩa to lớn của ngày kỷ niệm thứ 65 thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, nhưng ông Đào Duy Tùng cất lời, bảo ông Đỗ Mười đợi đến lượt mình hãy nói, rồi yêu cầu từng vị phát biểu về tình hình đảng và nhà nước.

Bộ trưởng Bùi Thiện Ngộ báo cáo tình thế cực kỳ nguy ngập: công an được lệnh đi bắt hàng lậu thì lại đi báo tin để kiếm tiền; cho ra ngoài đường giữ trật tự giao thông thì không bắt kẻ phạm luật đi đường mà lại nhắm những anh mặt mũi sáng sủa coi bộ là Việt kiều để thổi còi phạt ăn hối lộ; bắt được tài liệu phản động từ nước ngoài gửi về thì làm photocopy bán lấy tiền; được lệnh theo dõi bọn chống nhà nước xã hội chủ nghĩa thì lại đi nhậu với đối tượng. Ông Ngộ báo động phải có biện pháp chính trị ngay, nếu để quân chúng khám phá ra là công an không đáng sợ nữa thì sẽ có bùng nổ, sập cả đảng. Ông Ngộ nhấn mạnh: "Đĩ nhiên chính sách đúng đắn trước sau như một của đảng ta là đàn áp thẳng tay, nhưng dụng cụ bạo lực của ta là công an không dùng được nữa, do đó phải thay đổi chính sách, và phải thay đổi ngay trước khi quá muộn".

Ông Đoàn Khuê báo cáo áp lực của quân đội lên cao như chưa bao giờ thấy. Quân đội đòi phải có đường hàng không, công ty du lịch, khách sạn, vũ trường, nhà tắm hơi riêng để kinh doanh. Càng ngày quân đội càng tức tối với bên công an, bên hải quan, bên kinh tế. Quân đội cũng đòi ăn, và nếu không được ăn thì chắc chắn sẽ có loạn.

Ông Đào Duy Tùng nhận định rằng lương công an, quân đội thấp quá, phải tăng lương thì mới có thể hy vọng họ trung thành với Đảng và tôn trọng kỷ luật và luật pháp. Nhưng ông Phan Văn Khải xoa tay phân bác, ông nói nhà nước hết sạch tiền rồi và kinh tế sắp khủng hoảng lớn, vả lại theo ông mối nguy cơ lớn nhất là sự bất hợp tác, bất phục tùng và chống đối thụ động của dân chúng.

Sau nhiều giờ thảo luận, Bộ Chính Trị nhất trí là tất cả mọi biện pháp khả thi đều đã được thử nghiệm và đều đã thất bại, chỉ còn cách chấp nhận dân chủ hóa, chấp nhận bầu cử tự do. Nhưng tới đây thì Bộ Chính Trị lại không nhất trí về các hậu quả. Ông Võ Văn Kiệt tho biết theo ý ông nếu có bầu cử tự do, đảng cộng sản chưa chắc đã được 10%, thất bại là chắc chắn. Nhưng ông Nông Đức Mạnh lại lạc quan. Ông Mạnh nói: "Nếu chúng ta được 10% số phiếu là chúng ta thắng lớn rồi và có thể chiếm 100% số đại biểu quốc hội. Bởi vì tuy chúng ta chỉ có 10% nhưng bọn đối lập nhằm nhủ lắm. Nó sẽ có vài ngàn đảng tranh nhau số 90% còn lại, kết quả là chẳng ma nào được 5% cả, giỏi lắm lọt

được vài thằng, sợ gì!".

Các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng đều gật đầu đồng ý. Các ông Võ Trần Chí, Lê Phước Thọ, Nguyễn Hà Phan nói rằng chỉ cần được 5% cũng đủ thắng, vấn đề là không biết có được hay không. Đang lúc ấy, ông Nguyễn Mạnh Cầm đột ngột phát biểu:

- Thưa các đồng chí, tôi sợ nhớ ra là cách đây không lâu một tờ báo Mỹ vừa làm một cuộc thăm dò dư luận tại bang Cali trong cộng đồng người Việt và kết quả là có tới 21% cho biết họ có cảm tình với chế độ cộng sản.

Cả Bộ Chính Trị ngơ ngác. Ông Phạm Thế Duyệt nói rằng ngay cả tại thủ đô Hà Nội cũng không thể có được 10% có cảm tình với chế độ. Nhưng ông Nguyễn Mạnh Cầm quả quyết cuộc thăm dò dư luận đó có thực và những người thực hiện đều là những người Việt thuộc thành phần chống cộng rất cực đoan. Ông Ngộ xác nhận nguồn tin của ông Cầm.

Bộ Chính Trị đánh giá sự kiện đó chỉ có thể là thành quả của những cố gắng của các tổ chức chống cộng tại Mỹ. Ông Lê Đức Anh nói một cách phấn khởi:

- Các tổ chức này hơn hẳn tất cả mọi cơ quan dân vận và tuyên truyền của ta. Ngay trong hàng ngũ cán bộ đảng viên mà ta cho đủ mọi đặc quyền đặc lợi cũng không thể có được 21% có cảm tình với ta. Đảng này các tổ chức chống cộng lưu vong hoạt động trong một môi trường cực kỳ bất lợi, gồm toàn những phần tử đã thù ghét ta mà bỏ nước ra đi bất chấp cả sóng gió, hải tặc. Biết bao nhiêu thân nhân của chúng đã chết trên đường vượt biên. Phần lớn những đứa tới được đất Mỹ cũng đã từng bị tù tội, bị công an của ta hành hạ, làm tiền. Chưa kể chính ta còn tổ chức vượt biên bán chính thức lường gạt chúng. Ta đối xử với chúng cực kỳ đê hèn, chúng thù ta không biết bao nhiêu mà kể, vậy mà các tổ chức chống cộng đã đem lại được cho ta 21%, họ tài thực. Ta phải tuyên dương họ và học tập kỹ thuật của họ.

Ông Nguyễn Mạnh Cầm cho biết kỹ thuật của các tổ chức chống cộng tại Hoa Kỳ rất giản dị. Họ đốt sách báo bị coi là thân cộng, họ chụp mũ lẫn nhau là cộng sản, bịa đặt xuyên tạc đủ thứ, xoa bùn trát trấu vào mặt nhau, phá đám các tổ chức dân chủ ôn hòa và phá đám lẫn nhau, hành hung lẫn nhau, có khi ám sát nhau, nhân danh cái mà họ gọi là chính nghĩa quốc gia.

Không khí buổi họp tự nhiên trở nên nghiêm trang. Các ủy viên Bộ Chính Trị trầm mặc suy tư tìm cách khai dụng một khả năng đầy hứa hẹn. Họ thảo luận rất lâu về thắc mắc của ông Đỗ Mười là sao mình cũng xuyên tạc, cũng đàn áp các phần tử ôn hòa, nghĩa là cũng làm giống hệt như họ mà kết quả lại rất bi đát. Ông Đỗ Quang Thắng đề nghị mình cũng đốt sách báo thân cộng và cũng đề cao chính nghĩa quốc gia.

Sau cùng Bộ Chính Trị nhất trí lập kế hoạch khẩn trương đem các tổ chức chống cộng hải ngoại về Việt Nam hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi, xúi giục và tiếp tay để họ chụp mũ, bôi nhọ, phá đám, biểu tình, ẩu đả tới đa trên cả nước, nếu có ám sát thì càng hay. Theo đề nghị của các ông Lê Khả Phiêu, Vũ Oanh và Nguyễn Đức Bình, Bộ Chính Trị nhất trí đặt tên kế hoạch là "đổi mới trong ổn định".

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó